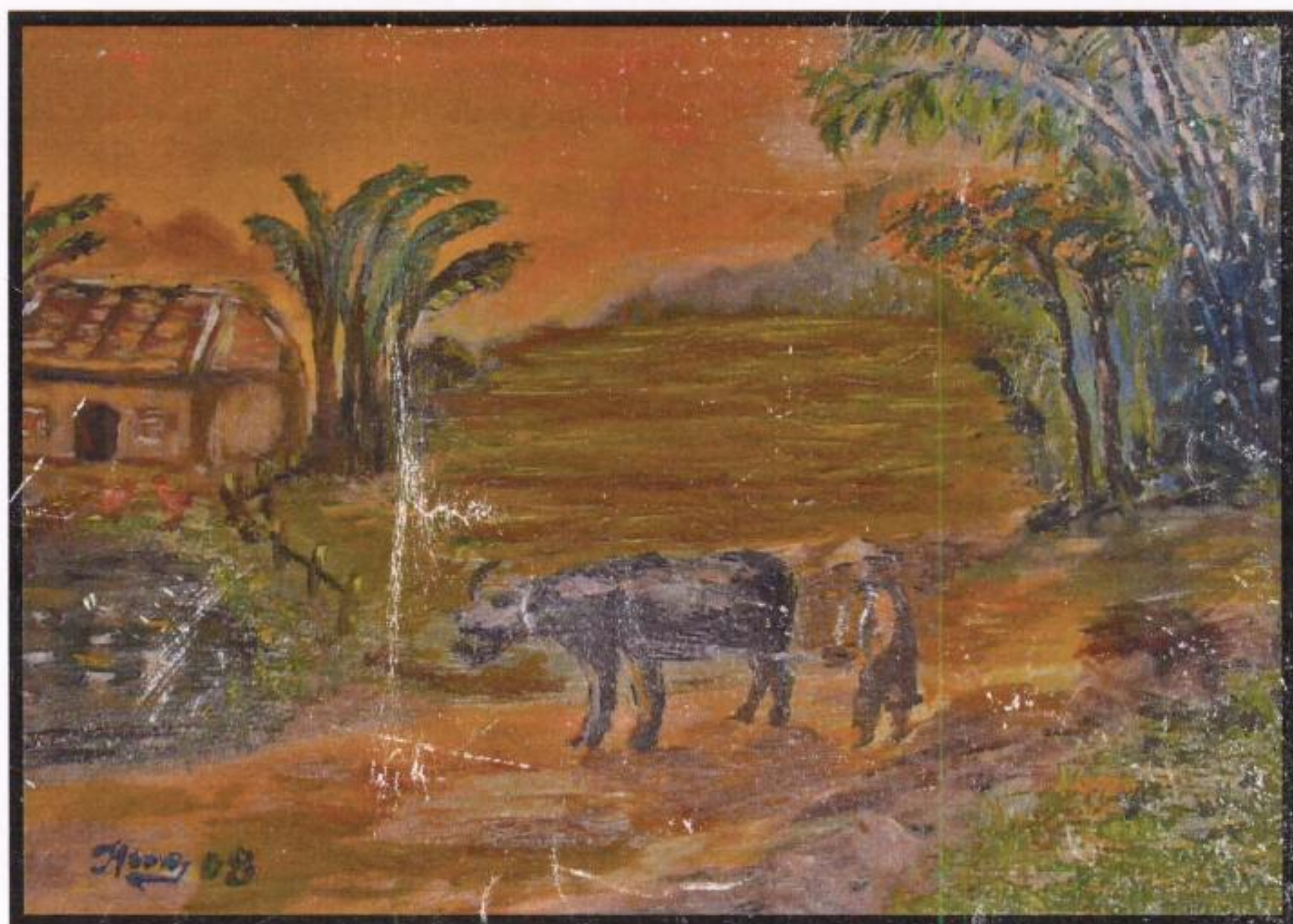


Viết & Đọc



Đặc San 2009

Viết & Đọc
Đặc San 2009



www.vietdoc.no

Thực hiện

Đinh Ngọc Cần, Dương Kim,
Đặng Bản, Thanh Hiệp,
Nguyễn Văn Thục

Góp bài

Hoài Mỹ, Tâm Thanh, Khánh
Hà, Cổ Ngư, Đặng Trình, Cung
Vĩnh Viễn, Dương Kim, Mạch
Nha, Đoàn Mai Tâm, Dương
Kiền, Lê Nguyên, Phạm Tín An
Ninh, Phạm Đông Ngạc,
Nguyễn Văn Thà, Thi Hạnh,
Bác Hộc, Lê Phương Châu, Lan
Anh, Nguyễn Tiến Thành, Trần
Thụy Minh.

Bìa: Trâu
Vũ Thị Hương

liên lạc
post@vietdoc.no
bankkonto: 0539.50.49463

hoặc
Đinh Ngọc Cần
Utholtn 46E
1053 Oslo, Norway

Đặc San Viết & Đọc không
phải là tiếng nói của đoàn thể
hay bất kỳ tổ chức nào. Mọi
chi phí ấn loát do sự đóng góp
của các thân hữu và bạn đọc.

mục lục

Ngỏ	Ban Thực Hiện	3
Trâu ơi, ta bảo trâu này...	Hoài Mỹ	4
Giao thừa	Cổ Ngư	11
Như tiểu thuyết	thi hạnh	12
Thơ: Mùa tường tiếc, Hương ngọc lan,		
Bóng và tôi	Cung Vĩnh Viễn	14
Hương đêm	Đoàn Mai Tâm	16
Thơ: Nhìn lại những con đường,		
Rừng thu	Khánh Hà	18
Tiền điện?	Bác Hộc	19
Khoảnh khắc	Lê Phương Châu	20
A Phò	Phạm Đông Ngạc	21
Người bố - Faderen	Dương Kim	22
Nhớ	Khánh Hà	23
Truyện cực ngắn	Cổ Ngư	24
Khuyh hướng ẩm thực mới ở Pháp	Mạch Nha	26
Âm thầm tưởng nhớ	Đặng Trình NTV	28
Chợt	Dương Kiền	29
Hòa nhịp xuân, Nửa khoảng theo nhau	Lê Phương Châu	29
Gói quà đầu năm	phamtínanninh	30
Thơ: Hai đứa bên đời hai cỗi đau,		
Bẻ đôi huyền thoại	thi hạnh	35
Cười	Lan Anh sưu tầm	36
Angkor môn	Nguyễn Văn Thà	38
Độc Phạm Tín An Ninh	Tâm Thanh	46
Chinh phụ ca	Nguyễn Tiến Thành	47
Đà lạt trời mưa	phamtínanninh	48
Đàn chim nom	Trần Thụy Minh	54
Lá thư Na-uy	Lê Nguyên	56



Ngỏ

Bạn thân mến!

Báo xuân từ lâu đã trở thành món Tết của người Việt mình, như thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ, như nêu cao, tràng pháo, bánh chưng xanh. Viết & Đọc từ hơn chục năm nay cũng trở thành tờ báo xuân cho những người không thể quên Tết, người đọc, cũng như người viết. Cung Vĩnh Viễn nhiều thương nhiều nhớ:

*Bao nhiêu thương nhớ xuôi con nước
Ta biết làm sao để ngược dòng?*

Thương nhớ là chuyện muôn thuở của con người, và cũng là của văn chương vốn là một phần của con người. Đặc biệt năm nay là năm Kỷ Sửu, Hoài Mỹ nói cho ta về con trâu, với những chi tiết thú vị, những câu ca dao về trâu, lại một trời quê hương nghèo khổ hiện về. Ở trong quê hương ấy còn ai nữa, còn gì nữa. Còn, còn nhớ, còn thương...

Trong số này, Viết & Đọc mời bạn đọc đến với những thương nhớ rất gần mà cũng rất xa, chung và cũng rất riêng của những người làm thơ: Cổ Ngư, Cung Vĩnh Viễn, Dương Kiên, Đăng Trình, Khánh Hà, Lê Phương Châu, Nguyễn Tiến Thành, Phạm Đông Ngạc, Thi Hạnh; những người viết văn: Tâm Thanh, Hoài Mỹ, Phạm Tín An Ninh, Đoàn Mai Tâm, Nguyễn Văn Thà. Riêng Phạm Tín An Ninh, anh bỗng trở thành một hiện tượng văn học Việt Nam hải ngoại, Viết & Đọc hãnh diện về anh, và có bài nhận xét qua ngòi bút Tâm Thanh.

Có cả nhạc của Trần Thụy Minh, một người viết nhạc từ Bergen đầm mưa, mà cũng đầm tình, nên làn điệu, lời ca bản Đàn Chim Non riu riu rít rít mùa xuân xanh của mọi người, cho mọi người.

Và tranh Trâu của Hương với những mảng màu màu ruộng đất, những nhát cọ đơn giản mà lột tả ra được hết tâm hồn, cảnh trí một đồng quê nghèo khổ mà hiền hòa xứ Việt; lại nhớ, lại thương...

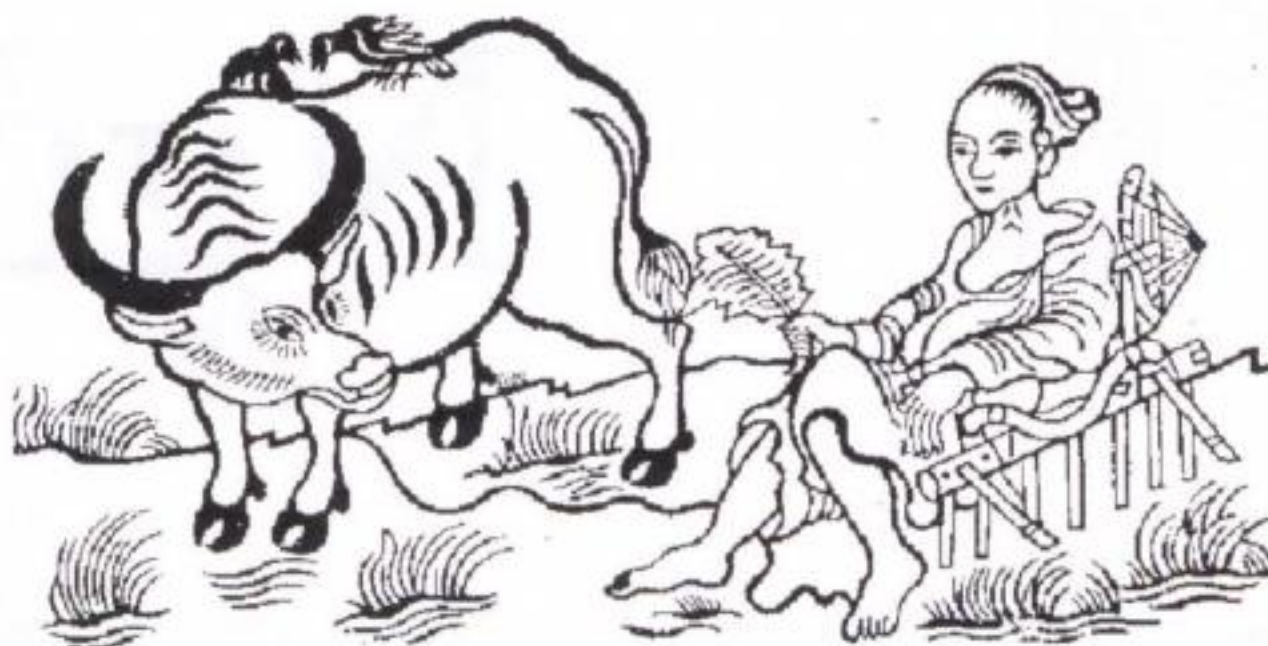
Cuối cùng Viết & Đọc xin mượn lời của nhà thơ Lê Phương Châu:

*Tay run run nét mực nhòa
Vài câu thơ ý chan hòa nhịp xuân.
Chúc người vạn phúc duyên tròng.
Chúc ta một đóa hồng nhung mỉm cười.*

Ban Thực Hiện

Trâu ơi, ta bảo trâu này...

Hoài Mỹ



Tổng Tí: Từ Hán-Việt "tổng" có nghĩa là tiễn đưa, nghe êm tai, chứ không như tiếng Nôm, "tổng" là đuổi đi, nghe "lạnh lùng sương gió" quá. Là một dân tộc vốn trọng nhân nghĩa, người Việt mình mỗi lần "tổng" con Giáp cũ đều có những nghi thức linh đình với cỗ bàn, cúng bái cho dù năm vừa rồi không "ngon lành" như đã khấn vái từ đầu tân niên. Năm Mậu Tý vừa qua, con chuột gây nhiều tai họa cho dương gian hơn là mang lại hạnh phúc. Trong nước, dân Việt vẫn phải sống dưới ách thống trị của chế độ độc tài sát máu. Những hoạt động tranh đấu dân chủ, những cuộc biểu tình phản đối đảng Việt cộng dâng đất, hiến biển Việt Nam cho Trung quốc, những buổi "thấp nển cầu nguyện" đòi nhà nước trả lại tài sản cho Giáo Hội, những vụ khiếu kiện của dân oan... tiếp tục diễn ra quyết liệt nhưng vẫn không được lắng nghe, trái lại còn bị chính quyền thẳng tay đàn áp dã man hơn nữa. Trên thế giới, chiến tranh vẫn "mệt không nghỉ", nào tại Iraq, Afghanistan, nào ở Trung Đông, Phi Châu... Trong khi đó, con cháu Mohammed liên tục "vô tư" mà "ôm bom tự sát" ở những chỗ đông người, tạo nên mối đe dọa khủng bố thường xuyên. Thêm vào đó, thiên tai như được chuột hỗ trợ mà "thừa thắng xông lên", hết giông bão lại lũ lụt, hết tuyết lở lại động đất... Gần cuối năm Tý, nhân loại còn "ngất ngư con tàu đi" trong cơn khủng hoảng tài chánh bị đất chưa từng thấy trong lịch sử kể từ sau vụ suy sụp chứng khoán năm 1939. Chuột ra đi mà còn để lại bao hậu quả đầy huyết lệ cho con Giáp mới thừa kế.

Ấy vậy khi tiễn đưa chuột về dĩ vãng, theo phong tục cổ truyền, người Việt vẫn có những cử chỉ đẹp, nào hoa trái tươi rói, nào thức ăn nóng hổi vừa thổi vừa cúng. Thế nhưng, không hiểu có phải vì bất mãn với lối cai quản trần gian xiu xiu

ên ền của chuột không mà cũng vào thời điểm năm tàn, trời xui đất khiến cho chuột gặp "sao quá tạ" chiếu mệnh, xui tàn canh. Số là vào ngày 19 tháng 10 dương lịch, nhằm 21 tháng 9 Mậu Tý, giáo sĩ Hồi Giáo Muhammad al-Munajjid đại diện hoàng gia Saudi Arabia đã tuyên đọc trên các hệ thống truyền thanh, truyền hình quyết định kết án "fatwa", tức từ hình chú chuột Mickey Mouse. Toàn thể tín đồ đạo Hồi được chỉ thị "thánh chiến" với loài chuột nói chung, với Mickey Mouse nói riêng. Nguyên nhân? Theo lời giải thích của giáo sĩ kiêm học giả al-Munajjid, chiếu theo luật Hồi giáo, chuột, bắt phân "chúng tộc", đều là "quân sĩ của quỷ Satan" (soldiers of Satan). Bởi vậy, tiên tri Mohammed dạy giết chuột là chính nghĩa, ăn ý với đức Allah cao cả. Kẻ nào khi chiến đấu với chuột mà bị chuột cắn chết hoặc lây cho bệnh dịch hạch, đương nhiên trở thành "thánh tử đạo".

Nghinh Sứ: "Nghinh" cũng là một từ Hán-Việt, nghĩa là đón, rước chứ không phải "nghinh" hay "nghênh" tiếng Nôm chỉ thái độ nhìn ngang, ngửa và chẳng kiêng nể ai cả. Dĩ nhiên đón, rước còn quan trọng hơn tiễn đưa, bởi thế người Việt có tục lệ "nghinh tân" với những câu đối, pháo đỏ, với "thịt mỡ, dưa hành, bánh chưng xanh" đồng thời tổ chức đình đám, hội hè, ăn chơi trong 3 ngày liền, vì quan niệm những gì mình làm trong thời gian đầu năm mới sẽ mang lại điều may, vận đỏ trong suốt năm. Bởi thế già trẻ lớn bé đều tạm dẹp tất cả sự đời đen bạc để "vui như Tết".

Năm nay Kỷ Sửu, người Việt đón rước con TRÂU.

Trâu còn được quen gọi là "ngư", tuy nhiên đúng ra, ngư chỉ con bò; trâu phải là "thủy ngư". Dân gian có câu "ngư đầu mã diện" hay

"đầu trâu mặt ngựa" để nói về quý sứ dưới âm phủ hoặc phường hung tợn, bọn tay sai của nhà giàu gian ác trên trần thế.

Con của trâu mang tên khác: *Nghé* - tuyệt nhiên chẳng ai gọi là "trâu con". Nghé chưa giúp được việc gì, hoàn toàn lệ thuộc vào đàn và phải có người chăn:

- Xảy đàn, tan ghé.
- Công anh chăn ghé đã lâu,
Bây giờ ghé đã thành trâu ai cây!
- Trâu anh con cưỡi con dồng

Lại thêm con ghé, cực lòng thẳng chăn!

Bình thường bản tính trâu hiền, trừ khi bị khiêu khích quá độ, trâu trở nên hung dữ, dùng đầu húc, sừng chém tứ tung, khủng khiếp lắm - "sợ trời, sợ đất, không bằng sợ trâu điên". Thế nhưng không hiểu sao, thiên hạ lại hay dùng tên trâu để chửi mắng hay mỉa mai: "*Đồ trâu*", "*dại như trâu*", "*đánh như đánh trâu*", "*khỏe như trâu*", "*đòn khẩy lỗ tai trâu*", "*hùng hục như trâu*"...

Lại nữa, trâu là loài gia súc, lớn con, chỉ có một hàm răng, hai sừng to, dài, hơi dẹp và cong đều; lông thì "lơ thơ tơ liễu buông mành", móng chẻ. Trâu thuộc giống nhai lại, thích nước, khoái đầm nơi ẩm ướt nên bị chê là "lắm như trâu vùi" hay "bẩn như trâu đầm".

Trong số gia cầm, trâu khỏe nhất. Ngay cả bò, đối thủ được xem là tương đương về vóc dáng, nhưng theo nông gia chăm diêm, bò vẫn thua xa trâu về sức lực:

- Trâu gầy cũng bằng bò giống.
- Yếu trâu cũng bằng bò khỏe.

Bởi to xác nên tên trâu thường được đặt kèm với vật hay sự gì lớn khác thường, chẳng hạn: *Cá chim trâu*, *hành trâu*, *rau cần trâu*, *sống trâu* (chỗ gồ ghề trên đường đi), *chứa trâu* (mang thai quá kỳ hạn mà chưa đẻ) ...

Ngoài ra cũng vì thân hình vĩ đại mà trâu còn mang ngụ ý chỉ "lòng tham lam" như câu chuyện cổ tích sau đây:

"Xưa đồn có một quan huyện rất thanh liêm, không bao giờ nhận của đút lót bao giờ. Bà huyện biết tính chồng nên cũng từ chối mọi quà cáp. Một làng nọ muốn nhờ quan huyện bênh cho thắng kiện, nhưng không dám mang lễ vật đến nhà, sợ quan gạt đi. Họ bèn năn nỉ i ôi bà huyện khiến bà xiêu lòng. Nể tình, bà bày cách:

"Quan huyện nhà tôi tuổi Tí. Dân làng đã có ý như vậy thì cứ về đúc một con chuột... bằng vàng, mang đến đây, rồi tôi sẽ cố nói giùm cho, họa may được chăng!"

Dân làng nghe lời, về gom góp tiền của, đúc một con chuột công to, toàn bằng vàng, đem đến lén lút đưa cho bà huyện.

Một hôm, quan huyện chợt thấy con chuột vàng trên tủ thờ, mới hỏi ở đâu ra. Bà huyện liền

thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, quan huyện mắng:

"Sao mà ngốc quá vậy! Lại đi bảo tuổi Tí! Cứ bảo tuổi Sửu có được không?"

Mạn phép nhắc quý ông có vợ hay người yêu tuổi Sửu, năm nay chớ tặng nàng món quà nào mang hình dáng... "sửu" nhé, e sẽ bị nghi ngờ là có ngầm ý chê nàng thứ đồ "to như trâu" hay "béo như con trâu truong". Hoặc nếu nàng ngỏ ý muốn có món trang sức bằng kim cương hay ngọc thạch giống... con trâu thì phải khéo léo gạt phắt đi, kéo gập "khủng khoảng tài chánh" để như chơi đấy!

Đệ nhị Giáp: Trong 12 con Giáp, chuột đứng đầu. Đáng lý to lớn như trâu phải giữ chức thủ quân chứ, đằng này chỉ đứng hạng nhì. Ấy cũng bởi trâu quá chất phác đến độ ngờ nghệch nên bị chuột bé xiu qua mặt mà không hay. Số là khi muốn chọn 12 con vật để thay phiên nhau cai quản trần gian, Ngọc Hoàng đã cho mở một cuộc thi bơi qua dòng Thiên Giang. Tất cả động vật, bất kể ác thú hay gia súc hoặc sâu bọ... đều được ứng thí. 12 con nào về tới đích trước, sẽ trúng tuyển.

Biết mình nhỏ bé lại yếu ớt, chuột ranh mãnh đã lợi dụng lúc trời còn nhá nhem tối, nhảy lên nắp sau tai của trâu. Vốn khỏe phi thường, trâu bơi nhanh nhất. Khi trâu vào gần bờ bên kia sông, chuột phóng mình lên trước, chạy ba chân bốn cẳng đến trình diện trọng tài Thiên Lôi. Rồi lần lượt mới tới trâu, cọp, mèo, rồng... Nhưng rồi mảnh mung của chuột cũng bị lật tẩy, tuy nhiên trâu cũng chẳng khiêu nại, kiện cáo. Vì thế trâu bị các con Giáp khác chọc quê: "*Dại như trâu*". Lời chê bai ấy bay cả xuống dương gian, truyền tụng cho tới tận thế.

Cũng nhân nói về "to", "nhỏ" giữa chuột và trâu cũng như "khôn" và "dại" trên đây, thiết tưởng không vô ích khi nhắc lại một câu hỏi của phần đông dư luận, thế tại sao trâu "bự", người "bé" mà trâu vẫn thuần phục người, phải chăng trâu "dại"? Câu trả lời đã nằm sẵn trong câu chuyện ngụ ngôn này:

"Ngày xưa, một người đi cày, thường quát tháo, đánh đập con trâu đến thế nào đi nữa, trâu cũng phải chịu. Một con hồ lúc đó ngồi trên bờ, thấy lạ, lựa lúc người nghỉ tay, mới mom men đến gần trâu, hỏi:

"Này trâu, mày to lớn thế này, trong khi người chỉ bằng bắp chân của mày, cơ sao mày lại để người đối xử tàn nhẫn như vậy?"

Trâu nhếch môi nửa như muốn cười, nửa chế giễu, đáp:

"Người bé, nhưng trí khôn người lớn".

Hồ ngạc nhiên, xưa nay chưa từng nghe nói trí khôn, hỏi lại thì trâu cũng chẳng biết cất nghĩa thế nào. Hồ bèn tra vấn người:

”Người kia! Trí khôn của người đâu, đưa ta xem!

Người thông thả trả lời:

”Trí khôn ta để ở nhà”.

Hồ hách dịch:

”Về lấy ra đây, ta muốn xem thử!”

”Ta về rồi ở đây mày ăn trâu của tao thì sao? Hay là... Nếu mày đồng ý để tao trói mày lại thì tao mới an tâm về nhà lấy trí khôn cho mà xem”.

Hồ quá tò mò, thuận để người lấy thùng trói lại. Trói xong, người lấy bắp cây vừa phang vào lưng hồ vừa nói:

”Trí khôn của tao đây! Này, trí khôn của tao đây!”

Sau đó, người châm lửa đốt hồ. Nóng quá, hồ lăn lộn để thoát thân, nhưng cũng từ đó nó mang những vết rằn ri là do dây thùng cháy xém, để lại những dấu tích trên lông hồ.

Trên đường từ ruộng về làng, cứ nghĩ đến sự đại đột của hồ, trâu lại cười ngất, chẳng may vấp phải ụ đất, ngã lăn xuống ruộng, gãy mất một hàm răng. Và cũng từ đó loài trâu chỉ còn một hàm răng mà thôi”.

Xuất xứ của trâu?: Đọc sử sách, người ta được biết ở trên trời cũng có trâu, dưới gian trần này dĩ nhiên cũng có, nhưng không thấy viết đâu là nơi xuất xứ đầu tiên của trâu. Mà nếu trâu là ”người nhà trời” như phần đông con thú khác thì không hiểu vì nguyên nhân hay phạm lỗi làm nào mà trâu bị đày xuống dương thế? Ngược lại, nếu trâu sinh quán ở cõi đời ô trọc này thì nhờ đâu mà vượt biên lên được thiên đình để định cư? Cổ nhân ta chỉ kể lại một yếu tố đã có sẵn ở trên trời, ấy là nghề chăn trâu qua hai sự tích Ngưu Lang-Chức Nữ và Thằng Cuội. Theo đó, Ngưu Lang, con nhà nghèo làm nghề chăn trâu; Chức Nữ, con gái Ngọc Hoàng. Đôi trai tài gái sắc say mê nhau đến độ chàng thì bỏ bê cả việc học hành và chăn trâu, nàng quên cả việc quay tơ. Ngọc Hoàng giận lắm, bèn ”rẽ thủy chia uyên” bằng cách bắt mỗi người ở một bên bờ sông Ngâu và chỉ cho gặp nhau một năm một lần mà thôi, vào mùng 7 tháng 7 âm lịch. Vào ngày này đàn chim ô thước thương tình, xây thành cây cầu bắc ngang sông cho Ngưu Lang và Chức Nữ được gặp nhau nhanh chóng chứ không phải chạy vòng vòng tìm đồ chuyên chở. Gặp nhau, chàng và nàng khóc sụt sùi; nước mắt ngập xuống cả dưới trần thế. Dân gian mới gọi đó là Mưa Ngâu.

Còn về Thằng Cuội, ca dao có câu:

”Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,

Bỏ trâu ăn lúa, gọi cha ời ời!

Cha còn cắt cỏ trên trời,

Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên”.

Cuội vốn người trần gian chính cống, nhưng là một kẻ đi nói dối cha, về nói dối chú,

suốt đời chỉ những nói dối và đánh lừa người. Sau cùng, Cuội lừa được một lão trượng hiền lành để lấy một cây đa thần. Vì vợ Cuội đã phạm điều tối kỵ là đái vào gốc cây linh thiêng ấy khiến cây bật gốc bay lên trời. Cuội vừa từ ruộng về, sẵn tay có cái cuốc, liền móc vào cây, mong giữ cây lại được. Nào ngờ, cây đa cứ bay cao mãi, kéo cả Cuội theo, lên tới cung Quảng (mặt trăng) thì dừng lại. Nơi đây đã có sẵn trâu để Cuội chăn hầu có kế sinh nhai, nhưng đặc biệt nhất là có cả Hằng Nga xinh đẹp tuyệt vời.

Trâu ĐÃ biết nói: Truyện cổ tích của bất cứ nước nào cũng xác quyết là ”ngày xưa ngày xưa, tất cả loài vật đều biết nói tiếng người”. Sau vì các ”sự cố” xảy ra khác nhau mà từng loài đã mất đi khả năng phát ngôn ấy. Như trường hợp của trâu sau đây:

”Thuở trước, trâu may mắn được vào ở trong nhà một ông chủ tốt bụng. Ông thường khuyên răn đưa ở phải chăn cho trâu ăn thật no. Mỗi chiều trâu từ đồng về, ông lại đích thân hỏi trâu ăn no hay không.

Một ngày kia, đưa ở quá mê chơi, để trâu đói đến độ hai cái hông hõm vào thật sâu. Đưa ở sợ chủ la, bèn lấy hai mo cau lót hai bên hông trâu rồi bên ngoài lấy bùn đắp lên, trông không thể biết; ai cũng tưởng trâu vui bùn nên lăm cả mình mẩy đó thôi.

Như thường lệ, ông chủ thấy trâu về, ân cần hỏi trâu no hay không. Đưa ở vội cướp lời:

”Thưa ông, trâu no lắm rồi ạ!”

Không ngờ trâu cãi lại:

”No gì mà no! Trong mo ngoài đất. Không tin, lật coi!”

Chủ khám, quả thấy lời mo với đất ra. Ông liền đánh đưa ở một trận thật đau. Nó chạy ra ngoài đồng ngồi khóc thảm thương. Chợt lúc đó có một ông thần đi ngang, thấy vậy dừng lại hỏi nguyên do. Đưa ở kể hết sự thật. Ông thần bảo nó rằng:

”Mày về lấy một nén hương, đốt lửa mà châm dưới hàm trâu là tự khắc nó không nói được nữa”.

Đưa ở làm y như lời thần dạy. Từ bấy giờ, quả thật trâu không những chẳng còn biết nói nữa mà dưới hàm trâu còn nổi lên một cục thịt dư to bằng hạt nhãn”.

Không hiểu sự kiện loài vật không nói được tiếng người nữa là điều đáng tiếc hay điều may mắn. Thử tưởng tượng ta mang một con chó hay con mèo chẳng hạn... từ Việt Nam qua Mỹ hay ngược lại, chắc hẳn ta cũng phải lo sao cho nó học ngoại ngữ để nó có thể hội nhập môi trường mới hay ít ra khi dẫn đi đâu, cũng phải làm thông dịch viên cho nó. Thú thật, chết còn sướng hơn!

Lịch sử loài vật chỉ ghi lại việc chúng

không nói được tiếng người nữa, nhưng chúng vẫn duy trì được ngôn ngữ của chúng - mà ngôn ngữ loài vật thuộc loại quốc tế đấy nhé, nghĩa là dù khác “chủng tộc” hay địa phương, chúng hiểu nhau hết trơn. “No problem!”. Câu chuyện “trí khôn” trên đây là một minh chứng hùng hồn. Tiếc rằng thời nay không còn cụ Hồ Sinh trong thi phẩm Trinh Thử nữa, người duy nhất trên đời thông thạo tiếng loài vật.

Trâu với các loài vật khác: Loài vật có tâm lý không? Có chứ! Chúng cũng mang đủ tình cảm “hỉ, nộ, ái, ố...”. Riêng với trâu, những đặc tính nổi bật hơn cả là “an phận”, “tủi thân” và “ghen tị”; bởi thế mới có thành ngữ: “Trâu cây ghét bò buộc” hay ca dao: “Trâu buộc thì ghét trâu ăn. Quan võ thì ghét quan văn dài quần”.

* Đặc tính “an phận” của trâu phản ánh rõ rệt nhất là trong cuộc “hội ngộ” giữa trâu nhà và trâu rừng: “Một hôm, người cấy ruộng thả trâu lên núi cho ăn cỏ. Bỗng có một đàn trâu rừng đến đổ dành trâu nhà rằng:

“Chúng tôi thấy anh cũng ngon lành, to lớn, khỏe mạnh, oai dũng với đôi sừng vênh ngược lên thế kia. Thế mà chẳng hiểu tại sao anh lại để thằng bé con con nó xỏ dây vào mũi, bắt đi cấy, bừa dù mưa lạnh hay nắng gắt cũng phải chịu, lại lắm khi đói khát cũng không dám kêu than!... Hãy xem chúng tôi đây, ăn ở với nhau từng đàn, từng lũ trên rừng xanh, núi rậm, muốn ăn thì ăn, chơi thì chơi, chẳng bị ai quản thúc mà cũng chẳng sợ kẻ nào... Lấy tình đồng loại, chúng tôi mới bày tỏ lẽ phải cho anh nghe. Hãy theo chúng tôi về rừng cho có bầu, có bạn. Anh ạ, theo chúng tôi thì khôn; không nghe thì chết đấy”.

Trâu nhà đáp lại:

“Thank you! Các anh nói vậy cũng phải, nhưng tôi lại nghĩ khác: Tôi ở dưới này, khi ăn, lúc uống thì có một thằng chặn; lúc ngủ, lúc nằm lại có một nhà riêng. Kề ra như vậy cũng phong lưu chứ. Còn ngày nếu phải cấy, bừa thì âu cũng là công báo ân nghĩa người đã nuôi mình, chăn mình, có chi là khổ sở... Còn các anh ở trên rừng xanh, núi biếc tuy tự do thật đấy nhưng phải dầm sương, dãi gió, ăn không chắc bữa, uống chẳng chắc hơi, thất thường lắm. Ấy là tôi không nói khi gặp cọp, beo, các anh sức mấy được an toàn, dễ dàng bị chúng soi mói... Thôi thì cảm ơn các anh, xin để mặc tôi; đừng các anh, các anh cứ đi; đừng tôi, tôi theo!”

Trâu nhà nói đoạn, mỗi bên đi về một hướng, không chuyện trò với nhau nữa, nhưng dường như bên nào cũng không khỏi có điều... suy nghĩ”.

* “Tủi thân” vốn là tình cảm của những kẻ mang nhiều mặc cảm tự ti, yếu đuối. Trâu tuy to xác nhưng lại thường nghĩ mình bị thua thiệt,

không được đối xử công bằng. Tâm sự này chính trâu đã giải bày với voi: “Một hôm, trâu đang trên đường lên rừng để kéo gỗ thì gặp một con voi lững thững đi tới. Trâu bèn kéo voi dừng lại, trước phản nân, sau than thở:

“Trời đã cho anh một thân hình vĩ đại, lại còn ban cho anh cái sổ thông dong yên ổn, ngày ngày chỉ vui chơi chốn rừng xanh, muốn ăn chi thì ăn, đi đâu thì đi. Anh tu bao kiếp mà được sung sướng thế!... Còn tôi, đây anh xem, cái tính tôi đã nhút nhát lại thân phận vất vả. Người ta bắt tôi hết cây lại bừa, hết kéo xe lại chở gỗ cả ngày... Ước gì tôi cũng được lực lưỡng như anh, mạnh bạo như anh để làm bạn với anh cho vui...”

Voi nghe xong, cười vang cả rừng núi, bảo rằng:

“Anh phát biểu lạ lùng! Trời cho ai kiếp nào, được kiếp đó, cho to thì được to, cho sung sướng thì được sung sướng, chứ ai dám nói cầu mà được”.

Câu nói của voi không ngờ lại càng làm trâu tủi thân thêm khiến trâu buồn rười rượi; nước mắt chảy đầm đìa.

Từ nấy, người chủ thấy trâu đứng nói chuyện với voi, trước còn sợ sệt nấp ở phía xa, sau đánh bạo leo lên một cành cây gần đó, nói to xuống có ý giễu con voi:

“Đầu con voi như đít con chuột!”

Chợt hiểu ra, voi xấu hổ, bỏ chạy vào rừng.

Sau đó người chủ lại gần trâu, xoa tay vào mình nó mà rằng:

“Mày gàn lắm! Can chi mà buồn! Có voi thì voi nhón, không voi thì trâu nhón, kém cóc gì con nào mà suy tị!”

Trâu nghe đổ dành, cảm thấy vui trong bụng. Và cũng từ ngày đó, trâu lại càng gia công giúp cho chủ...

* Tình cảm “tủi thân” dễ đưa tới “ghen tị”. Nếu trâu ghen với trâu hay với bò như các câu thành ngữ, ca dao trên đây đã chứng minh, âu cũng là “chuyện nhỏ”, nhưng ghen tị với những con vật khác nhất là với các con vật nhỏ hơn thì quả thật “hết ý”, như đã xảy ra vụ trâu ghen tị với chó mà lịch sử loài vật còn lưu truyền:

“Một hôm trâu bảo với chó rằng:

“Mày được chủ nuôi nấng ân cần, cho ăn cơm với cá, thịt, nhưng tao thấy mày ngày đêm chẳng làm nên việc gì ra hồn cả. Trong khi tao đây, cấy bừa khó nhọc biết bao mà chỉ được nắm cỏ khô, chút nước đục. Trách thay cái con người ăn ở tệ bạc, bất công quá chừng!”

Chó nói lại, “anh trâu ơi, anh thấy vậy chứ không phải vậy đâu; thật tình tôi nào sung sướng gì; cơm thì cũng cơm thừa, canh cũng canh cạn và chỉ vài miếng xương mà họ đã gặm hết thịt mới quẳng xuống đất. Còn công việc, tôi vốn bốn chân mềm yếu, không cấy cấy được như anh.

Nhưng tôi ở nhà cũng không phải vô ích đâu. Bao nhiêu gia tài của gia đình này đều phó thác cho mình tôi giữ cả. Anh trâu biết không, đây chính là hình ảnh thật sự của tôi:

“Đêm năm canh, con mắt tráo trưng;
Đứa đạo kiếp thấy oai cũng sợ.
Ngày sáu khắc, nằm ngồi giữa cửa;
Kẻ gian tham vào thấy cũng kinh!”

Thôi, tôi xin anh đừng “vạch lá tìm sâu, bới lông kiếm vết” làm gì cho mệt thêm cái đầu; thân phận ta cùng là tôi đòi con người cả”.

Cổ nhân kể câu chuyện trên không cho biết phản ứng ra sao của con trâu trước “triết lý vụn” của chó, nhưng cho tới nay người ta vẫn thấy đôi mắt trâu thường... ươn ướt.

Trâu ở với người: Chẳng cần giới thiệu, người nào cũng biết, trâu ở với ai rồi. Đó là những nông dân. Nơi ở, dứt khoát phải là chốn đồng quê. Không thể khác! Chẳng thế mà trâu đã trở thành tiêu chuẩn để xác định giá trị và vị thế của một người ở trong làng. Kẻ nào có “ruộng sâu, trâu nái” hay “chín đụn, mười trâu” ắt hẳn là người giàu có và vì vậy nhiều thế lực.

Đối với cuộc đời nhà nông, 3 việc được đánh giá là khó khăn nhất; khó về tốn kém đã đành mà nhất là chọn lựa:

“Mua trâu, cưới vợ, làm nhà
Cả ba việc ấy đều là khó thay!”

Riêng trong việc mua trâu, nếu sơ xuất, nghĩa là không chọn được con trâu đúng tiêu chuẩn, kể như mất tiêu con trâu này: “Lộn con toán, bán con trâu”. Người xưa đã ví việc mua trâu quan trọng ngang với việc cưới vợ. Khi cưới vợ, người ta phải chọn con nhà hiền đức thế nào thì mua trâu cũng vậy, phải lựa giống tốt, to con để kéo cày giỏi hay thịt nhiều.

Song song với ba việc khó khăn kể trên, cổ nhân còn nêu ba thứ tai họa, trong số đó loại trâu chậm chạp, “xiu xiu ền ền” cũng là một thủ phạm, khả dĩ gây cho cuộc sống của người dân quê “ngắt ngư con tàu đi”:

“Thứ nhất vợ đại trong nhà,
Thứ hai trâu chậm, thứ ba rựa cùn”.

Nói về màu sắc của trâu; tuyệt đại đa số trâu màu đen, họa hiếm mới có con trắng. Nông dân Việt Nam chẳng phải vì kỳ thị đen, trắng mà không ưa bạch ngư, nhưng chỉ bởi “trâu trắng đến đâu, mất mùa đến đấy”. Ngoài ra khi mua trâu, phải biết xem tướng trâu. Người bình dân cũng chê thứ trâu có đốm ở đuôi chẳng những yếu mà còn lười, nên khuyên là “lang đuôi thì bán, lang trán thì cày”. Nói tóm lại, người ta kén trâu qua đuôi, đùi, chân và các khớp chân: Đuôi tròn, đùi dài, chân ngắn, khớp dẻo dai. Thêm nữa, hàm trâu phải thuộc loại “hàm nghiêng”, nghĩa là đen như nghiêng mực. Tục ngữ định nghĩa một con trâu lý tưởng phải là “cao vây, sa ức, kín sườn,

bụng cheo”.

Thông thường, dân quê “tháng tư thì tậu trâu bò, để ta sắm sửa làm mùa tháng năm”. Trong những ngày tháng làm mùa này, đồng ruộng nhộn nhịp liên tục từ suốt canh sáng tới chiều tà, nhất là mối liên hệ giữa người với trâu thật keo sơn:

“Lao xao gà gáy rạng ngày,
Vai vác cái cày, tay dắt con trâu.
Bước chân xuống cánh đồng sâu,
Mắt nhắm mắt mở đuổi trâu ra cày.
Ai ơi, bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”.

Và trong quang cảnh “chung vai sát cánh” lao động ấy, vật như đã được đồng hóa với người:

“... Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa”.

Có lẽ hiểu tâm lý của trâu vốn hay “tùi thân”, “ghen tị” và ưa hờn mát nên nông phu thường dùng những lời ngon ngọt, chiêu dụ và dỗ dành khi chuyện trò với trâu, đặc biệt trong những lúc cày bừa:

“Trâu ơi, ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.
Cấy cấy vốn việc nông gia,
Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công.
Khi nào cây lúa có bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn”.

Ngoài việc đồng áng, trâu cũng được tham dự vào chuyện cưới xin của người bình dân. Để nhắc nhở những chàng trai nào nuôi mộng “hướng ngoại”, nghĩa là có ý định kiếm vợ ở địa phương khác, cổ nhân khéo ví von: “Trâu đồng nào ăn cỏ đồng nấy” và khuyên chớ quên rằng:

“Trâu ta ăn cỏ đồng ta,
Tuy rằng cỏ cụt, nhưng mà cỏ thơm”.

Trong khi đó, người con gái cũng biết ra “giá” về cá nhân mình:

“Àu ơ... Anh về bán đất cây da,
Bán cặp trâu già mới cưới đặt em”.

Nếu người con trai đã dám cưới, nhưng vì bất cứ lý do gì mà rút lui dù có “trật tự” hay không, phong tục làng xã xưa cũng phạt nặng, đền danh dự cho nhà gái:

“Vào một gà, ra phải ba trâu”.

Tóm lại, theo quan điểm về hôn nhân của người nhà quê xưa, “vô ngư bất thành phu phụ”, nghĩa là không có trâu, đừng mong thành vợ chồng:

“Trăm năm còn có gì đâu,
Miếng trâu liền với con trâu một vầu”.

Sau nữa, theo tổ chức xã hội xưa, lập gia đình rồi nhưng con cái với dâu, rể vẫn sống chung một nhà cùng cha mẹ. Bởi thế có mẫu đối thoại ngộ nghĩnh sau đây - trâu cũng được lôi vào

cuộc:

Chị: - "Của chua ai thấy cũng thèm,
Em cho chị mượn chồng em vài ngày".

Em: - "Chồng em nào phải trâu cây,
Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm".

Ngoài ra, thiết tưởng cũng cần nêu thêm hình ảnh cười trâu của các danh nhân vốn có tính khí ngạo đời. Bên Trung quốc có triết gia Lão Tử, ở Việt Nam mình có thi sĩ Nguyễn Công Trứ; cả hai ông sau khi đã thoát khỏi vòng danh lợi, nếm đủ thứ thăng trầm, theo đó lên voi thì ít mà xuống chó thì vô số kể mà nguyên nhân gây nên những hậu quả "đen như mồm chó" ấy hầu hết bởi những lời thị phi ganh ghét của người đời; thành ra hai ngài cay cú, bèn lấy chiếc mo cau cột sau bộ móng khổng lồ của con trâu mà các ngài ngất ngưỡng cười bên trên để rong chơi khắp nơi với ý ví sự xấu xa của miệng lưỡi thiên hạ không khác gì... hậu môn của trâu.

Trâu và hội hè, đình đám: - "*Lễ Thần Nông*": Thần Nông tức là vị hoàng đế Trung Hoa đầu tiên đã dạy dân nghề làm ruộng, chế ra cây bừa. Lễ Thần Nông là tế lễ vua Thần Nông để cầu mong được mùa và nghề nông phát đạt. Tục lệ này đã được truyền qua nước ta từ thời Bắc thuộc.

Trên các quyển lịch hàng năm của người Hoa cũng như của ta thường có vẽ một mục đồng với ý chỉ vua Thần Nông dắt một con trâu tượng trưng nghề nông.

Lễ Thần Nông hàng năm được cử hành vào ngày Lập Xuân, tại gần cửa Đông Ba. Quan Khâm Thiên Giám (tiên đoán thời tiết, mùa màng năm đó tốt hay xấu) đã cho lập ở đây một cái đài hướng Đông. Trâu và tượng Thần Nông cũng được đưa tới với sự hiện diện của các quan mặc lễ phục, có lính vác gươm đao, tàn lọng, cờ quạt đi theo. Một nghi lễ đơn giản được cử hành như có ý đề trình với thần linh tượng và trâu. Tiếp theo là đám rước. Khi đám rước đi ngang cung vua, một quan Thái Giám vào tâu vua biết. Sau đó, đám rước tiếp tục diễn hành và khi đi ngang bộ Lễ, một viên chức đánh vào móng trâu 3 roi, có ý thôi thúc trâu phải rán sức lao động. Cuộc rước kết thúc ở lễ đài sau khi các quan đồng tế Thần Nông.

Tại các tỉnh, trong ngày Lập Xuân cũng tổ chức tế Thần Nông và do các quan tỉnh hành lễ. Trâu và tượng Thần Nông cũng được đem chôn sau buổi lễ như tại kinh đô.

- "*Cờ lau tập trận*": Vua Đinh Tiên Hoàng mồ côi cha từ thuở nhỏ, sống với mẹ ở quê nhà, hàng ngày chăn trâu cho chú. Ông thường rủ các trẻ chăn trâu lấy bông lau làm cờ, tập trận đánh nhau. Câu hát quen thuộc thời hiện đại: "Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ; ngồi mình trâu phát ngọn cờ lau và miệng hát nghêu ngao" nhằm nhắc lại sinh hoạt thuở thiếu thời của cậu bé họ Đinh. Khi thắng, ông bắt

chúng bạn khoanh tay làm kiệu cho ông ngồi. Lớn lên, Đinh Tiên Hoàng đã được sứ quân Trần Minh Công tin cậy mà giao trọn binh quyền. Sau khi sứ quân Trần Minh Công qua đời, Đinh Tiên Hoàng đã bình định được đất nước, dẹp hết "loạn 12 sứ quân". Năm 968, ông lên ngôi, xưng là Đinh Tiên Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.

Để nhớ lại công đức nhà vua, hàng năm dân làng vẫn mở hội từ 15 đến 20 tháng Hai âm lịch tại làng Trường Yên, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Nơi đây xưa chính là Hoa Lư, đế đô nhà Đinh. Ngoài các cuộc tế lễ, rước xách, trong thời gian hội, dân làng còn tổ chức nhiều trò vui: Thi thơ, rước chèo, chọi gà, bơi thuyền, múa Mưong, uống rượu cần... Và sau hết là diễn tích "Cờ lau tập trận".

Cuộc diễn này do các trẻ em trong làng và hàng tổng thực hiện. Các em chia làm hai phe; một bên đóng vai vua Đinh Tiên Hoàng và bạn bè, còn một bên đóng trẻ chăn trâu các làng lân cận. Cũng cười trâu, cũng cầm cờ lau trong tiếng reo hò, tiếng kèn trống inh ỏi. Chiến cuộc thắng lợi, cậu Đinh Tiên Hoàng được chúng bạn công kênh giữa những cờ quạt sắc sỡ bằng lá cây hoặc tết bằng rơm rạ...

- "*Hội Chọi Trâu*": Ca dao nhắc nhở:

"Dù ai buồn đâu, bán đâu,
Mồng 10, tháng 8, chọi trâu thì về".

Chọi trâu được tổ chức ở một khoảng đất rộng, trước ngôi đền chung của 3 xã Đồ Sơn, Đồ Hải và Ngọc Xuyên, tọa lạc trên địa phận xã Đồ Hải. Để dự cuộc chọi trâu này, mỗi xã trong tổng phải có trâu chọi; cả thảy 14 con.

Dĩ nhiên trâu dự chọi phải được kén chọn kỹ lưỡng, nhưng chỉ có trâu đực mới được chọn để... chọi thôi. Loại trâu chọi thường ở trong lứa từ 8 đến 10 tuổi. Ngay từ tháng Ba đầu năm, dân làng đã biệt phái các tay chuyên môn về trâu đi lùng trâu ở khắp Bắc Việt. Khi mỗi thôn đã chọn được trâu, dân hàng tổng làm lễ trình trâu với đức tôn thần cùng với lễ vật như hương đăng, trà quả, rượu trâu.

Trong thời gian chờ đợi ngày hội Chọi Trâu, thôn nào thôn nấy phải tuyển cử người chăm sóc trâu sao cho khỏe mạnh và nhất là tinh khiết. Người được trao nhiệm vụ thường là một thanh niên độc thân, rảnh việc. Trong khi nuôi trâu, chàng trai này cũng phải chịu mọi sự kiêng khem, như chẳng những không được giải quyết sinh lý mà còn phải giữ "tâm vô tà", không được tính việc hôn nhân, phải tránh các hành động mách mung như trộm cắp, cờ gian bạc lận cũng như không được lui tới những nơi "dơ dáy", chẳng hạn thăm đàn bà đẻ, dự đám táng... đồng thời không được đụng tới các món ăn bị coi là ô uế: Thịt chó, giả cây, hành tỏi sống, thịt trâu

bệnh.

Cỏ rơm cho trâu ăn phải rửa sạch sẽ, đôi khi phải cho trâu bồi dưỡng bằng thóc, nhất là thóc nếp con. Quan trọng nhất là phải gìn giữ không để "ứng viên" trâu chọi này "quan hệ tình dục" với trâu cái. Tục đồn rằng nếu trâu phạm điều này sẽ bị tôn thần vật chết ngay.

Trước ngày hội, đã có những cuộc đấu vòng loại trong những ngày 8 và 9 tháng 6 rồi lại tiếp tục vào ngày 30 tháng 7 âm lịch, chỉ lưu lại 6 con trâu xứng đáng nhất. Trước và sau mỗi trận đấu, dân các thôn phải làm lễ báo cáo với thần linh.

Ngày 10 tháng 8, tất cả 14 con trâu đã dự đấu vòng loại đều phải "trình diện" để tham dự lễ cáo thần linh trước giờ khai mạc các trận chính thức. Sau đó là cuộc rước rất trọng thể những cặp trâu tranh giải; có người che lọng cho trâu, với đủ đồ lễ bộ bát bửu và cờ quạt, lại thêm tiếng trống liên hồi.

Giờ đấu bắt đầu. Vài che mắt trâu được lấy đi, đôi trâu diện đối diện. Có trâu trước đó đã được dân xã cho uống rượu. Cặp mắt đỏ ngầu; chúng đưa cặp sừng nhọn hoắt lên, xông vào húc nhau, chém nhau như có một mãnh lực thiêng liêng thúc đẩy. Cuộc chiến đấu hết sức tàn bạo, dữ dội khiến khán giả nhiều người phải rợn mình, rú lên kinh hoàng... Hai con trâu chọi nhau cho tới khi một con thua chạy hoặc bị đối thủ húc chết tại "võ trường". Trong lúc đó, tiếng trống vẫn vang lên. Dân chúng hò hét để cổ vũ cho trâu nhà.

Xong cặp này tới cặp khác. Bán kết rồi chung kết. Con trâu thắng được dân làng "của mình" mang cờ lọng ra rước trình trọng. Nhưng kết thúc ngày hội, cả trâu được lẫn thua cùng với những con sống sót ở các vòng loại đều bị mổ thịt tế thần. Thịt trâu chia cho hàng tổng, những người có công nuôi trâu cũng như đã tham gia việc tổ chức hội Chọi Trâu - nghĩa là tất ai đã dính máu trâu đều được ăn phần.

Tranh Tết: Trong những năm gần đây, hầu hết tranh Tết cổ truyền đã được in lại nhân dịp năm hết Tết đến. Nhiều gia đình Việt Nam ở trong nước lẫn hải ngoại vẫn sắm những tranh này để treo trong nhà, bên cạnh những cây mai, cành đào hay câu đối. Thiết tưởng đây cũng là một sinh hoạt văn hóa dân tộc mình. Theo niềm tin bình dân, tranh Tết không chỉ để tranh hoàng nhà cửa trong những ngày vui Xuân mà còn để xua đuổi tà ma. Tranh Tết năm Sửu phổ thông nhất gồm có những bức:

- Tranh "nông phu": Vẽ hình một nông dân ngồi dưới gốc cây với chiếc cày bên cạnh và con trâu nằm trước mặt.

- Tranh "Vua Đinh Tiên Hoàng": Vẽ vua (hồi còn nhỏ) cưỡi trâu cầm cờ lau nhưng lại mặc giáp trụ (thay vì cỡi trần mới thực tế), tức là hình

ảnh nhà vua sau khi đã dẹp loạn "thập nhị sứ quân". Ngoài ra tranh Tết về vua Đinh Tiên Hoàng còn hai bức nữa nhưng không vẽ trâu, thành ra không cần được nhắc đến ở đây.

- Tranh "Ngưu Lang - Chức Nữ": Vẽ chàng Ngưu Lang ngồi dưới gốc cây, có con trâu nằm trước mặt trên bờ sông Ngân; đàn quạ đang bắc cầu ô thước; còn nàng Chức Nữ ở bên kia sông ngồi dệt vải, tay đưa thoi.

Bói năm Sửu: Đây cũng là mục không thể thiếu nhân dịp xuân về. Ấy cứ như khoa bói toán bắt mạch thì Kỳ Sửu niên cũng chẳng khá lắm so với Mậu Tý, vẫn không thiếu những vụ "trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết" trên trường quốc tế. Con khủng khoảng kinh tế, đặc biệt thị trường địa ốc tuy ngoi lên được chút đỉnh, nhưng theo các chuyên gia nhận định, vẫn "dai như trâu dai".

Riêng những người tuổi Sửu, nhất là phái nam, cần thận trọng về mặt tình cảm, kéo lâm vào cảnh: "Ba vợ, bảy nàng hầu; đêm nằm chuồng trâu, gối đầu bằng chổi". Việc cưới hỏi tốt đấy! Ai đã dự định, nên tiến hành hôn nhân trong năm nay đi, bởi vì: "Trâu kia ăn cỏ bờ ao, anh kia không vợ, đời nào có con!". Nữ lại càng nên kỹ lưỡng vô cùng trong việc tuyển lựa người phối ngẫu tương lai, kéo sau hỏi hận thì ván đã đóng thuyền: "Tiếc con gái khôn lấy thằng chồng đại - tiếc bông hoa nhài cắm bãi cứt trâu!". Ngoài ra, vợ chồng mới cưới mà sinh con gái thì sớm muộn cũng giàu có "chín đụn, mười trâu", nhất là sau này được nhờ, bởi vì "ruộng sâu, trâu nái không bằng con gái đầu lòng". Những cuộc tình duyên tan vỡ, năm Sửu có cơ hàn gắn với điều kiện phải làm theo lời mách nước sau đây của cổ nhân: "Lạc đường, nắm đuôi chó. Lạc ngõ, nắm đuôi trâu". Những gia súc này vốn nổi tiếng trung thành với chủ, ắt sẽ dẫn đường cho mà trở về tổ ấm. Trong gia đạo, vợ chồng cần hỗ trợ nhau, như thể "trâu béo kéo trâu gầy", không nên ích kỷ "thân trâu, trâu lo; thân bò, bò liệu" hoặc "trâu chết mặc trâu, bò chết mặc bò, củ tỏi giắt lưng", trái lại phải nhớ là "bụng trâu làm sao, bụng bò làm vậy"; và lại "trâu chết, bò cũng lột da". Tình cảm của đôi bên cần tránh cảnh "đặt cái cày trước con trâu", nhưng phải được hâm nóng, làm mới luôn, bằng không cũng giống "lâu ngày cứt trâu hóa bùn". Những ai trong cảnh làm dâu, làm rể năm Sửu dễ bị xui xẻo: "Đi sông, đi biển không chết; chết vì lỗi chân trâu", bởi thế cần khôn ngoan, học hỏi: "Làm rể chớ xào thịt trâu" (nếu không khéo xào, thịt trâu sẽ dai nhách như bánh xe vậy) - "Làm dâu chớ đồ xôi lại" (xôi chỉ được một lửa thoi, hấp lại thì nhão, mất ngon).

Về mặt công ăn việc làm, người tuổi Sửu năm nay nếu biết "nhịn thuốc mua trâu; nhịn trâu mua ruộng" ắt có đồng ăn, đồng để. Gặp cơ hội

làm ăn, hãy tóm lấy liền, đừng sợ "trâu leo cây muỗm" (điềm gờ) rồi chân chừ, cuối cùng chịu số phận "trâu chậm uống nước đục", trái lại phải hiểu là "trâu tìm cọc chớ cọc không tìm trâu", hơn nữa "có ăn có chọi mới gọi là trâu" chứ. Cuộc đời bao giờ cũng lắm cảnh "xúm xít như đám xẻ thịt trâu toi"; và lại "trâu lành không ai mặc cả, trâu ngã lắm kẻ cầm dao".

Bàn về số giàu, nghèo thì cổ nhân đã dựa vào trâu mà phán, quả không "trật đường rầy" chút nào. Này nhé:

"Số giàu, tay trắng cũng giàu,
Số nghèo, chín đụn, mười trâu vẫn nghèo!".

Hay:
"Số em giàu, lấy khó vẫn giàu,
Số em nghèo, dẫu chín đụn, mười trâu cũng nghèo!"

Nói xa nói gần chẳng qua nói thật thế này: Từ ngày ra ngoại quốc dường như người Việt mình nói chung dù sinh năm nào, cảm tình con

Giáp nào, cuối cùng cũng mang kiếp trâu cả với nhau. Bởi hàng ngày ai cũng phải tất bật "cày" chết bò, "từ chết đến bị thương". Giống trâu! Bạn bè mời nhau ly rượu, thường không được đáp ứng: "Hồng dám đâu, mai phải dậy sớm đi "cày!". Gặp lại bạn cũ, chưa kịp hỏi thăm, đã nghe than đủ sáu câu: "Dạo này sức khỏe xuống dốc "can không nổi"! Lại gặp lúc "rách" như tổ đĩa. Phải "cày" hai "job" thôi! Tôi nào lên giường, mụ vợ cũng bắt ca bản "người cày có ruộng". Chịu đời sao thấu!" Hơn nữa, đêm đêm vợ chồng không còn hứng thú cảm dỗ nhau đánh "cờ người", sợ hôm sau bị suy giảm khả năng "cày", v.v..

Thôi thì đầu năm Kỷ Sửu, thành tâm chúc nhau thiết tưởng không gì "ép-phê" bằng mượn lời của người xưa để nhắc nhở nhau vậy: "*Trâu chết để da; người ta chết để tiếng!*".

Hoài Mỹ

giao thừa

Trên chuyến tàu trễ mười lăm phút
Nghe giao thừa về điểm nhịp trong đầu,
Giữa những mặt người dầu dầu nhẵn nhõ
Có mặt ai vẫn vện nếp âu lo.

Giao thừa! Giao thừa!

Nhắm mắt lại: đâu đó tiếng nói cười, bánh chưng, tràng pháo...

Mở mắt ra: những mặt người nhâng nháo cuối chiều, vội vã đen kịt sắc đêm.

Nhớ đến em

Và lũ con ra vào trông bố

Khi ánh vàng từ những khung cửa sổ khu phố nào vùn vụt bỏ lại sau lưng,

Chợt thấy mùa xuân tung bừng hiển lộ

Nơi bến ga sau

Ở cuối đường tàu.

Cổ Ngự



Như Tiểu Thuyết

thi

hạnh



Hai người ngồi đối diện nhau trong một quán nước bình dân. Mùa thu, mưa vẫn thường hay tí tách từng hạt nghe đến nỗi lòng. Nàng uống một hơi gần cạn ly nước chanh. Để chiếc ly xuống mặt bàn, nàng hỏi:

- Anh có muốn lấy vợ không?

Tôi ngỡ ngàng, nói đúng ra là hơi ngỡ ngàng với câu hỏi bất chợt đó của nàng. Thật tình thì tôi chưa muốn lấy vợ, nhất là vào thời điểm này và tại đây. Thành phố Sài Gòn với những đoàn xe dập dồn từ khuya tới sáng, từ sáng tới chiều, từ chiều tới tối... Tôi đắn đo:

- Anh chưa nghĩ tới chuyện đó, nhất là vào lúc này, còn tương lai thì chắc hẳn phải lấy chứ, ai có thể ở vậy hoài đâu em.

Câu trả lời mà tôi cho là dung hòa giữa hai chữ có và không, lại là một lưỡi dao rất bén vô tình đâm xuyên qua quả tim bé nhỏ của nàng. Tôi vẫn hồn nhiên, nhâm nhi ly cà phê như vẫn thường nhâm nhi mỗi ngày, tại đây. Quán nhỏ này đã trở nên quen thuộc từ khi hai chúng tôi quen nhau. Một cuộc tình đến rất nhanh, nhanh đến nỗi chính chúng tôi cũng không biết ứng phó làm sao. Như những người con trai khác khi yêu, tôi cũng cứ tới đây hay tới đó. Nàng thì cương quyết hơn, và là một người con gái tự tin, có bản lĩnh tự quyết cho cuộc đời của mình. Nàng nhìn sâu vào đôi mắt của tôi, và đó cũng là lần cuối nàng nhìn tôi như thế.

Chúng tôi xa nhau, chẳng hiểu vì lý do gì mà không còn gặp nhau nữa. Tôi vẫn bình thường qua lại trên con phố tấp nập người và xe. Có đôi lúc tôi cũng tự hỏi tôi về nàng. Không biết hiện giờ nàng ở đâu, làm gì. Ở thật xa hay chỉ quanh quẩn quanh đây, nhưng ẩn hiện ở một nơi nào đó thật sâu trong lòng thành phố mà tôi không còn nhìn thấy hoặc nhận ra.

Đến rồi vài tháng sau buổi chiều mưa ấy, giữa những đoàn người qua lại, tôi bắt gặp một khuôn mặt quen thuộc, nhưng vóc dáng thì có hơi đổi khác. Tôi hơi chùng hững khi nhìn cái bụng nàng nhô nhỏ nhưng đang bao bọc một mầm sống còn con. Nhìn thấy sự ngỡ ngàng trong ánh mắt của một người con trai mới đó đã ra dáng đàn ông, nàng nhỏ nhẹ:

- Em lấy chồng rồi anh ạ.

Chỉ một câu nói đó thôi cũng đã giải tỏa bao nhiêu thắc mắc trong đầu tôi. Tôi như hiểu được tại sao nàng không còn muốn gặp tôi, mà còn cố tình tránh né. Tôi không muốn dò hỏi thêm, nhất là hỏi đến những chuyện đã qua. Thôi thì cứ coi như cuộc tình ấy là một cơn mộng thoáng qua, một cơn mộng không để lại dấu vết. Tôi phá tan sự thinh lặng giữa hai người:

- Họ... có tốt với em không?

- Anh muốn nói chồng em?

Tôi gật đầu, nàng băng quơ:

- Họ là gia đình danh giá anh à, và họ...

Nàng ngập ngừng:

-... lo cho em rất đầy đủ.

- Vậy thì anh mừng cho em đã lấy được người chồng tốt.

Tôi nghe như có cái gì nghèn nghẹn trong tim, không phải đau, không phải giận, nhưng hình như có một điều gì đó không minh bạch, khó nói. Trong mắt nàng dường như cũng có những ngấn lệ long lanh. Tuy nàng cố tình che giấu, nhưng tôi vẫn nhận ra điều đó khi vô tình bắt gặp ánh mắt thân quen.

- Thôi em phải đi, vì không thể đứng như thế này mãi.

Tôi chợt nhận ra sự hiện diện vô duyên của hai chúng tôi giữa lòng thành phố này. Tuy chẳng ai nhìn hoặc quan tâm đến chúng tôi, nhưng tôi vẫn thấy như bao cặp mắt đang đổ dồn về phía chúng tôi, soi mói. Tôi hốt hoảng hỏi nhanh:

- Làm thế nào để anh có thể gặp lại em?

- Tốt hơn là không gặp nữa.

Nàng đi nhanh, về một nơi quen thuộc hay về một phương trời nào đó, vô định. Những tâm tư, những dằn vặt trong cuộc sống của nàng rồi cũng chỉ một mình nàng hiểu, và chấp nhận.

oOo

Đứa bé được sinh ra trong nỗi oan nghiệt, chua cay, và giữa dòng đời tất bật, không có ai đoái hoài, quan tâm, chỉ có nàng, một người mẹ trẻ, tóc chưa nhuộm bụi trần mà đã bị cuốn sâu vào lòng đời đen bạc.

Chồng nàng cũng nhận ra sự thật này, khi con bé chào đời chỉ tám tháng sau ngày cưới. Anh bắt đầu gay gắt và nói những lời chua cay, hằn học. Những ngày sau đó anh không về nhà, để mặc con bé còn đỏ hỏn trong vòng tay người mẹ không có sức chăm nom. Nàng cắn răng chịu đựng, không oán trách ai, mà cũng không có quyền oán trách khi định mệnh này là do chính nàng gây ra, mang vào.

Cũng không trách được nàng, vì chính nàng cũng không biết mình đã có thai trước ngày cưới. Nếu như, nếu như mọi chuyện rõ ràng hơn thì chắc nàng đã không nhận lời cầu hôn của chàng trai. Tôi tin là vậy, vì trong mọi tình huống, nghịch cảnh, nàng vẫn luôn luôn là một người bản lĩnh, đầy nghị lực, biết tự lo cho mình, và lo cho một mầm sống nhỏ nhoi mới tựu thành trong bụng. Nàng không bao giờ cần đến lòng thương hại của ai.

Con bé rất xinh, giống mẹ. Tôi gặp bé một lần, trong bệnh viện. Đó là lần đầu và cũng là lần cuối cùng. Đôi mắt bé long lanh, bàn tay thon nhỏ với những ngón bé xiu bé xiu. Nàng nhìn tôi, chua xót:

-Em từng hứa với lòng mình là sống để bụng chết mang theo, chứ không bao giờ cho anh biết nó là con anh.

Nàng tiếp:

- Nhưng hôm qua, bác sĩ đã quả quyết rằng con bé sẽ không sống nổi...

Tôi cướp lời:

- Nên em mới cho anh biết phải không?

Nàng gật đầu, đau khổ. Dù nàng vẫn cố tình ngăn chặn dòng lệ như cứ chực chờ để được lệnh tuôn rơi, thì những giọt nước mắt kia cũng đã tràn ra khóe mắt. Nàng vội vàng gạt đi, như để che giấu, không cho tôi biết cội lòng tan nát ấy. Tôi muốn gào thét to, trách móc thật nhiều để vơi đi mạch nóng đang bùng bùng trong cơ thể. Nhưng trách ai, hờn ai, giận ai?... Nàng ư?... Không phải nàng còn đau khổ hơn tôi gấp bội hay sao?... Giá như thời gian chậm lại vài tháng, giá như nàng biết trước được sự kết tinh của tình yêu hai đứa... Trăm ngàn cái giá như cũng không làm sao thay đổi được thế cờ.

tôi chẳng thể hiểu người...

cũng chẳng hiểu chính tôi

như con nước ngược xuôi không bến đỗ

quẩn quanh quẩn quanh

giữa biển đời giông tố

không tìm được một chỗ để dung thân

(mỗi lần gặp em...

... tôi lại cứ phân vân

giá như mình được một lần làm lại)...

em và tôi...

chúng ta... có ngăn ngại...

cho nhau chuỗi đợi chờ để đời mãi như thơ?...

và dĩ nhiên...

đời không phải là mơ

và thời gian đã đi không bao giờ trở lại

để em và tôi...

... chúng ta

xa cách mãi

trăm vạn vòng tay với vẫn hoài xa...

Tôi đặt một vòng hoa trắng, nhỏ nhỏ, xinh xinh trên ngôi mộ còn con vữa đắp, kèm với dòng chữ viết tay: "Cho Thiên Thần bé nhỏ của ba".



Thơ Cung vĩnh Viễn

mùa tưởng tiếc

Có một mùa xanh mắt luyến thương
đêm xanh huyền hoặc mộng hoang đường
tóc em xanh mãi mãi thơ đại
những áng mây trời trôi vẩn vương.

Có một thời ta sống thiết tha
yêu mây yêu gió, cỏ cây và
yêu em mê mẩn trang tình ái
thơ viết thơm nồng trên giấy hoa.

Có một lần hai đứa ngất ngây
khi môi ta chạm đoá môi say
em run giấu mặt sau tờ báo
ta giả lơ nhìn mây trắng bay.

Có một chiều mưa gió phũ phàng
lá vật mình đau nỗi hợp tan
em đi bước vội như đi trốn
hay muốn đi tìm lại chính em?

Có một đêm đi giữa phố khuya
bóng dài nghiêng ngả đổ trên hè
thèm nghe nhịp bước âm thầm cũ
chung cả đường đi lẫn lối về.

Có một mình ta đứng cuối sông
đầu sông ai giống điệu thu không
bao nhiêu thương nhớ xuôi con nước
ta biết làm sao để ngược dòng?



hương ngọc lan

Những ngày còn thơ dại
nhà ở chôn quê xa
cuối con đường đất nhỏ
ẩn hiện mái chùa xưa.

Những trưa hè oi ả
mấy chị em trốn nhà
vào sân chùa đùa nghịch
ngủ dưới gốc cây già.

Cây ngọc lan cao vút
tàn lá rộng thênh thang
những búp hoa trắng nõn
tỏa hương thơm nhẹ nhàng.

Hương ngọc lan dịu dịu
trong giấc ngủ trẻ thơ
mơ màng trang cổ tích
nồng nàn bao mộng mơ.

Những ngày rằm, mỏng một
vị sư già hiền từ
chia cho phần xôi oản
biết bao nhiêu đậm đà.

Thế rồi theo chinh chiến
bỏ làng quê đi xa
nơi thị thành huyên náo
khuất bóng mái chùa xưa.

Miệt mài theo cơm áo
bao nhiêu nỗi ê chề
mơ chỉ là mơ hảo
lòng vẫn lòng u mê.

Trôi theo dòng đời cuốn
mỗi ngày một đi xa
con nước vô tình lắm
nhớ gì bên sông xưa.

Đôi khi dừng chân lại
trước những chùa nguy nga
trông vàng son lộng lẫy
thấy bóng mình ngu ngơ.

Chiều hôm nay buồn lắm
đi tìm một bến sông
giữa đất trời ảm đạm
tiếng chuông chùa thu không.

Tiếng chuông xa vắng quá
đội giữa lòng mênh mông
như những trưa hè cũ
hương ngọc lan dịu dàng.

Mênh mang dòng lưu thủy
chảy về bến sông Hằng
cuối cuộc đời mê mải
đưa ta về bến tâm.

Mái chùa xưa rêu phủ
khuất sau những cây già
hương ngọc lan ngày cũ
tỏa ngát trong hồn ta .

bóng và tôi

Bởi tôi bắt bóng thả mồi
cho nên bóng vẫn ở đời với tôi
xưa em thả tóc bên trời
giờ tôi ngắm bóng mây trôi lại buồn
ở trong những đồng tro than
ủ hoài một đóm củi tàn xót xa
ở trong hiu quạnh tuổi già
soi lung ly rượu nhạt nhòa bóng ai

Tầm tầm mưa đổ mái ngoài
một tôi một bóng sứt sùi với nhau.

Cung Vĩnh Viễn



Hương đêm

Đoàn Mai Tâm



Chán cảnh kẹt xe, về quê lần này, tôi chọn mọi sự di chuyển vào ban đêm. Từ một chuyến bay đáp xuống ban đêm, tôi đỡ phải xếp hàng chờ chực làm thủ tục nhập cảnh, cũng bớt cảnh dành khách thô bạo của các bác tài taxi, cho đến các chuyến xe ra ngoại ô vắng và mát mẻ.

Vượt hơn trăm cây số, tôi đứng trước ngôi nhà ông nội. Đêm mới qua quá một nửa. Tôi gõ chùm chìa khóa vào thành cổng, con chó xô ra sủa lên inh ỏi. Nhưng khi bà nội tôi ra mở cổng, con chó thấy chủ mừng rỡ, nó cũng chồm lên mừng theo cuống quít.

Bà nội vẫn coi tôi, thằng cháu mồ côi lên ba như ngày nào, tuy bây giờ tôi đã ngoài ba mươi tuổi. Bà xoa đầu bóp má tôi, cố nhướn đôi mắt kèm nhèm nhìn tôi cho thật rõ. Tôi ngồi bên nội trước mâm cơm đã dọn sẵn nghe nội kể chuyện gia đình ngày tôi còn bé; nhưng khi nội thấy tôi chẳng ăn uống gì thì lại giục tôi đi ngủ.

Tôi ngả lưng trên chiếc giường cùng cái gối mây, mà cứ theo như lời bà tôi kể thì đó là giường và gối của ông nội tôi lúc sinh thời. Tôi cố gắng chợp mắt lấy vài tiếng đồng hồ trước khi trời sáng, nhưng những mẩu chuyện bà nội kể cứ chập chờn mãi trong giấc ngủ. Nào chuyện bố tôi chết trận đêm trước ngày giải phóng, chuyện mẹ tôi, gái một con trước những con mắt hau hau của các ông chủ mới của đất nước lắm chức nhiều quyền và chuyện ông bà nội đón tôi về nuôi, rồi

cho tôi thế vào chỗ và mang tên một đứa con đã chết trong cuộc vượt biên trước đó của một gia đình bạn lính chung đơn vị với bố tôi ngày trước để được cùng với vợ con họ sang đoàn tụ với chồng ở Na-uy.

Sáng hôm sau, tôi bị đánh thức bởi cái nóng của vùng nhiệt đới và tiếng ồn của đứa em cùng mẹ khác cha đến đón tôi về nhà bố ghé dự tiệc. Đã hai đêm thiếu ngủ, tôi lại ăn mặc xuềnh xoàng cho nên khi vừa đến nơi, tôi chưa kịp nhận ra ai vào với ai, đã nghe có tiếng: "Việt kiều đây hả, sao chẳng giống Việt kiều gì vậy!".

Trong bữa tiệc, tôi nghe người ta nói qua nói lại với nhau đủ mọi thứ chuyện, nhưng chung qui cũng là chuyện cầu kết làm ăn giữ người có quyền và kẻ có tiền. Có phụ nữ có lẽ chỉ bằng cỡ tuổi tôi, thế mà bố ghé tôi nhà nhót như với kẻ đồng vai đồng vế, khiến tôi ngượng chẳng biết phải xưng hô thế nào với họ nữa. Bất ngờ, có người hỏi tôi: "Ở bên Na-uy, cậu làm gì?". Tôi bảo: "Cháu giúp người già và người tàn tật tại nhà của họ". Cả bàn tiệc im lặng. Một lúc sau, có người hỏi gần: "Vậy hóa ra, cậu sang bên đấy đi ở đợ cho người ta à?". Tôi không biết phải trả lời làm sao. Còn bố ghé tôi thì cúi gầm mặt, mãi cho đến khi ông ghé sát vào tai tôi bảo: "Giữ thể diện cho bố mẹ, không có bằng cấp thì phải nghĩ cho ra tên một cái bằng, không có địa vị phải nghĩ cho ra tên một cái chức tước để gắn vào tên mình". Nhớ đến thời gian học tiếng Na-uy vất vả lắm

mới có thể được nhận vào học, còn phải đi thực tập, rồi phải xin việc mãi mới được công việc như hiện nay, tôi âm ức muốn hét vào mặt ông: “Làm việc gì không quan trọng, mà quan trọng là làm như thế nào”.

Bữa tiệc kéo dài ồn ào mà kết thúc lại nhanh. Người thì được đàn em hay người nhà đem xe đến đón về, kẻ thì tìm chỗ nằm ngủ. Lúc còn lại riêng tôi với mẹ, mẹ ôm tôi khóc. Cái bàn tay mềm mại, dịu dàng của một người mẹ còn trẻ ngày xưa tôi thèm thuồng biết bao, nay trở nên nhăn nhoe gầy gò. Tôi không biết mẹ khóc vì lâu ngày gặp tôi không ngăn nổi xúc động hay vì cuộc sống hiện tại mẹ không có hạnh phúc.

Tuổi thơ ngày xưa, vì hoàn cảnh đã không cho tôi ở với mẹ được lâu, còn bây giờ vì công việc tất bật chạy đua làm giàu cuốn mẹ theo, tôi cũng chẳng được hơn gì. Ngôi nhà của nội vẫn là nơi đón tôi về, và đám côn trùng trong vườn như một lũ bạn trung thành ban đêm tỉ tê chuyện cũ. Một trận mưa giáng xuống bất ngờ, đàn kiến vội vã ôm trứng lũ lượt leo lên tường nhà tránh nước và từng đàn mối cánh nâu bay vào hiên nhà vây kín ngọn đèn. Vài chú ếch ương nhoeai lên từ mép bậc thềm, ngồi chờ cơ hội ngoạm những con mối bị rụng cánh rớt xuống thềm nhà.

Trong khi đang ngồi theo dõi sinh hoạt của cái thế giới côn trùng, tôi nghe thấy tiếng xe cứ mỗi lúc một gần. Khi chiếc xe đến dưới ánh điện, tôi nhận ra người ấy là bố ghê tôi. Sự xuất hiện của ông làm tôi hốt hoảng, vì ông luôn bận chức, bận quyền, bận với những kẻ bám vào quyền chức của ông mà làm giàu, chẳng bao giờ ông có giờ cho tôi. Thế mà hôm nay đích thân ông đến chỗ tôi giữa lúc trời mưa lại càng làm tôi thêm lo sợ.

Những lo sợ trong lòng như hiện ra cử chỉ tôi lúc ấy nên bị bố ghê tôi chặn đứng ngay khi vừa mới gặp mặt. Rồi ông chậm rãi bảo: “Hôm nay bố muốn nói với con điều làm lương tâm bố cắn rứt mãi, vì bố đã không làm được cái điều ấy cho con lúc con còn bé. Bây giờ bố phải làm cho con, không thì trễ mất”. Tôi không biết điều ông muốn làm cho tôi là điều gì mà tôi cũng không hỏi thêm. Một lúc sau ông tiếp: “Mẹ con con phải được sống gần nhau”. Tôi hiểu được một cách lơ mơ và cho dù ông đã rào trước đón sau tôi vẫn cảm thấy đau xót trong lòng: ngày thơ bé tôi cần mẹ, ông chẳng ban cho tôi cái ân huệ này, đến lúc tôi đã trải hết những ngày bé dại cô cút đã có thể sống tự lập, tôi chẳng cần nữa, ông lại làm cái điều ấy cho tôi. Tôi thấy ông giả nhân giả nghĩa, nhưng lòng khao khát tình mẫu tử từ từ tấm bé đã

phát ra miệng tôi cách vô thức. Tôi hỏi ông: “Vậy bố làm bằng cách nào?”. “Bố nghĩ cách tốt nhất là con làm giấy bảo lãnh cho mẹ sang Na-uy sống chung với con”. “Thưa bố, việc này không thể được, vì hiện nay trên giấy tờ ở Na-uy mẹ của con là một người khác”. Bố ghê tôi giải thích: “Mình có làm điều gì mờ ám, giả dối đâu mà! Mình mẹ con ruột thì bây giờ thiếu gì cách xác minh. Con cứ lo giấy tờ của con ở Na-uy, phần của bố ở Việt Nam thì tự do thôi”.

Về lại Na-uy, tôi xúc tiến việc xin bảo lãnh cho mẹ. Công việc trải qua nhiều giai đoạn, cần nhiều thời gian để tìm chứng cứ xác minh. Ngay cái giai đoạn đầu là nộp hồ sơ còn chưa bổ túc xong, tôi đã nhận được giấy tờ của mẹ do bố ghê tôi làm ở Việt Nam gửi sang. Nào là giấy chứng nhận độc thân, nào là giấy không có người nuôi dưỡng, nào là chỉ có một đứa con trai duy nhất ở Na-uy...Bây giờ tôi mới hiểu hết cái hàm ý của hai chữ “tự do” bố ghê tôi nói hôm trước.

Mặc dù tôi và bố mẹ nuôi ở Na-uy mất rất nhiều thì giờ, qua nhiều cuộc phỏng vấn vắn vẹo của sở ngoại kiều và chúng tôi phải trưng dẫn chứng cứ xác minh, cuối cùng tôi cũng nhận được giấy bảo lãnh cho mẹ. Ngày mẹ tôi nhận được giấy bảo lãnh, bố ghê cho mẹ tôi về ở nhà ông bà nội tôi viện lý do là để chuẩn bị giấy tờ xuất ngoại.

Khi hồ sơ xuất cảnh của mẹ xong, tôi về Việt Nam đón bà. Một buổi trưa, trong lúc hai mẹ con đang ngồi ăn cơm ngoài hiên nhà ông nội, trời nóng, tôi phanh áo vô tình để phơi ra trước ngực tấm thẻ bài của bố tôi khi ông còn trong quân đội. Mẹ tôi kéo tấm thẻ từ sợi dây trên cổ tôi lật lên xem. Bà xem, xem thật kỹ như người ta xem kim cương, vàng để phân biệt thật giả. Rồi bà bảo tôi: “Cho mẹ”. Tôi nghiêng người móc ví ở túi quần sau mồi ra một tấm thẻ khác và bảo: “Cho mẹ cái thẻ này còn giá trị hơn”. Đó là cái thẻ căn cước quân nhân của bố, tôi nhận được cùng lúc với cái thẻ bài từ người bạn lính của bố ngày tôi theo vợ con ông đến Na-uy đoàn tụ gia đình với ông. Trên tấm thẻ có hình bố, có số quân với đầy đủ lý lịch trong đó có cả tên của mẹ. Tôi đặt cái thẻ vào lòng bàn tay bà. Và dường như nó kéo mẹ về sống với nó, với những kỷ niệm trong đời mẹ hơn cả những cái va li đang chờ để xếp vào đầy những thứ cần thiết cho một cuộc hành trình dài, đến sống ở một nơi xa lạ.

Mẹ con tôi cứ ngồi mãi với nhau bên những suy nghĩ cũ mới chồng chất đan xen vào nhau. Thành linh một cơn lốc xoáy từ sân sau quét vào hiên nhà hất đổ chén canh mẹ nấu tôi chưa kịp

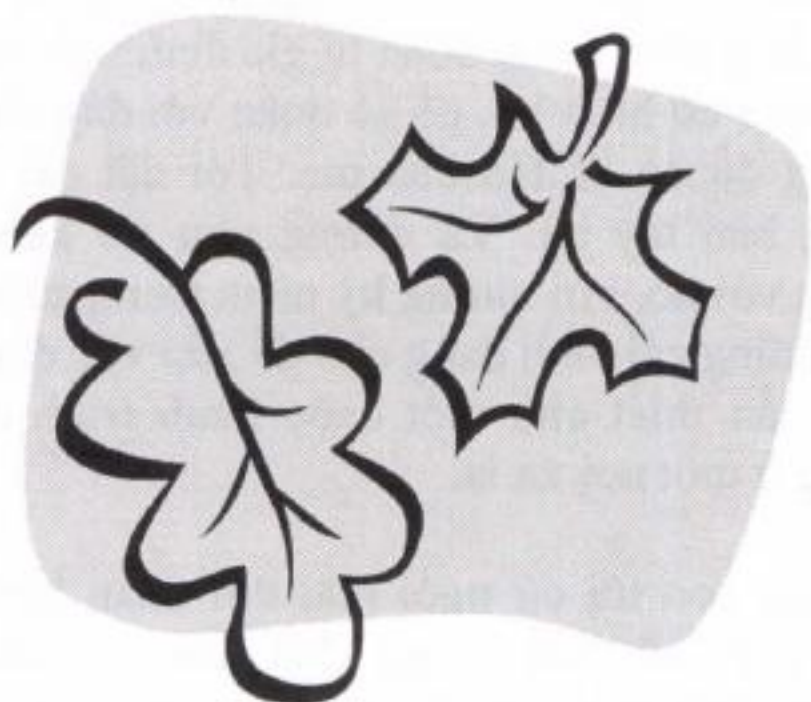
ăn. Tôi vội vàng nâng chén lên húp hết chút canh còn sót lại trong chén. Riêu cua đồng với rau đay tươi hợp thành một vị khó tả tan vào đầu lưỡi. Tôi nói với mẹ mà như la lên: “Canh của mẹ ngon quá, con chưa bao giờ được ăn ở Na-uy”. Mẹ tôi cầm cái chén tôi vừa đặt xuống mâm đi vào bếp, miệng bảo tôi: “Con ăn thêm nữa đi, mẹ múc cho, ở trong nồi còn”.

Đã gần đến ngày đi, mà tôi chẳng thấy mẹ tôi chuẩn bị đồ đạc gì cả. Khi tôi lục lọi để sắp xếp đồ vào va li cho bà, bà ngăn tay tôi lại, bảo: “Mẹ chẳng đi đâu cả, để mẹ ở nhà với bà nội”. Sự đổi ý đột ngột của mẹ làm tôi chùn tay. Tôi năn nỉ: “Thì mẹ cứ qua đó, chẳng thích nữa thì về, có sao đâu!”. Mẹ tôi im lặng. Sự im lặng của mẹ còn làm cho tôi hiểu và thương mẹ hơn bất cứ lời nào.

Trước ngày đi, tôi tìm đến nhà bố ghê để báo cho ông sự đổi ý bất ngờ của mẹ tôi. Nhưng ông bận khách liên miên, tôi chờ mãi chẳng được gặp. Trong lúc ở đó, tôi nhận ra rằng cái chỗ của mẹ tôi trong cái cơ ngơi bà đã cùng ông kiến tạo hằng mấy chục năm, nay đã có người đàn bà khác choán chỗ. Lang thang trên đường về lại nhà ông nội, tôi giận bố ghê, giận cái con người tráo trở, phi đạo lý. Nhưng lẫn lộn trong đó, tôi lại thấy tôi vui, vui nhiều nữa là vì từ nay mẹ thuộc hẳn về tôi.

Ngôi nhà ông bà nội, ngôi nhà ngày xưa mẹ đã từng ở vẫn là nơi đón mẹ, bao bọc, che chở cho mẹ. Vườn cà phê ông tôi trồng chẳng biết từ bao giờ thân cây khẳng khiu tưởng như già cỗi, nhưng chỉ qua vài trận mưa, hôm nay trở bông trắng xóa. Đám côn trùng bé nhỏ, tội nghiệp trong trận mưa đột ngột hôm nào tưởng bị nhận chìm chết hết, đêm nay chúng lại vang lên bản đại hòa tấu cùng với hương hoa cà phê thơm ngát.

Đoàn Mai Tâm



Thơ Khánh Hà

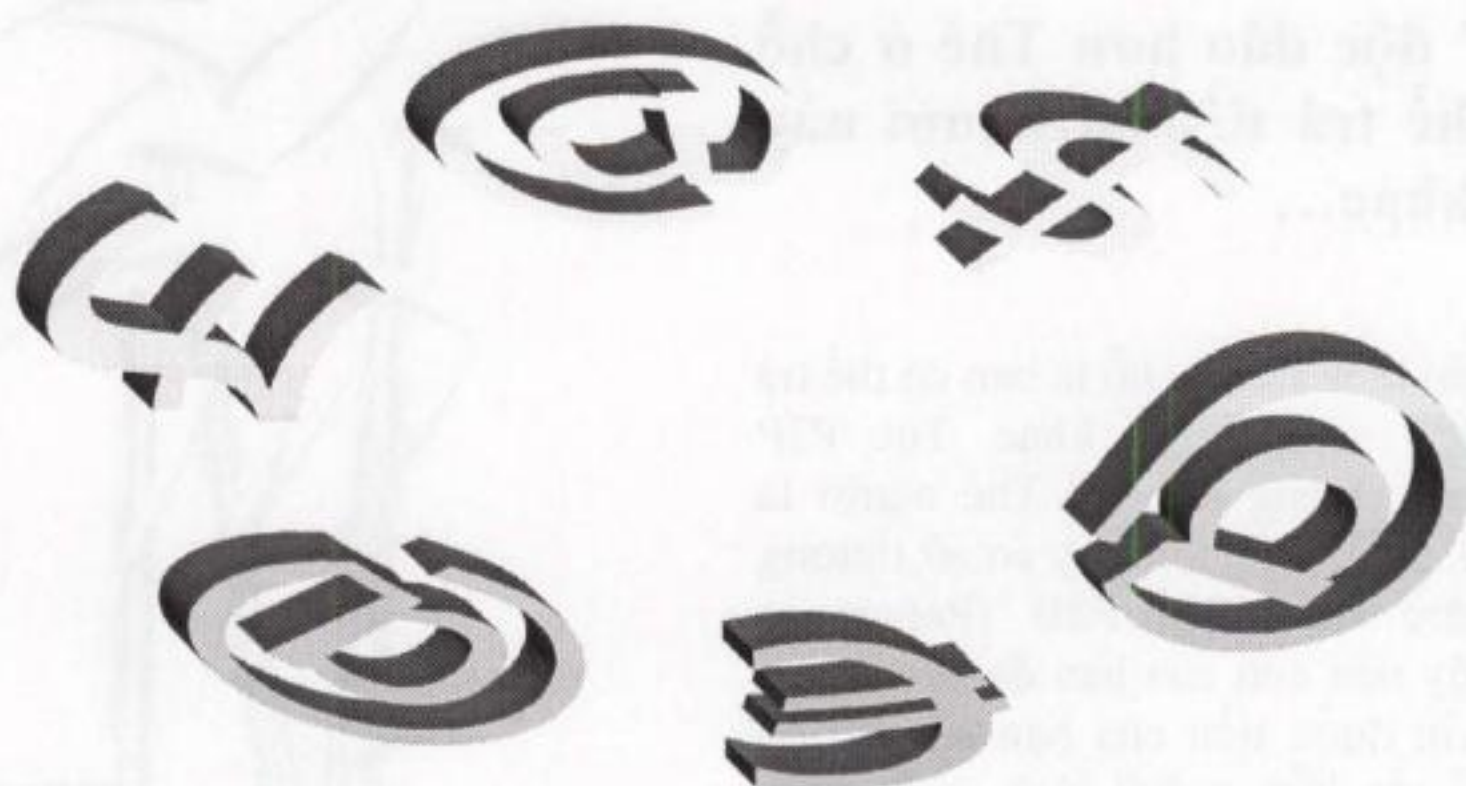
nhìn lại những con đường

Những kỷ niệm tưởng chìm vào quên lãng
Sao còn đây ngan ngát những băng khuâng
Tiếng cu kêu vắng vắng một góc rừng
Nắng buổi sáng rung rung bên thềm vắng
Buổi sáng này ở nơi nào xa lắm
Trời bây giờ đang nắng hay đang mưa
Biết là bao mưa nắng của thời xưa
Trong giây phút bỗng ủa về vội vã
Là tuổi thơ, là âm vang tất cả
Tiếng mưa rơi trên tàu chuối tàu cau
Buổi người về lòng chợt thấy nao nao
Giữa lòng phố nghe tiếng gà gáy sáng
Nghe tiếng ai quét lá bên hàng xóm
Mùi cỏ hoa, cơn gió mát đậm hương
Năm mươi năm nhìn lại những con đường
Chân cất bước mà tâm hồn nặng nặng
Quá khứ ngồn ngang nẻo về xa lắm
Hai quãng đời, đâu là thật, đâu mơ
Quãng đời xưa chưa đánh mất bao giờ
Ai đứng đó, trăm năm còn đứng đó

rừng thu

Vô rừng hái nấm cùng con
Bước đi trên những lối mòn rêu xanh
Lá thu xao xác lìa cành
Trời cao vơi vơi long lanh nắng vàng
Rêu xanh trải thảm mịn màng
Nấm xúm xít đứng xếp hàng đợi ai
Rừng thu xoải bước chân dài
Ở đây một góc thiên thai giữa đời
Người dạo rừng với nụ cười
Chào nhau như thể là người quen thân
Theo con tìm lại dấu chân
Thời con thơ ấu những lần qua đây
Một mai giữa cánh rừng này
Gọi nhau chỉ thấy cỏ cây đáp lời

Tiền Điện?



Ai đã từng về Việt Nam qua phi cảng Sơn Tân Nhất, nếu các ông công an phi cảng gặng hỏi “Lần **đầu tiên** về Việt Nam? Chú ý từ ngữ “đầu tiên” được tăng giọng nhấn mạnh. Nếu gà mờ, không hiểu ý rồi trả lời “Dạ phải thưa ông!” là không đạt yêu cầu.. Câu hỏi sẽ được lặp lại với giọng gắt gỏng hơn và từ “đầu tiên” sẽ mạnh hơn gấp nhiều lần. Nếu ngáo ộp quá và tái diễn câu trả lời cũ đôi lần nữa, là sẽ có cò môi nhào tới, bỏ nhỏ vào tai: Sao ngu thế? “Đầu tiên” là “Tiền đâu” đó bỏ ơi.... Bác Học vốn không thích chính trị, chỉ mượn phần dẫn nhập trên để nói về đề tài ngọt hơn, đó là *tiền*....

Những người đang sinh sống ở các quốc tân tiền đều khám phá ra rằng càng ngày, tiền càng ít dần. Thậm chí có rất nhiều người đi chợ, trong bóp không có xu ten nào! Nhưng vẫn đường đường chính chính vác hàng hóa về nhà mà dùng. Dễ hiểu, vì ai nấy đều có thẻ tín dụng: Visa, Master card, Diners hay Maetro và nhiều loại thẻ khác. Lịch sử loài người có lẽ có hai cuộc cách mạng mà tôi cho là ngoạn mục nhất. Một mới và một “cũ cũ mới”. Cái mới nhất là cái máy điện toán còn gọi là vi tính, còn cái ‘cũ cũ mới’ là *tiền*. Máy vi tính, có dịp mình sẽ bàn tới. Hôm nay, mình nói chuyện *tiền*. *Tiền* là trước mà lị. Thực vậy tiền đã có từ lâu lâu lắm. Khái niệm về tiền thay đổi theo sự phát triển kinh tế của từng thời kỳ. Nhưng tựu trung *tiền* được tiêu chuẩn hóa và có kích thước vật lý - Cả trọng lượng lẫn thể tích nhỏ dần, thậm chí “biến mất”.

Từ đơn vị *tiền* là một con gia súc như ngựa, dê, v.v. dần dần tiến sang tiền cắc (coin). *Tiền* cắc có lẽ xuất phát đầu tiên từ Lydia, gần Ismir Thổ Nhĩ

Kỳ vào khoảng 560 TCN (Trước Công Nguyên) - Tức hơn 2500 năm tính đến nay. *Tiền* cắc được lưu truyền rộng rãi trong vùng Địa Trung Hải nhất là ở Hy Lạp.

Tiền cắc có gọn hơn con ngựa, con dê, nhưng mệnh giá không lớn nên khi giao thương hàng hóa nhiều thì “trọng lượng” của tiền quá nặng. *Tiền* giấy với mệnh giá cao xuất hiện trong bối cảnh đó.

Và để gọn hơn nữa Ngân phiếu hay Chi phiếu (Tiếng Na Uy gọi là Sjekk. Ảng Lê gọi là Cheque ra đời. Chi phiếu (Cheque) vẫn còn phổ biến ở Hoa Kỳ và một số nước khác, nhưng ở các nước Bắc Âu, người ta đã từ bỏ nó cả hơn 15 năm rồi. Hiện nay hình như không cửa hàng nào nhận chi phiếu nữa để thanh toán buôn bán. Một loại hình *Tiền* mới ra đời - Thẻ tín dụng (Visa, Master Card...). *Tiền* loại này xài tương đối “mát tay” nên dễ “mạnh tay”. Vì chỉ “kéo” hay “cà” thẻ lên máy rồi bấm PIN (mật mã 4 số) là hóa đơn thanh toán. Thậm chí muốn rút tiền mặt cũng dễ dàng thực hiện qua máy ATM (Máy rút tiền). Máy này giăng đầy trên các ngõ đường phố.

Đến đây cứ tưởng những loại hình *tiền* như đã trình bày là ổn rồi, phải không bạn? Vậy là không cần phải cách mạng thêm gì nữa. Nhưng gần đây xuất hiện một loại hình *tiền* mới nữa. Đó là “*Tiền Điện*” e-money (electronic money) -Tôi tạm dịch bừa như vậy vì nó hoàn toàn mới và chưa có tên. Loại hình *Tiền Điện* do một công ty Na Uy tên Contopronto thực tiễn hóa cách nay 5 năm. Thương hiệu của công ty này mang tên LUUP (www.luup.com) và *Tiền Điện* trên căn bản không khác gì Thẻ tín dụng. Nhưng thay vì dùng

Thẻ, người ta dùng điện thoại di động (ĐTDD) làm phương tiện thanh toán.

“Tiền Điện” độc đáo hơn Thẻ ở chỗ là, bạn có thể trả tiền từ người này sang người khác...

Tiền Điện độc đáo hơn Thẻ ở chỗ là bạn có thể trả tiền từ người này sang người khác. Tức P2P (person to person). Trong khi với Thẻ người ta chỉ trả được cho các tiệm buôn hay cơ sở thương mại có máy đọc thẻ -Tức P2B (Person to Branch)! Như vậy nếu con của bạn đang ở ngoài đường nó vẫn xin được tiền của bạn nếu nó có ĐTDD! Bạn chỉ cần bấm mệnh lệnh SMS “pay <số đtdd> <số tiền>” rồi gửi đến số ngân hàng mà mình có giao dịch, thì trong tích tắc sau là máy bên kia nhận được tiền và có thể vào các cửa hiệu shopping hay ăn uống.

Một khi hệ thống này phổ biến thì Western Union (Công ty chuyên tiền nhanh xuyên quốc gia) sẽ gặp đối thủ thứ dữ nặng nghìn cân. Hãy tưởng tượng, bạn có thể ngồi ở sofa trong nhà ở Na Uy gửi tiền về cho thân nhân ở Việt Nam, miễn người này có ĐTDD! Thậm chí trong tương lai không xa, “*Tiền Điện*” có thể rút tiền từ máy ATM!

Dù muốn dù không, *Tiền Điện* sẽ xâm nhập vào đời sống chúng ta không sớm thì muộn. Hiện hệ thống này đã hoạt động giới hạn tại một vài lãnh vực ở Đức và Anh quốc. Một ngân hàng ở quốc gia Ả Rập Thống Nhất, National Bank Abu Dabi (Xứ có khách sạn “thuyền buồm” 7 sao – DUBAI) sẽ đưa hệ thống này vào sử dụng cho khách hàng.

“*Tiền Điện*” chắc chắn sẽ giúp mọi người xài tiền mạnh tay hơn Thẻ!

Nãy giờ chúng ta chỉ nói đến **tiền tiền**, chứ chưa nói đến **kiếm tiền**. Phần một Bác Học gái giới nhất, nhưng phần còn lại thì cả Bác Học trai và gái đều bù chót, nên xin được miễn bàn! Ngoài sân, cỏ xanh đang vẫy mình len qua tuyết. Mặt trời đang nhá nhem ở phương Nam. Nhiệt độ tăng dần, Bác Học ra sân mở thùng thơ, thấy giấy đòi **tiền điện** sưởi ấm mùa đông đã tăng 4, gần lên 5 chữ số, Bác Học chóng mặt, bỗng đâu đó vang lên âm thanh... “Đầu tiên”, “Đầu tiên”, “Đầu tiên” thật là điên đầu!!!!

Bác Học



khoảnh khắc

nắng rơi vàng ngọn cỏ
kéo ta về xa xăm
giọt ngàn thu còn đó
mắt buồn thương trăm năm

ai qua cầu thoang thả
ai đùa tà áo lay
lao xao dòng nước chảy
bóng chiều ngã về tây

lê đôi chân khắp khênh
mới nhớ mình hôm nay
người chờ bên khóm trúc
hoa rụng bến xuân này

Lê Phương Châu

A Phò



Trong đợt đánh tư sản năm 1978, giới nhà giàu Chợ Lớn chạy tán loạn, người thì về miền Tây nương náu, người thì tìm cách chạy về Tàu, người thì mua nhà ở những khu nghèo để ít bị để ý; xóm nhỏ của tôi cũng có vài gia đình xì thẩu đến cư ngụ. Trong số đó có gia đình bà A Phò.

Trước đó, ông chủ của bà có tiệm buôn phụ tùng xe đạp lớn nhất nhì Chợ Lớn tên Nhất Thắng Hưng. Ông có 2 vợ, bà lớn cứ đau yếu luôn nên ông cưới thêm bà hai, bà này có nhan sắc lại giỏi quán xuyến giao thiệp, ngoài khả năng điều khiển mấy chục người làm công trong nhà, có khi những tiệm dưới tinh cần hàng gấp, bà thường lái xe một mình đi giao, công việc làm ăn phát đạt nên chẳng bao lâu lại mở thêm một tiệm nữa tên Nhị Thắng Hưng.

Bị đánh tư sản ngay đợt đầu, ông bị giữ hộ khẩu, phải cam kết đi Kinh Tế Mới thì mới được trả lại. Túng thế, ông dẫn bà lớn ra đầu đường Thành Thái căng lều ở tạm, còn bà nhỏ thì dắt bầy con cùng với A Phò đến xóm tôi. Tuy gia đình chủ bị sa cơ, A Phò vẫn một mực thờ không thay đổi: Mỗi buổi sáng, bà chủ nhỏ và bầy con ngồi xếp hàng bên bàn ăn, A Phò nấu nướng, dọn lên cho gia đình chủ xong mới quay xuống bếp ngồi ăn trên chiếc ghế đầu thấp, ăn xong bỏ thức ăn vào giỏ, mang ra tận đường Thành Thái cho ông chủ và bà lớn. Trên đường về, bà ghé chợ mua thức ăn làm cơm chiều. Tối đến, bà thấp nhang đứng trước cửa vái tứ phương rất mực thành kính. Có lần đã gần nửa đêm, 2 đứa nhỏ cùng đau một lượt, bà lấy chăn quấn kín người 2 đứa rồi đặt chúng vào hai cái thúng gánh đi bác sĩ, dưới ánh

đèn đường vàng nhạt, bóng của bà và hai cái thúng trải dài trên mặt đất như một tấm vải rách.

Dòng đời cứ trôi mà cuộc sống của A Phò quanh năm không đổi thay. Khi nhà nước cho phép buôn bán ở chợ trời Trần Quốc Toàn, bà chủ nhỏ đi bán trở lại, nhiều khi tối mịt mới về, A Phò ngồi trước hiên nhà như một pho tượng chờ chủ về, dọn cơm xong mới đi ngủ.

Có lần hay tin một người thợ cũ của gia đình bà mất, tôi có đến thăm thì A Phò đã ở đó. Đợi một chút thì đến nghi thức cầu siêu cho người mất, mỗi người được phát một quyển kinh ước độ ngàn chữ, A Phò chỉ cầm mà không mở ra, nhưng đến khi đọc thì bà đọc thuộc lòng làm ai nấy đều kinh ngạc.

Tôi trở về Việt Nam năm 2001 thì A Phò đã già yếu lắm, đi không được phải nằm trên giường, nhưng nét mặt rất thanh thản, tôi cầm bàn tay nhăn nheo đã ngả màu đồi mồi, muốn nói một lời gì đó nhưng cảm thấy thừa thãi, bỗng dừng bà nói: chú à, chắc ngộ sắp chết, nhưng ngộ không sợ, ngộ đâu có làm gì sai phải không?

Mới đây tôi được cho hay A Phò đã mất. Lúc thiêu xong, người ta hốt tro của bà thì phát hiện có những mảnh vụn trong suốt chiếu lấp lánh, không biết đó có phải là kết tinh của một tấm lòng suốt đời tận tụy với trung nghĩa hay không?

Phạm Đông Ngạc

Người Bố

Bjørnstjerne Bjørnson

Bản Việt ngữ: Dương Kim



Bjørnstjerne Bjørnson Martinius, sinh ngày 8-12-1832 tại Kvikne, Na Uy. Mất ngày 26-4-1910. Ông làm thơ và hoạt động chính trị. Cha ông, mục sư Peder Bjørnson và mẹ là Inger Elise ở tỉnh Kvikne (nơi sinh quán của ông). Năm 1837 gia đình ông chuyển về vùng Nesset tại Romsdal. Ngay từ thời thơ ấu và niên thiếu, Bjørnson thường xúc động mạnh trước thiên nhiên, thích hòa mình vào đời sống của đám đông. Năm 1850, ở Christiania, ông đi học cùng với Vinje, Ibsen và Lie (những người này sau cũng trở thành các nhà văn nổi tiếng) tại trường Heltberg "cơ xưởng thực tập của sinh viên". Sau đấy, ông viết văn, soạn kịch, đăng tải trên nhiều báo. Thời đó, kịch là một vấn đề được chú trọng ở Na Uy, đặc biệt, cuộc tranh đấu để dựng một Nhà Kịch, và Bjørnson là người lãnh đạo cho cuộc đấu tranh này. Đồng thời ông cũng đem lại cho Na Uy một giọng thơ mới. Mùa thu năm 1856, ông trông coi về nghệ thuật ở Nhà Hát thành phố Bergen. Sau đó, ông đi một vòng du lịch qua Đan mạch, Đức và Pháp, rồi tạm trú tại La-Mã. Năm năm sau, ông trở thành một thi sĩ bậc thầy, nổi tiếng của Na Uy. Từ 1865 đến 1867, Bjørnson làm giám đốc kịch viện Christiania.

Bjørnson viết rất nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn và kịch nổi tiếng. Những năm cuối đời, ông thường bị bệnh. Trước khi từ trần, Bjørnson vẫn còn tranh đấu cho sự công bằng giữa các quốc gia. Nhiều bài báo ông viết, đã được sự chú ý của thế giới. Năm 1909, Bjørnson nhận giải thưởng Nobel về văn chương. Các điêu khắc gia Stephan Singing, Vigeland và Hjalmar Hansen đã tạc tượng ông, đặt trước Nhà Kịch Quốc Gia, Nhà hát Quốc Gia ở Bergen và Molde.

Thord Øverås là tên người đàn ông được kể trong truyện này, ông ta rất có thể lực trong giáo xứ. Một hôm ông đến văn phòng Cha xứ, lên tiếng nghiêm trang, đồng dục: "Tôi mới có một thằng cu", ông tiếp, "tôi muốn làm lễ rửa tội cho nó." - "Anh muốn đặt tên con anh là gì?" - "Cha hãy tìm một cái tên theo giọng bố tôi." - "Có những ai làm chứng trong buổi lễ?" Họ bàn tới nhiều tên, cuối cùng họ chọn được tên những ông, bà khá già nhất trong làng, cũng là họ hàng của Thord.

Cha ngược đầu lên hỏi: "Còn gì nữa không?". Thord đứng im một lúc: "Tôi muốn hôm đó chỉ có một mình con tôi rửa tội thôi." - "Vậy là nhằm vào ngày thường?" - "Xin cho tôi thứ bảy tới này, lúc 12 giờ trưa." Cha hỏi: "Ngoài ra còn gì nữa không?" Thord đưa tay lên mũ, tỏ ý muốn về: "Ngoài ra không còn gì nữa". Cha đứng lên: "Nhưng còn chuyện này", Cha đến bên cạnh Thord, bắt tay, nhìn Thord: "Xin Chúa để con anh mang phúc lành đến cho

anh!”

Mười sáu năm sau, Thord lại đến văn phòng Cha xứ. Cha nói: “Anh vẫn khỏe đấy chứ, Thord?” Nét mặt Thord chẳng phản ứng gì: “Tôi chẳng có chuyện gì buồn cả.” Cha im lặng, một hồi lâu: “Con gió quý hóa nào đã đưa anh đến đây?” - “Đêm nay tôi đến đây là vì tôi muốn ngày mai con tôi sẽ được chịu phép thêm sức.” - “Con anh ngoan lắm.” - “Tôi không trả tiền Cha trước khi được nghe con tôi là người số mấy trước thánh đường.” - “Con anh sẽ được xếp vào số một.” - “VẬY ĐƯỢC RỒI, VÀ ĐÂY, XIN Cha NHẬN CHO MƯỜI DALE¹”. Cha nhìn Thord hỏi: “Ngoài ra còn gì nữa không?” - “Không còn gì.” Thord đáp và đi ra.

Tám năm sau đó, một hôm, trước văn phòng Cha xứ có tiếng ồn ào; mười người đàn ông bước vào, người đi đầu là Thord. Cha nhận ra Thord: “Đêm nay anh dẫn theo nhiều người thế?” - “Tôi muốn xin một việc cho con tôi; Nó sẽ lấy cô Karen Storlien, con gái của ông Gudmund, đang đứng đây.” - “A, con gái nhà giàu nhất làng.” Thord tiếp lời: “Cha cũng biết sao?”, rồi đưa một tay lên vuốt tóc. Cha ngồi yên, trầm ngâm suy nghĩ, chẳng nói gì, nhưng Cha vẫn ghi tên vào sổ, đám đàn ông cũng ký theo. Thord đặt ba dale lên bàn. Cha nói: “Một thôi đủ rồi.” - “Tôi biết, nhưng nó là con một của tôi, nên tôi mới chỉ như vậy.” Cha nhận tiền: “Đây là lần thứ ba, anh đã đến đây vì con anh.” Thord đáp: “Nhưng bây giờ tôi hết trách nhiệm với nó rồi.” Thord đóng cuốn sổ lại, chào và đi về, những người đàn ông kia chậm chậm theo sau.

Nửa tháng sau, vào một ngày đẹp trời, Thord cùng với con chèo thuyền trên hồ Storlien, để bàn về việc cưới. Người con loay hoay, vừa sửa ghế ngồi vừa nói: “Đề con sửa lại cho ngay.” Bất chợt anh ta trượt phải một mảnh gỗ, vung tay hét lớn lên, rồi rớt xuống nước. Ông bố vùng đứng dậy, đưa mái chèo ra, kêu: “Nắm lấy!”. Nhưng người con quơ tay lên được mấy cái, rồi bị lạnh cứng người lại. Ông bố hét: “Đợi một chút!”, ông chèo tới. Nhưng người con cứ trôi ra mé sau, mắt nhìn bố, rồi chìm.

Thord không tưởng tượng nổi, ông ta ngồi yên, nhìn chỗ con mình vừa chìm, chờ đợi. Nhưng ở nơi đó chỉ có bong bóng nổi lên, rồi lại bong bóng, rồi một bong bóng lớn, cuối cùng là một mặt nước phẳng.

Suốt ba ngày ba đêm, người ta thấy ông bố chèo thuyền vòng vòng chỗ người con chìm. Ông không ăn, không ngủ. Ông cứ mò mẫm tìm con. Tới sáng ngày thứ ba, Thord tìm thấy con, ông vượt dốc, vượt đèo bồng con về nhà.

Khoảng một năm sau. Vào một tối mùa thu, Cha xứ nghe thấy tiếng lịch kịch trước phòng khách, có ai đang muốn vào. Cha ra mở cửa, một người cao, gầy gò, tóc bạc, đang cúi người về đằng

trước, bước vào. Cha phải nhìn lâu lắm mới nhận ra; “Thord”. Cha kêu lên: “Thord, anh tới khuya quá vậy?” rồi đứng yên. Thord ngồi xuống: “Vâng, con tới hơi khuya.” Cha cũng ngồi xuống. Họ ngồi yên thật lâu. Thord lên tiếng: “Thưa Cha, con muốn bố thí cho người nghèo; xin Cha hãy ghi tên cho con của con vào sổ vàng.” Ông đứng lên, để tiền trên mặt bàn, rồi lại ngồi xuống. Cha đếm tiền: “Nhiều tiền quá.” - “Vâng, đó là một nửa gia sản đất đai của con, sáng nay con mới bán thửa ruộng đấy.” Cha ngồi lặng yên hồi lâu; cuối cùng Cha nhẹ nhàng hỏi: “Giờ anh còn muốn chi không?” - “Một điều gì đó tốt lành hơn.” Họ ngồi yên lặng một hồi. Thord nhìn xuống đất, còn Cha xứ nhìn Thord. Cha chậm rãi nói: “Tôi nghĩ chắc con anh đã mang phước đức đến cho anh rồi đấy.” Thord trả lời: “Vâng, con cũng nghĩ như vậy.” Xong ông ngước mặt lên, hai dòng lệ nặng trĩu lăn trên gò má.

(1861)

¹ Đơn vị tiền xưa của Na Uy trước năm 1875.

nhớ

Khánh Hà

Gởi bạn mùa xuân hàng cây lá non
Con đường mình đi cảnh cũ vẫn còn
Chiếc ghế trống trơn, nhớ ai ngồi đó
Biết chừng nào gặp lại, bạn hiền ơi

(03/08 - qua công viên trên Avenue d'Ivry)



Truyện Cực Ngắn

Cổ Ngự



Cánh đồng tím

Hai mươi năm sau cái đêm hôm ấy, anh ra đi vĩnh viễn. Ra đi thanh thản.

Thường, sau khi mệt nhoài da thịt hoặc chạy suông những câu chuyện vặt, hai quyển sách đọc riêng hay một phim truyền hình xem chung, khi đèn tắt, họ rời nhau. Hai thân thể tách rời trên một nền nệm ấm. Cô nằm thẳng, yên ắng, hơi thở đều, tay xuôi. Anh xoay trở bên này bên nọ, tìm một thế ngủ tối ưu không bao giờ có.

Đêm ấy, bị vây bủa bằng những con số, dòng chữ nhảy múa hỗn loạn, anh lần tìm rồi nắm lấy bàn tay nóng mềm của cô. Bỗng hiện ra một cánh đồng oải hương menh mông, tím ngát. Anh cứ thế rẽ luống vào, băng băng đi mãi.

Chưa bao giờ anh gặp cô trên cánh đồng tím ấy. Còn cô chẳng khi nào kể cho anh nghe về những bí mật của đêm. Duy có một lần, cô bảo: nắm lấy tay anh khi ngủ, em không còn sợ bị lạc trong những giấc mơ.

Bữa tối

Nhà hàng Tàu. Nhạc Mỹ. Đám cưới Lào.

Ti-vi Nhật ai đó vừa chuyển đài. Phóng sự Tây quay cảnh trẻ con Phi châu đen đang hấp hối vì thiếu ăn. Da bọc xương. Mắt trắng dã. Ruồi bâu đầy mép. Tóc mấy lọn xác xơ.

Người đàn bà ngồi bên cạnh đẩy chén cơm Dương Châu, nhăn mặt chê: mỡ quá! Thành bé ngồi bên trái vớt chiếc cánh gà chiên nước mắm đang gặm dở xuống đĩa, chạy vội vào đám múa lân-thôn, quên cả chùi tay chùi mép.

Lâm bầm chửi đồng. Cút! Ăn mất cả ngon!

Sinh nhật

Trên đường đến sở. Một bạc râu sói trán bên lẻ.

- Chú có tiền không, cho già xin.

Còn mớ bạc lẻ nặng túi, móc ra, sót lại một nửa để uống cà-phê, cho một nửa.

Hai hôm sau, trên đường đi ăn trưa.

- Chào xếp, có đồng nào không, cho già với.

- Chút nữa bác ơi, cháu không có tiền lẻ.

Ba hôm sau, giờ tan sở.

- Ngài giám đốc ơi, có bạc giấy không, chia cho già nào.

- Bác lại đùa rồi, cháu có hai đồng đây!

Nghỉ vài ngày về, thấy một tóc xù râu rậm ở chỗ quen.

- Nè anh, ông già ngồi đây đâu rồi?

- Chết rồi!

- Sao vậy?

- Bữa hôm sinh nhật, ông tom góp, mua chai whisky, dốc cạn rồi lủi đầu vô xe tải. Cảnh sát tới chờ đi mất xác. Mà, có một đồng không, cho xin đi!

Giữa phố lớn

Bruxelles

Em hỏi bằng một ngôn ngữ quen. Tôi không hiểu rõ và trả lời em bằng một ngôn ngữ khác.

Ở gần chỗ chú bé đồng đen (hôm ấy mặc kimono Nhật) thản nhiên khoe vòi trước thiên hạ, tôi tặng em một cành hoa (hoa gì, tôi quên mất), em đáp lại với nụ hôn đậm son (son màu gì, tôi cũng quên nốt).

Em ngủ qua đêm bên tôi, nhưng tôi vẫn chưa hiểu rõ hơn điều em muốn hỏi.

Paris

Paris đẹp! Tôi đã nghe nhiều người nói thế, nơi miệng dân sống ngay tại thành phố này hay du khách từ xa đến viếng thăm.

Em không thích Paris. Em chỉ thích những rừng phong nhấp nhô nhiều sắc lá núi đồi Bắc Mỹ hay màu sóng ngọc của biển biếc Nam Âu. Em thích

khoảng không, mênh mông, khoáng đạt.

Khi chia tay, em nói: về già, em sẽ đến sống ở Paris, thành phố này luôn có chỗ dành cho những tình nhân.

Venise

Cầu Rialto cho người đi bộ và *gondole* cho ai thích lênh đênh. *O sole mio!* Thuyền tình đảo Murano và cắt chim bồ câu quảng trường thánh Marc. Em mua mặt nạ vũ hội hoá trang treo lưng lửng trước cửa hàng bán đồ lưu niệm. Tôi mặc chiếc quần jeans tưa chỉ ở gần đầu gối.

Mê mãi nghe anh lái đò Casanova hát “Khối tình Trương Chi” nhưng em không quên hỏi: “Ở đây, khi thối tiền, sao bao giờ người ta cũng thiếu vài đồng bạc lẻ vậy anh?”

Có phải vì thế mà Chúa bắt thành phố này ngày một lún sâu vào biển?

London

Bước vào trong lâu đài, tôi tưởng tượng mình sẽ biến thành chàng hiệp sĩ kiếm đồng giáp sắt tìm đến giải cứu nàng công nương bị giam cầm trong ngục tối.

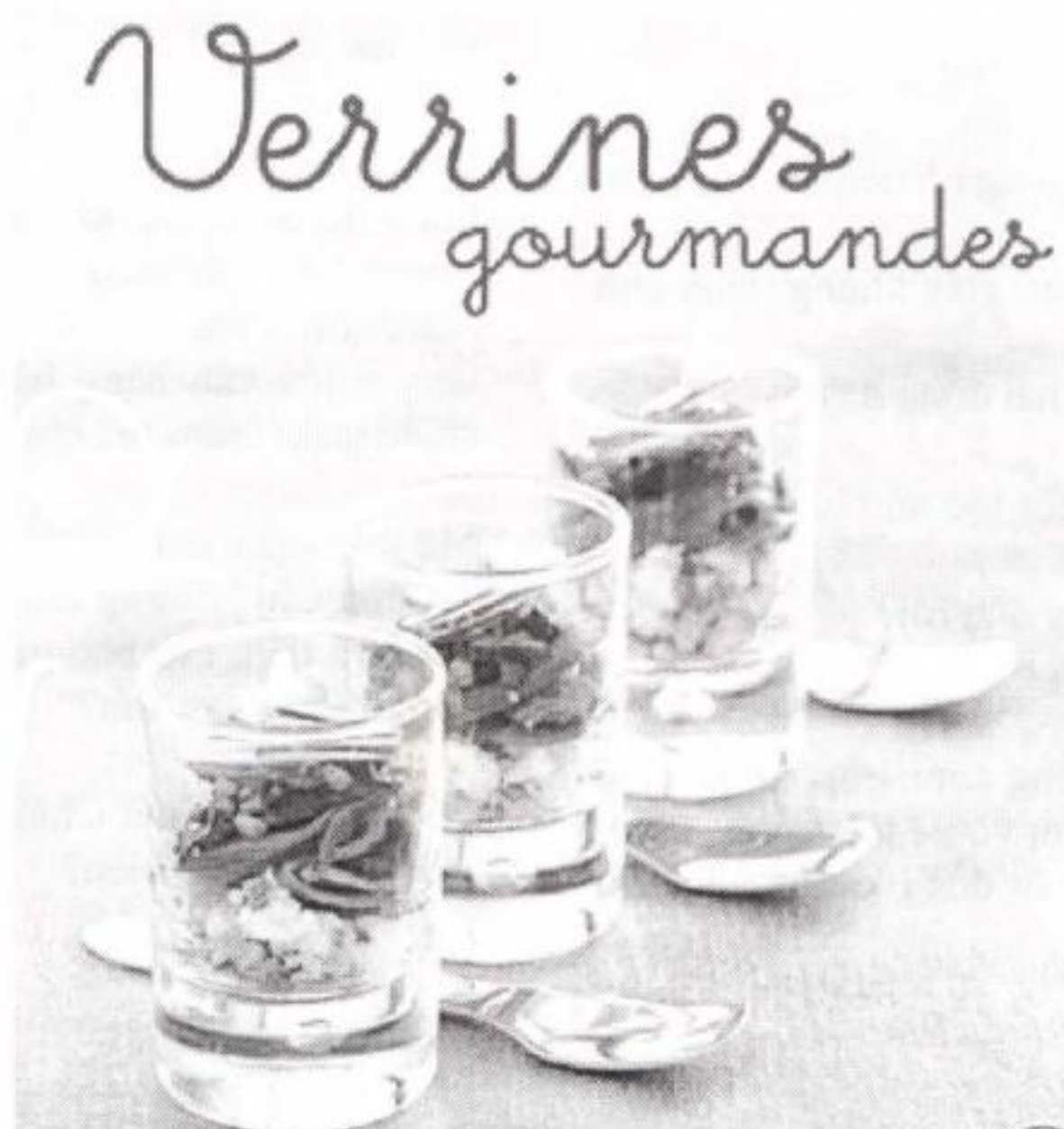
Bước ra khỏi lâu đài, tôi thấy mình lơ ngơ giữa dãy ghế của chiếc xe bus hai tầng màu đỏ. Tầng dưới bít bùng không còn chỗ đứng. Tầng trên thiếu mui, thoáng đãng và dư chỗ ngồi. Hôm ấy trời rất đẹp, xanh mượt và lạnh dưới 0 độ C.

Ngồi cách tôi một hàng ghế, mắt em dò bản đồ tìm đường đến điện Buckingham. Tôi nhìn quanh, không thấy sương mù, nhưng nghĩ thầm: người Anh, họ lạnh lùng, cũng phải!



KHUYNH HƯỚNG ĂM THỰC MỚI Ở PHÁP

Mạch Nha



Năm nay, ở Pháp có một chương trình truyền hình thu hút rất nhiều fans. Chương trình thuộc kênh M6, có tên là Un Dinner Presque Parfait - Một Bữa Ăn Tối Gần Như Hoàn Hảo, chiếu từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, từ sáu giờ chiều đến gần bảy giờ tối.

Thực ra, đây là một trò chơi. Chơi trò này cần năm người. Năm người này không quen biết nhau, chỉ sống chung một thành phố và có cùng đam mê nấu nướng. Họ đăng ký thi và được M6 qui lại từng nhóm năm người một. Mỗi người trở tài nấu một bữa ăn tối, mời bốn người kia đến dự. Bữa ăn phải đầy đủ bốn món, gồm: món ăn chơi, món khai vị, món chính và món tráng miệng. Cuối bữa, bốn vị khách lần lượt bí mật cho điểm chủ nhân bữa tiệc trên ba tiêu chuẩn, gồm: điểm món ăn, điểm trang trí bàn ăn và điểm không khí bữa ăn. Cộng tất cả các điểm ấy lại, chia trung bình. Đến ngày cuối cùng, tức thứ sáu thì công khai điểm từng người và người cao điểm nhất giành được phần thưởng là một ngàn ơ-rô.

Đề ý thì thấy hình như chưa có người thắng cuộc nào vui mừng vì số tiền thưởng cả. Bởi vì thực ra,

một ngàn ơ không là bao so với số tiền thưởng dành cho người thắng cuộc của nhiều chương trình truyền hình khác, lên đến trăm ngàn ơ là thường. Hơn nữa, một bữa ăn tối dự thi như thế, lắm khi, có người chịu chơi bỏ tiền ra mua toàn những sản phẩm, nguyên vật liệu đắt tiền như rượu vang già tuổi, sâm banh hạng sang, ba tê gan ngỗng cao cấp, trứng cá caviar thứ thiệt, các loại nấm quý, hoa thơm quả lạ, các món trang trí, bát đĩa đẹp... “cái vốn đầu tư” có thể lên đến gần bạc ngàn. Cho nên, thắng cuộc, lấy vinh dự làm vui là chính.

Các diễn viên đời thường rất thực này không những cống hiến người xem nhiều rờ-xét hấp dẫn, nhiều mẹo vặt hữu ích mà còn trình diễn cái Savoir Faire – Biết Làm vừa trầm hay vừa tay quen thật thao lược và cái Savoir Vivre - Biết Sống đầy văn hóa. Họ cho người xem khám phá thói quen ăn uống, tập tục từng vùng miền, có khi lan tràn ra khỏi biên giới nước Pháp, mon men qua những quốc gia lân cận, và cả những thuộc địa khác. Cái thú vị nó nằm ở chỗ đó. Ví dụ, nhóm dự thi thuộc các thành phố Lille, Bergues nằm ở cực bắc nước Pháp, nơi tiếp giáp với biên giới nước Bỉ thì thấy

bia xuất hiện nhiều trong các bữa ăn, nhất là các loại bia nổi tiếng của Bỉ như Chimay, 1664, Lef-fe, Mort Subite, Kriek... đặc biệt là bia trái cây (dâu, đào, bưởi, anh đào, nho, táo...) thường được mời uống khai vị. Nhiều người đứng bếp cũng sử dụng bia để hầm, nấu các loại thịt như thỏ, gà, bò... Máy ép bia được trang bị trong nhà bếp cũng giống những máy móc kim khí điện máy cơ bản thường thấy khác như lò vi ba, lò nướng, máy xay... vậy thôi. Cũng ở phía bắc, nhưng là các thành phố nghiêng về miền tây, thuộc vùng Normandie, các món ăn thường thấy có táo trong bánh tạc, táo trong rượu, táo trong xà lách, táo trong thịt hầm... và nhiều phó mát, kem tươi, bơ, sữa vì những đồng cỏ trù phú ở đây vốn là «thánh địa» của bò và táo. Phía đông bắc, thành phố Strasbourg nổi tiếng, thủ phủ của Châu Âu thì lại là nơi chuyên trị các món «nặng kí» như xúc xích, choucroute (bắp cải muối chua hấp chín, ăn với các loại xúc xích, thịt ngỗng và khoai tây), tạc Flambée (một loại bánh tạc mặn, hơi giống pizza nhưng bột bánh được cán rất mỏng, nhân bánh đa dạng), và cũng dùng nhiều bia do giáp biên với anh láng giềng Đức. Ngoài ra, vang trắng Alsace xuất hiện như không thể thiếu được vì nó chính là đặc sản của những ruộng nho miền đông bắc.

Nếu nhóm dự thi thuộc các thành phố miền nam như Cannes, Nice, Marseille, Montpellier, ... thế nào cũng thấy nhiều sản phẩm tiêu biểu của nắng và biển. Rau quả phải kể cả tím, quả ô liu, ớt chuông, mướp, cà chua các loại ... Cá tôm đa dạng ê hề, đánh vớt lên từ nước mặn Địa Trung Hải. Và, cũng không tránh được hiện tượng các nơi tiếp giáp Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha chịu ảnh hưởng ẩm thực các nước lân bang.

Đó là chưa kể, ngày nay, với khuynh hướng toàn cầu hóa, lại ở một xứ đa chủng tộc như nước Pháp thì sự chung chạ của các nền văn hóa trong đó, dễ thấy nhất là văn hoá ẩm thực trở thành một điều không những không thể tránh khỏi mà ngày càng trở nên thẩm thiết và thập thành. Cho nên, chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu các ông tây bà đầm không thèm nấu các món Pháp truyền thống như pot-au-feu, bourguignon, bò nấu daube, rata-touille, bouillabaisse, ... nữa mà thay vào đó là phở, gỏi cuốn, chả giò của người Việt Nam, hoành thánh, vịt quay của người Trung Quốc, couscous, tajine của người Hồi giáo, sushi của người Nhật, cà ri của người Ấn, colombo của người Phi, pudding của người Anh, pizza, spaghetti của người Ý, thậm chí hamburger của người Mỹ - vốn là một thực phẩm mà xưa nay dân Tây vẫn khinh khỉnh chê bai là thứ đồ ăn xì cút.

Nhưng sự pha trộn ấy chưa phải là khuynh hướng ẩm thực mới ở Pháp vì thực ra, nó không phải là một khuynh hướng mà là một hiện tượng xã hội tất yếu. Cái mới nằm ở hai ghi nhận sau đây :

1. Ẩm thực Verrine

Rất gần với ẩm thực cung đình Huế, bữa ăn hấp dẫn ở chỗ có nhiều món, mỗi món ăn được chuẩn bị với số lượng ít nhưng sử dụng nhiều phụ liệu và hết sức chú trọng phần trình bày. Ở các siêu thị và cửa hiệu bán chén đĩa dạo hai năm trở lại đây, người ta thấy các loại ly, chén, bát, đĩa, thìa tí hon - gọi chung là verrine - bán cực chạy. Bên cạnh đó, các nhà sản xuất thi nhau tung ra thị trường sách báo, băng đĩa dạy gia chánh về-rin. Thiên hạ mời cơm nhau hứng hờ khoe tài về-rin. Các ông bà nội trợ sắm thêm một dụng cụ làm bếp mới : cân tiểu li, vừa đặc dụng cho các rờ-xét về-rin (rờ-xét nào cũng chỉ phân lượng vài mươi gờ-ram), vừa cần thiết cho những ai có nhu cầu ăn kiêng vì lý do sức khỏe hay thẩm mỹ.

Thằng con trai lên bảy của chúng tôi rất say sưa về-rin. Nó bảo làm bếp kiểu này «dui», giống như là nấu cho bảy chú lùn ăn vậy đó, món nào cũng có chút xíu à. Nó lại bảo về-rin hay, vì ăn kiểu ấy, không bị mẹ ép ăn nhiều nhất là gặp phải món nào không thích thì cũng chỉ cần nhắm mắt, bịt mũi, a-lê-hấp, ực một miếng là xong. Hơn nữa, truyền thông ra rả cổ vũ dân chúng muốn khỏe mạnh, mỗi ngày nên ăn năm loại rau quả khác nhau thì về-rin là một phương cách hữu hiệu để thực hiện điều này. Thấy con thích nên mẹ cũng xắn tay áo lên về-rin thử coi sao. Kết quả, vào bàn ăn, không khí tươi vui hẳn lên, nhưng tàn bữa ăn, chuyên gia rửa chén kêu trời vì số lượng chén bát lịch kịch chất chồng, rửa hoài còn hoài! Ngoài ra, cuối tháng kiểm lại ngân quỹ gia đình thì thấy bớt hăng hái với cái khuynh hướng phú quý sinh lễ nghĩa này.

2. Thảo thực

Một lần, tôi nghe người bạn than rằng: «Ngày ba bữa, ăn thôi đã mệt rồi, trước khi ăn phải đi chợ, nấu bếp, sau khi ăn phải rửa dọn, càng mệt hơn. Đã thế, lại còn phải chọn món mà ăn, không thì béo phì này, tiểu đường này, huyết áp này, tim mạch này và lại còn phải liệu cơm gắp mắm sao cho chợ búa vừa phải với túi tiền ở cái thời buổi khó khăn này ... Kiếp sau, tôi muốn làm con bò, đói thì chỉ việc cúi xuống ngoạm cỏ, khỏe re.»

Bạn tôi thực ra không phải chờ đến «Kiếp sau xin chớ làm người», bởi hiện nay, việc ăn cỏ đang trở

thành một cái mốt. Hình ảnh một người hái hoa lá đưa thẳng vào miệng nhai ngon lành như một chú hươu cao cổ chiếu trên ti vi thật lãng mạn và ngộ nghĩnh. Có những loại cây lá, hoa cỏ rất đẹp mà nếu không chứng kiến, ta chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện con người có thể tiêu thụ chúng một cách sống sít tự nhiên và hồn nhiên như thế. Xin kể ra đây một vài loại hoa dân Tây thảo thực đang khoái khẩu: pensée, cúc, hồng, cẩm chướng, hướng dương, uất kim hương ...

Theo dõi một phóng sự về đề tài này thì thấy các hội viên hội ăn cỏ thường là những người yêu thích thiên nhiên, tin tưởng thảo thực đem lại vệ sinh cao cho sức khỏe, tin tưởng vào việc chữa trị bách bệnh bằng thảo dược. Họ rất kỹ lưỡng trong việc lựa chọn hoa lá chứ không đụng đâu nhai đó vì họ thừa biết có những loại hoa cỏ có độc tính cao, ăn vào sẽ trâu lành thành trâu què, thậm chí đi đời nhà ma ngay tức khắc, ví dụ như trúc đào, hoa lys, diên vĩ (iris), huệ chuông (muguet), thủy tiên ... Họ cũng chú ý việc hái hoa vào giờ nào trong ngày để hưởng trọn tinh húa của trời đất, và tuyệt đối không đụng đến hoa bán ở ngoài tiệm, vốn là thứ hoa đã bị hoá chất, phân bón tưới ỉ xèo để nảy nở tốt tươi, trừ sâu và giữ được lâu nhưng ăn vào thì nguy to.

Hoa lá được hái từ rừng hoặc vườn nhà về, rửa sạch, trộn dầu dấm đơn giản hoặc chế biến tinh tế bằng nhiều rờ-xét cho ra các món súp, nhồi (hoa bí nhồi, một đặc sản thường thấy ở miền nam nước Pháp), bánh, mút lạ miệng, lạ mắt.

Thực ra, chuyện ăn uống hoa lá không lạ lắm gì với người phương Đông chúng ta. Dược tính của thực phẩm tự nhiên cũng không phải là một điều xa lạ hay thiếu thuyết phục. Nhưng ở phương Tây, nơi ngự trị của anh chàng khổng lồ công nghệ thực phẩm thì việc ăn uống tiết chế và khuynh hướng tìm về thiên nhiên, chú trọng rau quả mọc tự nhiên (không phân bón, không cả thuốc trừ sâu) là một điều đang được khuyến khích và ngày càng nhiều người nghe theo. Tại sao lại không nếu những sản phẩm này đem lại ích lợi cho sức khỏe và tuổi thọ giữa thời buổi con người đang tay giết hại nhau bằng những thứ hóa chất kích trưởng tiềm ỉx tội vạ vào hoa màu. Hơn thế nữa, nếu có điều kiện sống gần rừng núi, thì cứ việc đi ăn rau, đi uống thuốc... chùa. Sướng biết bao!

Mạch Nha



âm thầm tưởng nhớ

Mẹ bây giờ chỉ còn là hồi ức,
Tiếng mẹ và đâu đó tiếng nam mô...
Mẹ bây giờ con âm thầm tưởng nhớ
Rung rung nghẹn ngào những giọt lệ khô!

*

Mẹ bây giờ như vàng trắng chéch bóng,
Chiều xuống quanh đời vò võ nắng mưa.
Mẹ bây giờ như làn sương buổi sớm,
Những hạt long lanh rỏ xuống đầu cành..

*

Mẹ bây giờ như rì rào sóng vỗ,
Nghìn trùng xa trong mây nẻo hư vô.
Mẹ bây giờ như ngàn năm mây trắng,
Vi vút sáo diều nhịp võng đu đưa.

*

Mẹ bây giờ như từng cơn gió thoảng,
Lá thu vàng bay rợp cõi nhân gian.
Mẹ bây giờ như bao la trời đất,
Tiếng vạc thình không tiếng xé đau lòng.

*

Mẹ bây giờ như là giòng suối biếc,
Soi núi rừng buồn bã tiếng chim qua.
Mẹ bây giờ như giòng sông lặng lẽ,
Chờ âm thầm những bụi cát phù sa.

*

Mẹ bây giờ bốn phương trời bát ngát,
Có mẹ đâu trong vạt nắng thu nhoà...
Mẹ bây giờ con âm thầm tưởng nhớ,
Rung rung nghẹn ngào những giọt lệ khô!

Đăng Trình NTV

chợt

Như giọt mưa đêm,
Vương trên cành mềm,
Chợt thành sương khói,
Chợt nhớ chợt quên.
Chợt quên chợt nhớ,
Chợt quên một đời,
Chợt nhớ giấc mộng,
Lâng lâng nụ cười.
Chợt quên niềm đau,
Chợt nhớ nhiệm màu,
A DI ĐÀ PHẬT,
Không trước không sau.
Chợt đoá Quỳnh Hoa,
Nở trước hiên nhà,
Bỗng cơn gió thoảng,
Hương trầm quanh ta.
Xin Em chợt vui,
Niệm A DI ĐÁ.

Dương Kiên



hòa nhịp xuân

dặm đường giầu mặt mưa rơi
từ ta lỡ bước nổi trôi phương này
kiếp tầm tợ, nợ trả vay
còng lưng gánh nặng chua cay lặng thầm
cuộc đời nghĩa trọng tình thâm
nghịch duyên buộc chặt chữ tâm bên mình
bao lần bão sóng lênh đênh
thuyền nan chao đảo gập ghềnh nổi trôi
chợt rằng cũng kiếp luân hồi
giờ đây bóng ngã xé chiều với ta
tay run run nét mực nhòa
vài câu thơ ý chan hòa nhịp xuân
chúc người vạn phúc duyên trùng
chúc ta một đoá hồng nhung mím cười.

Lê Phương Châu

nửa khoảng theo nhau

ta đi cúi mặt nghiêng vành nón
gió bụi phong trần vương gót chân
bờ cát lao xao chiều gọi nắng
tình buồn gửi chút lại bên sông

trở giấc canh tàn bên gối mộng
nửa đời tóc bạc trắng như vôi
còn đây năm ngón tay què quặt
lơ đãng nhìn đời hoang phế thôi

đời vui chi! nửa vàng trắng khuyết
nửa đời mộng ảo nặng bờ vai
chén rượu tàn thu trên bến vắng
nước lững lơ dòng giữa tình say

tiễn nhau khúc nhạc biệt ly sầu
người ra đi trước ta về sau
bỏ vui nhân thế tàn canh mộng
rừng vắng hoang liêu cỏ úa màu

Lê Phương Châu

GÓI QUÀ ĐẦU NĂM

phạmtinanninh

Tôi phải ngồi lại trên các bậc đá nghỉ chân đến ba lần trước khi bước vào cổng chùa. Ngôi chùa nhỏ nằm trên một triền núi, được phủ mát bởi những tàng cây. Ngôi nhà khách bằng gỗ, khá xinh xắn, nằm trong một khu vườn toàn hoa vạn thọ. Phía trước là một tượng Phật ngồi dưới gốc cây bồ đề, cành lá được cắt tỉa công phu. Chung quanh là cả một vùng núi trời tĩnh mịch. Tôi không phải là Phật tử, nhưng ngồi nghe tiếng mõ và lời cầu kinh trong chùa vọng ra, cũng thấy lòng nhẹ hẫng đi trước bao nhiêu điều phiền não. Hôm nay là mùng một Tết, nhưng cảnh chùa khá im ắng, bởi chùa nằm khá xa khu dân chúng. Ngày hôm qua tôi có đến đây, nhưng thầy trụ trì đi vắng. Tôi đã để lại tấm danh thiếp của chồng tôi, viết vài dòng phía sau xin hẹn thầy hôm nay trở lại.

Chú tiểu còn rất trẻ, mang trà ra mời và xin tôi chờ thêm mười phút nữa, vì thầy trụ trì đang khai kinh cho buổi lễ tân niên. Tôi nôn nao muốn sớm được nhìn mặt vị ân nhân của mình, nhưng cũng dặn lòng phải kiên nhẫn và cẩn trọng ý tứ trước một nhà sư.

Hơn ba mươi năm trước. Lúc ấy tôi còn là cô bé học trò của trường huyện An Túc, nằm giữa thị trấn An Khê, bên QL 19 nối liền Qui Nhơn với Pleiku. Chiến tranh đang thời kỳ ác liệt. Tuổi còn nhỏ, nhưng ngày nào tôi cũng nghe cha mẹ và các thầy cô bàn chuyện chiến trường: đánh lớn ở Plei-me, Dakto, Tân Cảnh. Mấy năm nay, An Khê tương đối bình yên, nhờ Sư Đoàn 101 Không Kỳ Hoa Kỳ có căn cứ ở đây, và dọc theo đèo An Khê có đồn bót của các đơn vị thuộc Sư Đoàn Mãnh Hổ Đại Hàn. Giữa lúc chiến tranh ngày khốc liệt, bất ngờ lực lượng đồng minh rút quân về nước, làm dân chúng ở đây hoang mang, lo lắng. Xứ họ đạo của tôi cũng được cha chánh xứ tổ chức những toán tự vệ, phối hợp với huyện, lo canh gác khu vực của mình.

Chiều ba mươi Tết, được thông báo của tỉnh, các cơ quan trên huyện phối hợp với các thầy cô giáo và cả Hội Đồng giáo xứ đi mọi nhà kêu gọi đóng góp những gói quà tượng trưng dành tặng cho anh em chiến sĩ của một đơn vị từ xa tới, thay thế lực lượng đồng minh, đồn trú ở đây.

Tội nghiệp, nghe nói anh em đã phải rời căn cứ từ sáng sớm 30 để chiều mùng một Tết có mặt ở

đây. Họ có biết Tết nhất gì đâu! Ông cha xứ nói với chúng tôi như thế.

Cả huyện vui mừng, nô nức trước tin vui. Riêng tôi còn vui hơn khi tưởng tượng sẽ có nhiều anh lính đến cái thị trấn nhỏ xíu buồn tênh này, nên rất sốt sắng trong việc gói quà. Tôi tự tay thực hiện được hai gói quà, gồm một sổ bánh mứt, chiếc khăn tay do tôi khâu lấy, kèm theo lá thư chúc mừng năm mới tới hai anh chiến sĩ vô danh nào đó. Tôi nắn nót viết thật đẹp rồi đề tên, lớp và trường học phía dưới. Vì “sao y bản chánh” từ một bài luận văn tháng trước, nên hai lá thư giống nhau như đúc. Nhìn hai gói quà tôi mỉm cười, khi nghĩ sẽ có hai “người tình không chân dung” nào đó nhận được lá thư nồng nàn của một cô “em gái hậu phương”. Ban đầu, các thầy cô cho biết, đám học trò chúng tôi được hướng dẫn vào căn cứ để tận tay tặng quà cho các anh chiến sĩ. Bọn tôi đùa nào cũng hớn hờ, lảng xăng giặt ủi lại chiếc áo dài trắng ưng ý nhất. Nhưng sau đó dưới tinh cho biết là trước khi vào An Khê, các đơn vị này còn phải hành quân mở đường, giải tỏa một số đồn bót của lực lượng Đại Hàn nằm dọc theo đèo An Khê, bị địch quân bao vây đã ba hôm nay. Cuối cùng tất cả quà đều được nộp cho trường, và thầy hiệu trưởng cùng các thầy cô giáo sẽ mang vào cho đơn vị để trao lại cho anh em chiến sĩ khi tình hình an ninh cho phép. Bọn học trò chúng tôi tiếc hùi hụi vì mất một dịp được vào xem căn cứ và ủy lạo các anh chiến sĩ.

- Nam Mô A Di Đà Phật. Xin chào bà. Xin lỗi, chắc là bà đã chờ tôi lâu lắm phải không?

Câu hỏi của thầy trụ trì cắt đứt dòng hồi tưởng của tôi. Tôi đứng lên, vụng về chấp hai tay trước ngực chào lại thầy. Tôi muốn nhìn thật kỹ khuôn mặt của thầy, nhưng thấy ái ngại, nên chỉ cúi đầu im lặng.

Cái cổng tam quan, ngôi nhà khách này, và những bậc đá trên con đường mà bà vừa đi lên là do tiền cúng dường của ông bà. Chúng tôi xin tán thán công đức và cầu xin chư Phật gia hộ cho ông bà cùng gia đình.

- Bà có muốn đi một vòng xem cảnh chùa không? Xin mời bà.

Thầy vừa nói vừa chỉ tay về phía cổng tam quan.

- Dạ, công ơn của thầy đối với gia đình tôi lớn lao quá. Biết làm sao đền đáp. Xin thầy đừng nhắc tới công đức, làm tôi thêm xấu hổ.

Tôi vừa bước theo phía sau thầy, vừa nói.

- Mô Phật ! Giúp người, đó là nhiệm vụ của kẻ tu hành, dù là tôn giáo nào. Sao bà lại gọi là công ơn. Thầy nỡ một nụ cười độ lượng.

Đi phía sau, nhìn dáng đi khoan thai của thầy, tôi băn khoăn suy nghĩ: Khuôn mặt thì có nhiều nét giống, nhưng với cái dáng đi thì lại khác hẳn. Có thể ngày xưa là lính nên cần phải nhanh nhẹn. Tôi nghĩ thầm như thế.

Khi đến cửa tam quan, thầy dừng lại và chỉ tay về hướng bờ biển, nơi có mấy tảng đá ở triền núi, phía dưới là một khu rừng rậm:

- Chính ở nơi đó, tôi đã tìm gặp chồng của bà.

Năm ấy, khi chồng tôi vừa mới trốn về từ trại tù cải tạo Gia Trung (anh chỉ là thầy giáo, dạy một trường trong khu người Thượng, bị bắt năm 1979 vì bị kết tội hợp tác với lực lượng Fulro chống lại chính quyền Cộng sản), được một người bạn thân cho đi theo một chuyến vượt biển do gia đình anh ta tổ chức. Lúc ấy ai cũng nghĩ ra đi là không bao giờ gặp lại vợ con, mà có ở lại cũng sống không yên, chỉ làm khổ cho gia đình. Hơn nữa lúc ấy tôi vừa mới sanh đứa con đầu lòng, nên không thể đi cùng. Chúng tôi đành gạt lệ chia tay mà không dám nghĩ sẽ có ngày tái ngộ.

Tàu vừa ra khơi hơn một ngày thì bị hồng máy, trong lúc gió mưa tầm tã. Tất cả mọi người phải đem sinh mạng chống chọi với phong ba. Cuối cùng, sau gần ba ngày bồng bềnh trên biển, nhờ những cơn gió nhiệm màu đã đẩy chiếc tàu với hơn một nửa số người sống sót, giạt vào một ghềnh đá lúc trời nhá nhem tối. Tường đã thoát chết, nào ngờ khi vừa leo lên bờ thì bị một toán công an biên phòng vây bắt. Một số người yếu sức thì đành đưa tay cho họ trói. Chồng tôi cùng một vài thanh niên khác dùng hết tàn lực chạy trốn trong các hốc đá bên triền núi. Mấy lần thoát chết dưới những tròng đạn. Nhờ trời tối anh chạy thoát vào khu rừng trước khi kiệt sức. Khi tỉnh lại, anh thấy mình nằm trong ngôi chùa nhỏ nằm bên triền núi. Anh được vị trụ trì săn sóc và che dấu chu đáo, mặc dù biết anh là người công giáo, bởi trên cổ có đeo thánh giá. Sau hơn một tuần, nhờ thầy giúp cạo đầu, cho áo quần để cải dạng một thầy tu, và gởi theo một chiếc xe đồ của một phật tử thân quen, chồng tôi mới trốn được vào nhà bà cô ruột ở Cam Ranh. Sau đó nhờ chính bà cô này tìm đường để vượt biển tiếp. Và lần này anh đã được tàu Pháp vớt, nên được sang định cư bên Pháp. Ba năm sau, tôi và đứa con được anh bảo lãnh với diện đoàn tụ gia đình.

- Mô Phật! Tội nghiệp, ông ấy đã về tìm thăm tôi hai lần, và giúp cho tôi khá nhiều tiền để lập lại ngôi chùa này và một nhà từ thiện nuôi các em bé tật nguyền dưới xóm. Công đức của ông bà thật lớn lắm.

Tôi nhớ lại tấm ảnh mà chồng tôi chụp chung

với thầy trong lần thứ nhì về thăm thầy. Bao nhiêu lần tôi đã nhìn kỹ tấm ảnh, lại nghe chồng tôi bảo, ngày xưa thầy cũng là lính, nên tôi đã ngồi hăng giờ hình dung, nhớ lại một người quen lúc trước.

- Thực ra anh ấy ngại không muốn về, nhưng vì nhớ ơn thầy mà anh ấy mới về gặp thầy. Lần này chính tôi đề nghị được thay anh về thăm thầy, nhân dịp thăm mẹ của tôi đang ốm nặng.

- Mô Phật ! Tôi hiểu nỗi khổ tâm của ông ấy.

Tôi nghe tiếng thờ dài của vị trụ trì, và thấy thầy đưa mắt nhìn về một nơi xa xăm nào đó. Từ lúc mới gặp nhau trong ngôi nhà khách, tôi nghĩ là thầy đã nhận ra tôi. Tôi chờ thầy hỏi, nhưng có thể thầy đã quên hay bây giờ là kẻ tu hành, nên thầy không muốn nhắc lại chuyện thế tục ngày xưa. Không để lỡ mất cơ hội, tôi lên tiếng :

- Tôi về đây, gặp thầy cũng để muốn xin được hỏi thầy một điều, mà bấy lâu nay cứ băn khoăn mãi trong lòng, nhưng ngại thầy là bậc tu hành, nên tôi không dám.

Thầy nhìn tôi, im lặng giây lát rồi lên tiếng :

- Mô Phật! Kẻ tu hành lúc nào cũng muốn đem ánh sáng cho chúng sinh hầu giải tỏa những lo âu phiền não. Xin bà cứ tự nhiên.

- Xin thầy tha lỗi, nếu có điều gì không phải. Có phải thế danh của thầy là Quế, Lê Phương Quế?

Thầy ngạc nhiên nhìn tôi, rồi nhìn lên khoảng không, nhíu mày.

- Mô Phật! Làm sao mà bà biết được tên của tôi

- Thầy còn nhớ anh Lân, trung sĩ Đỗ Lân, ở Sư Đoàn 23 BB, có đóng quân ở An Khê vào những ngày tết năm 1972?

- Bà còn biết cả bạn tôi? Anh Lân đã tử trận ở Kontum từ mùa hè 72. Bà có biết không?

Tôi có một thoáng giận thầy, vì nghĩ là đến bây giờ ông vẫn chưa nhận ra mình. Chẳng lẽ thầy vô tình đến thế. Nhưng ngay sau đó tôi hối hận về ý nghĩ của mình. Sao lại đem chuyện đời để mà trách một vị chân tu, một người đã xa lánh chuyện hồng trần, thế sự. Thầy đã cho mình hỏi và sẵn sàng tâm sự đã là một điều hi xả rồi.

- Dạ, tôi có biết, và tôi cũng có đến Kontum thăm mộ anh mấy lần. Sau này tôi về tìm để xây lại ngôi mộ cho anh, thì nghĩa trang không còn nữa, và không ai biết mộ anh đã chuyển đi đâu. Đôi mắt của vị trụ trì sáng hẳn lên. Thầy mở đôi mắt thật to nhìn tôi, đưa tay lên định nắm vai tôi, nhưng rồi kịp khựng lại.

- Vậy là Xuân ? Bà là cô Xuân ngày xưa? Mô Phật! Sao lại có chuyện kỳ ngộ lạ lùng này.

- Vâng, tôi chính là Xuân, cô bé học trò trường trung học An Túc ngày xưa. Người đã gởi hai gói quà Xuân ủy lạo cho những chiến sĩ đến giữ an ninh cho quê tôi vào đúng chiều ngày mồng một

tết. Hai gói quà được nộp cho trường để chuyển tới cho các anh, vì lúc ấy đơn vị đang hành quân mở đường để đến nơi trú đóng.

Sau một cái tết an bình, cả thị trấn nhỏ của tôi nhộn nhịp hẳn lên bởi sự có mặt của một trung đoàn lính chiến, ngày mùng tám tết, đám học trò chúng tôi trở lại trường, nhưng các thầy cô biết là trong lòng đám học trò ai cũng còn dư âm ngày tết, nên cho chúng tôi tập hợp lại hát hò và kể chuyện vui. Trong lúc thầy hướng dẫn đệm đàn cho cả đám học trò ca hát, thầy giám thị đến tìm tôi, bảo tôi lên văn phòng có người nhà muốn gặp. Bước theo thầy giám thị mà lòng tôi lo lắng không biết ở nhà có chuyện gì, thì ông đưa tay chỉ hai anh lính đang ngồi chờ trên chiếc ghế đá trong sân trường.

Hai anh lính thật trẻ đứng lên chào tôi, nhoen miệng cười:

- Hai đứa tôi đến để cảm ơn Xuân và chúc mừng Xuân năm mới.

Tôi thoáng một chút ngạc nhiên và bẽn lẽn:

- Em có làm gì đâu mà hai anh cảm ơn? Mà sao hai anh biết được tên em?

Hai anh cùng mở túi áo lấy ra bức thư. Vừa kịp nhận ra đó là hai bức thư mà tôi đã “sao y bản chính” bỏ trong hai gói quà ủy lạo, thì một anh lên tiếng:

- Tôi là Đỗ Lân, và người bạn thân của tôi đây là Lê Phương Quế. Trông anh hiền như con gái, nhưng Xuân đừng nhầm với nữ ca sĩ Phương Hồng Quế nghe, mặc dù anh Quế bạn tôi cũng có giọng hát rất hay, không thua gì Phương Hồng Quế. Hai đứa tôi nhận hai gói quà của Xuân. Quà cáp như nhau và lời lẽ trong cả hai bức thư cũng giống nhau như đúc. Cô Xuân thật công bình. Cảm ơn nghe!

Tôi hơi quê, nhưng cố làm ra vẻ tự nhiên:

- Hai anh tới trường tìm Xuân, không sợ thầy giám thị la Xuân hà?

Anh lính thứ nhì, tên Quế, lên tiếng:

- Bọn tôi bảo là anh em bà con với Xuân, đi lính xa nhà bây giờ mới gặp. Thầy giám thị coi bộ cũng thương lính lắm, nên chắc không nỡ la rầy người yêu, à xin lỗi, người em của lính đâu!

Mặc dù thấy hai anh chàng có vẻ thư sinh, vui tính, nhưng nhớ lời bà chị thường bảo mấy ông lính bạo dạn và tán gái hay lắm. Phải coi chừng. Tôi nhủ thầm như thế. Và để xem hai anh chàng này có thực sự bạo dạn hay không tôi khoanh tay:

- Nghe nói anh Quế hát hay không thua gì Phương Hồng Quế, em xin mời hai anh vào lớp em chơi. Bọn em cũng đang ca hát trong đó, chứ không có học hành gì đâu. Đám bạn em sẽ mừng lắm đó.

Hai anh nhìn nhau cười, rồi gật đầu, theo tôi vào lớp. Cả đám bạn học trò im bật, tò mò nhìn ra khi

thấy tôi dắt theo hai anh lính trẻ. Tôi nói với vị giáo sư hướng dẫn:

- Thưa thầy, có hai anh lính nhận được quà tết của lớp mình, đến cảm ơn và xin hát cho cả lớp mình nghe.

Thầy hướng dẫn lớp gật đầu, đến bắt tay hai anh, tươi cười:

- Hồi nãy tới giờ mấy cô chỉ hát những bài tình yêu lính chiến, bây giờ đích thân lính chiến hát tặng mấy cô thì còn gì hay bằng, phải không?

Cả lớp vỗ tay.

Anh lính tên Lân bước lên bục giảng, hai tay mân mê chiếc nón bê-rê:

- Kính thưa thầy, thưa các bạn. Tôi không biết hát, nên xin dành phần nói trước. Chúng tôi xin cảm ơn những gói quà Tết của nhà trường, của các bạn. Trong không khí Tết, vì nhiệm vụ phải xa nhà, được những món quà của các bạn chúng tôi thấy ấm áp nhiều lắm. Đặc biệt hai đứa tôi đây đã nhận được quà của cô Xuân. Chỉ cần cái tên của cô là hai đứa chúng tôi cũng đã có cả một mùa xuân rồi. Xin cảm ơn và kính chúc thầy, chúc các bạn một năm mới vạn điều như ý.

Cả lớp lại rộn lên tiếng cười và những tràng vỗ tay không dứt. Một con bạn có tiếng nghịch nhất lớp quay về hướng tôi ngồi:

- Xuân ơi, mày chỉ được chọn một trong hai thôi. Còn để dành cho đứa khác nữa chứ!

Đúng là nhất quỷ nhì ma, còn thứ ba là bọn này. Tôi đoán hai anh chàng lính sữa đang nghĩ như thế. Anh lính tên Lân bẽn lẽn, ngừng lại đôi phút rồi đưa tay về hướng người bạn, tiếp tục:

- Bây giờ, xin giới thiệu anh bạn thân nhất của tôi, Lê Phương Quế, mà chúng tôi thường gọi là Phương Hồng Quế, tiếng hát hàng đầu của trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu, sẽ lên hát một vài bài tặng thầy và các bạn.

Tôi cũng phục tài ăn nói khá “tâm lý chiến” của anh chàng Lân này. Cái giọng Huế nghe cũng êm ái, cứ như rót mật vào tai người ta. Bây giờ nhìn kỹ thấy anh ta cũng đẹp trai, nụ cười cũng có duyên ghê lắm. Lính cỡ này chắc sẽ làm khổ vài cô em gái hậu phương đây. Tôi mỉm cười với ý nghĩ vừa thoáng trong đầu.

Anh Quế bước lại chỗ thầy hướng dẫn để xin nhờ thầy đệm đàn. Anh hát bài Xuân Này Con Không Về của nhạc sĩ Trịnh Lâm Ngân. Trông anh có dáng dấp thư sinh và khuôn mặt hiền lành như một thầy tu.

Tiếng hát cất lên làm cả lớp im bật. Đúng là giọng hát của anh rất hay, điêu luyện, lúc réo rất lúc trầm buồn không thua một ca sĩ chuyên nghiệp. Dường như có cùng tâm trạng với nội dung bài hát, nên anh đã hát với tất cả cảm xúc, làm dao động trái tim mọi người. Bài hát chấm dứt, mà cả lớp dường như còn thần thờ, yên lặng.

Sau đó bùng vỡ bởi những tràng vỗ tay và nhiều tiếng la: bis, bis...

Anh cúi xuống một lúc, hình như để dấu sự cảm xúc, rồi ngược lên nói nhỏ hai tiếng cảm ơn và xin hát tiếp bài Chiều Trên Phá Tam Giang, thơ của Tô Thùy Yên phổ nhạc.

Lần này, chính tôi không cầm được nước mắt. Không chỉ vì anh hát hay, nhưng tôi thấy xúc động, thậm chí hơn cuộc đời của những người lính chiến.

- Thưa thầy. Bây giờ đã đi tu rồi, thầy có còn hát những bản nhạc tình lính ngày xưa? Tôi vẫn còn nhớ cái cảm xúc khi thầy hát cho cả lớp tôi nghe, sau cái tết năm nào ở trường An Túc. Thầy hát thật hay và truyền cảm. Hôm ấy là lần đầu tiên tôi được gặp thầy và anh Lân.

- Mô Phật ! Bây giờ tôi chỉ còn biết tụng kinh gõ mõ, cầu cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc. Nhưng những gì bà vừa nhắc lại, cũng là con người, làm sao tôi có thể quên.

- Xin thầy thứ lỗi, nếu tôi đã nhắc thầy nhớ lại chuyện đời để làm bận lòng một bậc chân tu.

- Mô Phật! Đạo ở trong Đời, cũng như hai kẻ đồng hành. Hành đạo là để giúp đời. Kẻ tu hành như chúng tôi cũng chỉ là “cư trần lạc đạo” mà thôi, thưa bà.

- Cư trần lạc đạo là sao, thưa thầy?

- Có nghĩa là hiện diện nơi trần thế mà hành đạo, vui đạo. Chứ không phải xa lánh trần thế đầy khổ nhục để tìm sự thanh thản riêng cho bản thân mình.

- Cảm ơn thầy. Thầy giảng hay quá. Ngày đầu tiên gặp thầy, và nhất là lúc nhìn thầy đứng hát trên bục lớp, tôi đã thấy thầy giống một nhà tu. Có lẽ thầy đã có căn duyên từ trước, phải không thầy?

- Mô Phật! Ai cũng có thể tu hành, và bất cứ ai cũng có thể thành Phật được, thưa bà.

Không ngờ lần gặp gỡ đầu tiên năm ấy lại mang đến cho tôi mối tình đầu. Sau vài lần gặp nhau, tôi biết Lân và Quế là hai người bạn thân thiết từ lúc còn học trong trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu. Ra trường về cùng đơn vị, nên sống với nhau như anh em, mặc dù tôn giáo khác nhau. Quế đạo Phật còn Lân là tín đồ Công giáo. Những ngày chủ nhật không bận hành quân, Lân đều đi lễ nhà thờ, nên chúng tôi thường gặp nhau hơn. Và lần nào tôi cũng mời Lân về nhà. Cha mẹ tôi cũng rất thương quý Lân, nhất là sau khi biết cha mẹ Lân đã chết trong biến cố tết Mậu Thân. Tính tình Lân lại hiền lành chân chất và hiếu học. Dù bận hành quân liên miên, nhưng anh vẫn cố gắng tự học để thi tú tài vào mùa hè này. Cũng có đôi lần Quế theo Lân đến nhà tôi chơi. Càng lúc chúng tôi càng thân nhau hơn.

Tôi biết là Lân cũng thích tôi. Trong túi áo của

anh lúc nào cũng có chiếc khăn tay tôi đã tặng anh trong gói quà Xuân. Mỗi lần chia tay, anh bịn rịn lưu luyến không muốn rời tôi. Còn tôi, cũng thấy nhớ anh da diết và mong chờ anh từng ngày trong các lần anh đi hành quân. Tối nào tôi cũng đọc kinh cầu nguyện cho anh được bình yên trở về.

Bây giờ tôi mới biết tình yêu là gì. Tôi bắt đầu biết tương tư, mơ mộng, nhớ nhung và man mác buồn khi thiếu vắng anh. Những bản nhạc tình lính, người yêu của lính, dường như càng lúc tôi càng thấy hay hơn, và tôi hát nhiều hơn. Sau mỗi lần hành quân, Lân đều mang về tặng tôi những cánh hoa lan rừng. Tôi nghe nói vùng núi rừng An Khê này có nhiều hoa lan. Có những loại hoa lạ, thật đẹp mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy hoặc biết tên. Chỉ sau hai tháng, trong phòng tôi treo đầy hoa lan rừng. Tôi thích nhất là những cánh hoa màu tím. Có lẽ tôi nhớ tới màu tím hoa sim trong một bản nhạc mà tôi thường hay hát..

Chiến tranh lại ngày càng ác liệt. Ngồi trong lớp học, bọn tôi vẫn thường nghe tiếng súng, tiếng máy bay vùn vụt trên bầu trời. Ban đêm, nhìn qua cửa sổ, những trái hỏa châu lơ lửng giữa trời, soi sáng cả một vùng núi non nào đó. Rồi tôi nghe tin Dakto mất, Tân Cảnh thất thủ, thành phố Kontum bị pháo kích..Một số người đã phải bỏ nhà chạy xuống Pleiku, sống trong các trường học, được chính quyền dùng làm trại tiếp cư.

Hơn một tuần, tôi chưa gặp Lân bởi đơn vị anh có lệnh cắm trại, ứng chiến. Bất ngờ gặp lại anh trong lễ sáng chủ nhật ở nhà thờ. Khi tôi đang quỳ gối cầu kinh, Lân đến sau, quỳ xuống bên cạnh. Tan lễ, vừa bước ra khỏi nhà thờ thì chúng tôi gặp anh Quế đứng đợi từ lúc nào. Tôi mời hai anh về nhà. Trên đường đi, cả hai anh im lặng, không nói một lời gì. Nhìn nét mặt thật buồn, tôi nghĩ là họ đang ưu tư điều gì. Tôi hỏi, nhưng hai anh chỉ nhìn nhau rồi lắc đầu, không nói.

Suốt ngày hôm ấy hai anh ở lại nhà tôi. Mẹ tôi đãi hai anh một con gà tơ. Trong lúc Lân và Quế rượt bắt gà trong vườn, tôi tìm hái mấy trái cà, trái mướp và rau thơm. Cả ba chúng tôi cùng làm bếp, đùa giỡn, ca hát líu lo, không còn chút ưu tư nào trên khuôn mặt của mọi người. Ăn cơm xong, chúng tôi rủ nhau ra ngồi dưới những cây dừa rợp bóng, nghe Quế hát, rồi chúng tôi cùng hát theo những bài tình ca quen thuộc. Buổi chiều, Quế cáo từ tôi, chào ba mẹ tôi xin về trước. Trong phòng tôi chỉ còn có tôi và Lân. Lần đầu tiên tôi nghe Lân rụt rè tỏ tình. Anh bảo, đời chiến binh rày đây mai đó, rồi có một ngày, anh sẽ phải đi xa, nhưng lúc nào cũng mang theo bóng hình của tôi vào những nơi gió cát. Những lời anh nói làm tôi nhớ tới những câu thơ Chinh Phụ Ngâm thật hay của bà Đoàn thị Điểm dịch mà tôi đã học. Những câu thơ thật buồn bây giờ

lại càng buồn hơn. Tôi khóc. Lần đầu tiên tôi khóc, không biết là vì hạnh phúc đến bất chợt của mối tình đầu hay là vì nghĩ tới nỗi cô đơn của người Chinh Phụ. Tôi giật mình, khi Lân ôm tôi vào lòng. Tôi đứng im, bất động, đón nhận nụ hôn tình yêu đầu đời trong hai hàng nước mắt. Tôi tiễn Lân ra đầu làng, hai đứa ôm lấy nhau khi bóng chiều vừa tắt.

Sáng hôm sau, ngồi trong lớp học, khi thấy từng đoàn xe nhà binh chờ đầy lính chạy về hướng Pleiku, lòng tôi thần thờ khi nghĩ là Lân đã đi xa. Tôi vội lên xin phép cô giáo ra ngoài. Nhưng khi tôi vừa chạy đến hàng thông phía trước, thì đoàn xe cuối cùng đã chạy qua bên kia cầu.

*Xuân ơi,
Anh đang ở phi trường Pleiku để chuẩn bị được không vận lên Kontum. Chiến trường đang ác liệt. Căn cứ Tân Cảnh vừa thất thủ, vị Tư Lệnh SĐ22B đã hy sinh, cùng với bao nhiêu người mất tích. Dịch quân đang tràn xuống uy hiếp thành phố Kontum. Thành phố đang bị cô lập bởi những cái chốt của địch quân trên đỉnh núi Chu Pao, cắt đứt quốc lộ 14 nối liền với Pleiku. Sợ lên Kontum rồi, anh không liên lạc được với em, nên viết vội ít dòng tin em và cũng xin lỗi em vì hôm qua, khi chia tay ở nhà em, anh không nói chuyện anh đi. Mong em thông cảm bởi đó là bí mật quân sự, anh không được phép tiết lộ, mặc dù anh rất yêu em và tin em..*

Không biết đến bao giờ mình mới gặp lại, nhưng dù bất cứ hoàn cảnh nào, anh vẫn luôn mang theo trong tim mình hình bóng của em. Em nhớ cầu nguyện cho anh nghe.

Xin cho anh kính lời hỏi thăm hai bác cùng gia đình. Cầu xin Chúa và Đức Mẹ Maria luôn che chở em cùng tất cả mọi người.

Hôn em

Đỗ Lân

Không ngờ lá thư này là lá thư cuối cùng tôi nhận được của Lân. Chỉ ba tuần sau, Lân hy sinh. Người báo tin buồn này chính là Lê Phương Quế, người bạn chí thân của Lân và sau này cũng là bạn của tôi. Lá thư có kèm theo vài di vật, Quế đã nhờ một anh phi công gởi cho tôi từ Pleiku, sau một chuyến đổ quân cho đơn vị của Quế ở Kontum. Lân đã bị thương rất nặng khi cùng với vị tiểu đoàn trưởng chui qua hàng rào phòng thủ, mở đường vào giải cứu Bệnh Viện 2 Dã Chiến, đang bị địch quân xua xe tăng đánh chiếm, với ý đồ lợi dụng những thương binh nằm trong bệnh viện, làm bàn đạp tấn công vào khu phi trường nằm sát thị xã Kontum. Lân chết lúc chờ máy bay tản thương. Chính Quế là người đã vuốt mắt cho Lân và nghe những lời trăng trối cuối cùng. Anh nhờ Quế giữ để trao lại cho tôi cái dây chuyền có

mang thánh giá cùng mấy tấm ảnh có hình của cha mẹ anh và của anh mặc lễ phục trắng đội bê rê đỏ khi còn là thiếu sinh quân. Những tấm ảnh ấy bây giờ vẫn còn trong nhà thờ An Túc, và sợi dây chuyền tôi vẫn còn cất giữ đến hôm nay. Anh Quế còn cho biết thêm, trước khi trút hơi thở cuối cùng, Lân còn thì thầm gọi tên tôi, và khi lục trong túi áo, anh Quế còn thấy cái khăn tay và lá thư của tôi tặng Lân trong gói quà tết hôm nào.

- Thưa thầy, cuối năm 1973 tôi có nhận được thư của thầy. Lúc ấy thầy bị thương nặng, nằm ở quân y viện Pleiku. Tôi có tìm đến thăm, nhưng người ta bảo là thầy đã được chuyển về quân y viện Nguyễn Huệ ở Nha Trang, để được gần nhà. Lúc ấy đoạn đèo An Khê lại bị địch chiếm, nên xe đồ không chạy được. Mấy tháng sau, khi đi được xuống Nha Trang tìm thăm thầy, thì thầy đã xuất viện. Tôi có hỏi nhưng bệnh viện không biết thầy ở đâu.

- Mô Phật! Đúng như bà nói. Tôi được Hội Đồng Giám Định Y Khoa cho xuất ngũ, vì thương tích. Tôi về sống với mẹ già. Lúc ấy bà cũng đang tu tại gia, ăn chay trường. Suốt một đời bà đã lo lắng cầu nguyện cho cha tôi, rồi đến tôi. Cha tôi cũng đã từ trần năm 1965, trong trận Đồng Xoài, khi ấy tôi chỉ vừa 11 tuổi.

- Nhờ vậy mà thầy đã đi tu.

- Lý do đó chỉ một phần. Cái chính là do tôi đã sống trong chiến tranh, chứng kiến bao nhiêu cái chết quá đau lòng, như cái chết của những người còn quá trẻ như Lân. Họ đâu có tội tình gì. Tôi nghĩ tới cuộc chiến phi nghĩa, khi mà anh em cùng một nhà lại chém giết thù hận lẫn nhau. Nhất là những người lính miền bắc, chỉ vì một số người cầm quyền nhân danh các thứ chủ nghĩa này nọ, để xua họ vào miền nam chém giết chính đồng bào mình. Trước khi nhắm mắt, có lẽ họ chẳng biết họ chết trong núi rừng, trong đói khổ, để cho ai và được điều gì? Gia đình, cha mẹ hay vợ con họ ra sao? Tôi nghĩ tới cái Vô Thường, Vô Minh mà Đức Phật đã dạy, nên tôi đã tìm tới cửa Thiền để mong trút bỏ mọi ám ảnh, oan khiên. Như vừa nhớ ra một điều gì, thầy chỉ tay về hướng sau chùa:

- Mời bà đi theo tôi. Mong bà sẽ tìm thấy một điều kỳ diệu.

Tôi theo thầy đi dọc theo triền đồi, đến một nơi tương đối bằng phẳng. Lại một khu vườn nhỏ toàn hoa sim. Tuyệt diệu hơn, bên trên các khung cây được treo đầy những cánh lan rừng. Tôi nhớ tới những cánh lan mà Lân thường mang về tặng tôi sau các cuộc hành quân. Ngày xuân, tất cả đang nở rộ một mùa hoa. Điều làm tôi ngạc nhiên hơn là giữa khu vườn là một ngôi mộ, trên tấm bia lại có cây thánh giá. Tôi thắc mắc hỏi thầy. Thầy im lặng, không trả lời, ra dấu bảo tôi cùng

thầy đến gần ngôi mộ. Tôi bàng hoàng khi đọc
mấy dòng chữ trên mộ bia :

Giuse Đỗ Lâm

Sinh ngày 10.7. 1954 tại Huế

Tử ngày 11. 5. 1972 tại Kontum

Tôi quỳ trước ngôi mộ, đưa tay lên ngực làm
dấu thánh giá rồi khóc sục sùi. Một cơn gió xào
xạc làm chao động cả rừng cây. Dường như tôi đã
ngồi ở đây lâu lắm. Khi lau nước mắt đứng lên tôi
không còn thấy thầy trụ trì. Có lẽ thầy muốn để
tôi ngồi khóc một mình mà thồn thức với người
xưa, hay là muốn tránh xa chuyện vui buồn của
thế tục.

Khi trở lại chùa, tôi có cảm giác như chân mình
đang bước vào khoảng không, hụt hẫng. Chú tiểu
chờ tôi trong căn nhà khách, chuyển lại lời xin lỗi
của thầy trụ trì và trao lại cho tôi một tờ giấy học
trò được xếp làm đôi. Thầy trụ trì đang cúng Ngọ.
Tôi mở tờ giấy ra đọc, trong lúc tiếng chuông
chùa ngân nga như muốn làm dịu đi phần nào
những cơn sóng đang bênh bồng trong lòng tôi.
Trên tờ giấy chỉ có mấy dòng chữ : Xin chào bà
và cảm ơn bà. Chính tôi đã mang hài cốt của anh
Lâm về cải táng trong vườn chùa, khi được tin
nghĩa trang trong thành phố Kontum bị giải tỏa.
Anh Lâm mồ côi, không còn ai thân thích. Từ nay,
xin bà hãy cầu nguyện cho anh Lâm, theo nghi
thức tôn giáo của bà. Nam Mô A Di Đà Phật.

Phạm Tín An Ninh

Tác giả viết lại phỏng theo lời kể của một nữ độc giả.
Độc giả này sau khi đọc bài Trên Chiến Trường Xưa
(Kontum) của tác giả, được phổ biến trên nhiều số báo
nhân ngày 30.4.2007, đã tìm cách liên lạc với tác giả
để tìm hiểu về cái chết của người tình cũ. Anh đã tử
thương trong trận tái chiếm Bệnh Viện 2 Dã Chiến,
Kontum ngày 11.5.1972)



Thơ Thi Hạnh

Hai Đứa Bên Đồi Hai Cõi Đau

một chút màu xanh trong mắt ngọc
đã nhòa theo những cánh thơ đau
tìm đâu đâu nữa vẫn năm cũ
từ buổi trắng tàn lạc dấu nhau...

thơ xưa chưa viết lời từ tạ
chưa, dấu một lần ta chối nhau
chợt nay men đắng mờ cay mắt
hai đứa bên đồi hai cõi đau

em về lật ngược trang thơ cũ
chôn giấu vẫn yêu buổi hẹn hò
chôn cả tình anh vào quên lãng
(chôn đời nhiều hờn oán, so đo)...

màu nắng nay tàn theo tiếng thờ
gọi thu len lén bước qua thêm
nguồn nước thu mưa rồi sẽ cạn
sao niềm nhung nhớ cứ dài thêm?...

Bể Đồi Huyền Thoại

có phải là anh - người từ cõi nhớ
vừa lạc về góc phố nhỏ rêu xanh
ánh mắt đó (ôi) một lần bờ ngõ
mà theo nhau trên khắp bước độc hành

ta không nói (còn gì đâu để nói!)
chuối ngày xưa bị gió cuốn đi rồi
mắt chạm mắt, ta nhìn nhau xa lạ
chợt thấy đời bạc trắng tựa như vôi

có phải là anh mới vừa xé nát
một mảnh hồn tan tác giữa đêm thâu?
(mây với gió cũng bể đôi huyền thoại
giống như ta đâu tha thiết buổi đầu)...

người về nữa làm chi thêm đau nhói
câu thơ buồn gian dối của hôm nao
em đã đốt, ân tình tan theo khói
để hai ta không ai nữa cầu cào...

Cười

Xe ôm và bia ôm

Hai vợ chồng già ngồi nói chuyện:

- Lúc ngồi xe ôm, ôm cái thằng lái xe, bà có thấy thích không?
- Thích thú cái gì, chẳng qua để an toàn khỏi ngã thì phải ôm vậy thôi!
- Đó bà thấy chưa? Bà cứ nói tôi đi bia ôm này nọ, nhưng bia ôm cũng như xe ôm thôi. Vào quán uống bia nhiều phải say, say thì phải ôm một cái gì đó cho khỏi ngã! Hoàn cảnh nó buộc phải vậy chứ nào ai muốn...

Nhỏ To

Một anh chàng Mỹ tốt nghiệp khoa kinh tế, làm việc cho một công ty tại Việt Nam. Sau một thời gian anh trở lại Mỹ quốc để thăm gia đình. Trong một buổi tiệc với bạn bè, anh cho biết cảm tưởng về đất nước Việt Nam như sau:

"Nước Việt Nam! một đất nước nhỏ, trong đất nước rất nhỏ đó có một cái thủ đô rất to. Trong cái thủ đô rất to này có những con đường rất nhỏ. Bên những con đường rất nhỏ lại có những ngôi biệt thự rất to. Trong những ngôi biệt thự rất to có những cô vợ nhỏ. Những cô vợ nhỏ dành cho các ông quan to. Những ông quan to đeo những cái cặp rất nhỏ, trong những cái cặp rất nhỏ thường có những dự án rất to. Những dự án rất to nhưng hiệu quả lại rất nhỏ. Hiệu quả rất nhỏ nhưng thất thoát thì rất to, những thất thoát đó thường được coi là những lỗi rất...nhỏ."

Bill Gates đánh ghen

Các thiết bị trong nhà Bill Gates đều hoạt động theo chương trình lập sẵn và được điều khiển từ xa bởi một máy tính trung tâm. Một hôm, Bill về nhà muộn, vừa mở cửa phòng ngủ thì thấy cô vợ và tình nhân đang hủ hí trên giường. Bill bình tĩnh khép cửa lại mở máy tính xách tay, kết nối với server. Chọn đường dẫn đến địa chỉ phòng ngủ rồi khởi động file có tên: Diệt_virus_phòng_ngủ.exe.

Giấu Hạnh Phúc Ở Đâu

Ngày xưa, có một bầy yêu tinh tập hợp nhau lại để lên kế hoạch làm hại con người. Một con yêu tinh lên tiếng: "Chúng ta nên giấu cái gì quý giá của con người. Nhưng mà cái đó là cái gì?"

Một con yêu tinh khác lên tiếng: "Chúng ta nên giấu hạnh phúc của con người. Không có nó, ngày đêm con người sẽ phải khổ sở. Nhưng vấn đề là chúng ta sẽ giấu hạnh phúc nơi nào mà con người không thể tìm thấy được."

Một con yêu tinh cho ý kiến: "Chúng ta sẽ quảng hạnh phúc lên đỉnh núi cao nhất thế giới."

Con yêu tinh khác phản đối: "Con người rất khoẻ mạnh, chuyện trèo lên đỉnh núi đối với họ không có gì là khó khăn."

"Vậy thì chúng ta sẽ đem hạnh phúc ném xuống đáy biển sâu."

"Không được, con người rất tò mò. Họ sẽ chế tạo ra những con tàu hiện đại để đi xuống tận đáy biển. Rồi tất cả mọi người sẽ biết."

Một con yêu tinh trẻ có ý kiến: "Hay là chúng ta đem giấu hạnh phúc ở một hành tinh khác."

Con yêu tinh già phản đối: "Không được, con người rất thông minh. Càng ngày họ càng thám hiểm nhiều hành tinh khác đây thôi."

Suy nghĩ hồi lâu, có một con yêu tinh già lộ lộ lên tiếng: "Tôi biết phải giấu hạnh phúc của con người ở đâu rồi. Hãy giấu nó ở chính bên trong con người. Đa số con người đi tìm hạnh phúc ở khắp chốn, khắp nơi, và bao giờ họ cũng thấy người khác hạnh phúc hơn mình; còn bản thân họ thì họ chẳng bao giờ quan tâm. Giấu nó ở đó thì con người không bao giờ tìm thấy hạnh phúc cả!!!"

Thử con

Một anh chồng bàn với vợ, đặt lên bàn ba thứ để xem con mình sẽ lấy thứ gì.

Nếu nó lấy tờ 100 USD, tương lai nó sẽ là nhà tài chính. Nếu lấy cây viết, nó sẽ là nhà văn, còn nếu cầm quyền kinh thì nó sẽ làm linh mục.

Lát sau, cậu con vào phòng với cả ba thứ rồi chạy ra ngoài. Trong khi vợ còn đần mặt trước tình huống bất ngờ, chồng lẩm bẩm: - Phương án thứ tư... Vợ sốt ruột hỏi: - Là sao hở anh? -

- Là ăn cướp chứ còn sao nữa!

Thỏ lộ

Cô vợ đang hấp hối trên giường bệnh, anh chồng ngồi kế bên, nước mắt đầm đìa, nắm tay vợ.

Cô vợ thều thào: - Anh yêu...

Anh chồng ngắt lời: - Em đừng nói, ráng giữ sức.

Cô vợ gắng gượng: - Anh để cho em nói. Em có chuyện này muốn thổ lộ cùng anh...

- Em đâu có chuyện gì mà phải thổ lộ. Mọi chuyện đều ổn cả mà.

- Không! Không ổn chút nào hết. Em phải cho anh biết chuyện này, nếu không, em chết không an lòng:

- Em đã cắm sừng lên đầu anh!

- Đừng lo em yêu, chuyện đó anh biết. Nếu không anh đâu có đầu độc em.

Made in VN! Very fast!

Xe đang trên đường ra sân bay, người khách Nhật Bản nhìn thấy một chiếc xe vọt qua, ông ta thích thú thốt lên:

- Ooh....TOYOTA! made in Japan! very fast!

Một lúc sau lại có một chiếc xe khác phóng qua, ông khách lại reo to:

- Ooh... Nissan! made in Japan! very fast!

Anh tài xế taxi bắt đầu cảm thấy bức mình, chưa kịp có ý kiến gì thì lại nghe thấy ông khách Nhật hân hoan reo:

- Ooh... Mitsubishi! made in Japan! very fast!

..... Đến sân bay, người khách xuống xe trả tiền taxi. Anh tài xế taxi nói:

- 200 USD

- Ooh...very expensive!!! This is a short distance!

Người lái xe thản nhiên chỉ vào đồng hồ nói: Made in VN! Very fast!

Qua đời

Bị cáo Jim đang bị tra hỏi ở tòa án.

Luật sư : - Tại sao anh lấy trộm chiếc xe đó ?

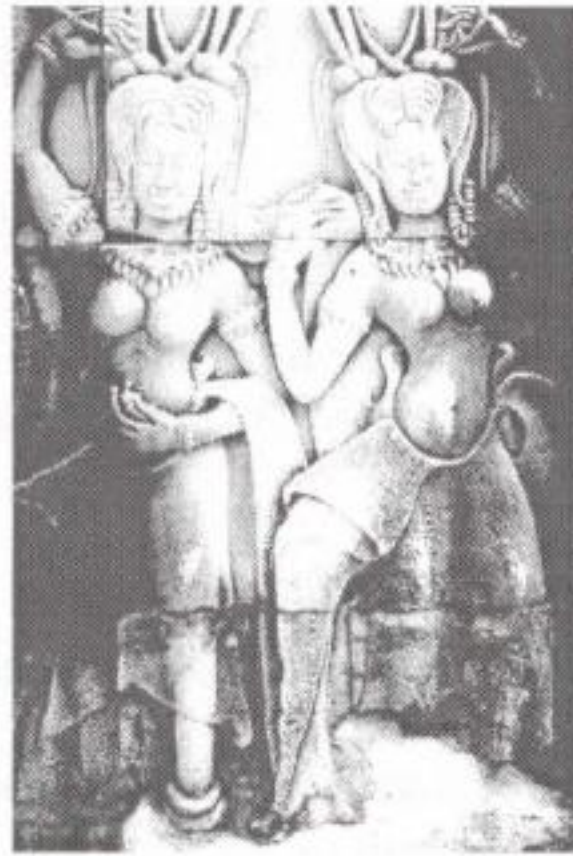
Jim : - Thưa...chiếc xe dừng ở nghĩa địa nên tôi nghĩ chủ xe đã qua đời !

Luật sư : - ?

Lan Anh sưu tầm

ANGKOR-MÔN

Nguyễn Văn Thà



Xe chạy xuôi nam về hướng Biển Hồ (Tonle Sap). Thiện, không có Thắm đi theo, người nhẹ nhõm thấy rõ. Lại còn gió và nắng và cây cỏ. Gió mỏng, nắng trong, cây cỏ xanh non, hơn bên xứ mình. Những mái nhà nâu ẩn nhẫn, buông xuôi. Thỉnh thoảng hiện ra những ngôi chùa, chùa nào cũng mới, vàng huy hoàng, màu sắc tinh tế, điểm tuyết kỹ càng, mái vút lên trời, như kiểu hoa kiệu những nàng apsara từ trời vừa đậu xuống. Chỉ có mái chùa là vui. Trâu gặm cỏ, nhìn ngu ngơ ven đường, quanh những phế tích. Những đứa trẻ chăn trâu quần áo xốc xếch, đội nón toại lá.

Khi xe xuống bên ghe, đám trẻ bâu lại xin tiền, những làn da nâu, những con mắt chao chao nổi buồn. Thiện kiếm tiền lẻ để cho. Có người nói: "Anh cứ cho tiền như thế, tụi nó đã lười đâm lười hơn. Cha mẹ chúng cũng vậy, đôi khi còn có bọn tổ chức ăn xin. Làm cản đường, cản lối!" Nếu Thắm cùng đi, gặp cảnh này, chắc nàng cũng sẽ đồng tình với những lời lẽ khôn ngoan đó. Thắm xem ra khôn ngoan, cái gì cũng khôn. Mà Thiện lại không thích khôn. Khôn cũng mệt. Khôn kiểu người mình lại càng mệt. Thiện không thích mệt mỏi để được tiếng khôn ngoan.

Tàu chạy dọc kinh dẫn ra khu Làng Nổi Việt gần Biển Hồ. Hàng hàng lớp lớp dừa nước vươn vươn sức xanh mới mới. Mênh mông những đước là đước xum vầy, an ổn. Chỉ có đước và dừa nước tự chữa lành vết thương chiến tranh, khổ đau mau nhất. Những dãy nhà nổi xanh xanh hai bên sông nước đục. Những chấu bông giấy hào hoa, bông thò vàng ươm trong lon thiếc han rỉ, những bàn thờ thiên sơn màu đỏ chao chao. Trẻ em nói cười, có đứa đang lội dưới sông người đen

bóng, nhăn nhăn cười trắng nhõn, có đứa đang ngồi chò hỏ đút cơm cho em, có cả những đứa đang ê a đánh vần, có đứa nằm chống hông tập viết, tập đồ trên sạp ghe. Có cả trường học nổi, a bờ a ba, e bờ e be, công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra, trong trẻo, tin tưởng vào mình, vào gia đình, vào thế giới đang quanh mình, sẽ đến với mình, như từ bất cứ trường mẫu giáo nào trên trái đất này. Có cả ngôi nhà thờ đang gắng gượng định mình trên sông nước chông chênh, ghe qua xuống lại. Những người đàn bà, những đàn ông khô héo bập bênh trong im lặng đông đặc dưới vành nón lá bung vành. Những người già thân mỏng thấp thoáng như có như không.

Tàu chạy tới khúc kinh có quán nổi thì ngừng cho du khách lên xem dân tình và xem những nơi quanh quán nuôi cá sấu, nuôi rắn cho các cao lâu, riêng rắn còn bán cho các công ty dược phẩm để lấy nọc độc làm thuốc. Tàu vừa trờ đến, những đứa trẻ người Việt ngồi trong những chiếc thau nhôm, nhựa đủ màu chèo ào ào lại xin tiền: "Cho con một đồng (đô la) đi chú." "Cho con vài đồng ăn cơm." Thiện cho mỗi đứa vài ngàn tiền Miên. Có đứa cảm ơn, có đứa ra về tức tối. Thiện thấy có con nhỏ áo xanh chèo xuống tới, mà chưa thấy xin. Con nhỏ khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, mặt đẹp, môi đỏ, da trắng hồng không thua gì những đứa con gái Việt kiều bắt chước Lara Croft đu rết cây đa, bắn súng giả, cười đùa trong đền Angkor Thom sáng nay. Con nhỏ áo xanh cứ chèo xớ rớ, xem ra không tranh lại với mấy đứa con trai xông xáo, to mồm. Thiện kêu nó lại, nhìn chăm nó một lúc, rồi loay hoay móc bóp,

cúi người về phía xuống và từ tốn đưa cho con nhỏ nguyên tờ 100 đô. Có thằng nhỏ cụt tay, chèo xóc tới, trợn to đôi mắt sắc quét qua tờ đô la con nhỏ đang luýnh quýnh cầm trong tay, hét lớn:

“Ông Việt kiều dè con Hai Ngân, ông cho nó 100 đô lận, tui bay ời.” Mọi người xôn xao, đám ăn xin, những người bán quán, những người ngồi quán và cả những du khách người Việt.

Chiếc tàu chở khách du lịch, sau khi ra giữa Biển Hồ, quay về và bất thường ghé lại bến Cá Sấu lần nữa, để cho Thiện lên bến một mình theo yêu cầu của Thiện.

Lúc này, khi tàu ra tới giữa Biển Hồ, Thiện như bị mê hoặc bởi cái mệnh mông chân trời góc bể trắng lóa; cái mệnh mông trắng ấy có thể xóa tan, dù trong chốc lát, bao nhiêu hệ lụy nhân sinh và khoắc vào con người chiếc áo mới và sạch; khi tỉnh ra người ta thấy mình chưa thỏa. Cuối cùng trong khi những người khác lao xao chụp ảnh, Thiện nói nhỏ với anh hướng dẫn người Hoa, người mà Thiện đã nói chuyện nhiều lần trong chuyến đi, đi tới chỗ tương đắc, vì qua chuyện trò, cho thấy anh là người có văn hóa cao:

“Này anh, ra tới đây, tụi tui không muốn về ngay Xiêm Riệp với đoàn và đi tiếp qua Phnom Penh. Nhờ anh nói với bạn gái tôi, cô Thắm, là tôi sẽ nán lại đây một thời gian. Anh đưa giùm cho cô ấy số tiền này và bảo như vậy.”

“Xin phép cho em hỏi: Sao vậy anh?”

“Hải giác thiên nhai nhất phiến hồng. (Chân trời góc biển chim hồng vút.)”

Anh hướng dẫn vừa cười vừa nắm tay Thiện: “Em hiểu tiên sinh rồi. Em sẽ thu xếp ổn hết.”

Khi Thiện bước xuống bến, mấy người làm trong quán, nhận ra ngay ông Việt kiều lúc này, có kẻ ngạc nhiên:

“Sao chú không theo tàu về Xiêm Riệp?”

“Ghé lại đây chơi thêm một chút.” Và Thiện cười cười: “Mà cũng có thể ở lại đây luôn.”

“Thiệt hay giỡn vậy chú. Ở đây buồn thiu có gì mà ở.”

Có tiếng của thằng nhỏ cụt một tay đang chèo thau từ dưới kinh vang lên:

“Ông dám ở lại đó chị Hai ời. Ông tính dè con Ngân đó. Hồi này ông cho nó 100 đô lận, còn tui tàn tật, ông chỉ cho một đô hà!”

Cô chủ quán đỏ rưng mặt, cũng cố quát ngang:

“Đừng nói bậy nghe Tư cụt!”

Thiện không nói năng gì. Anh đi loanh quanh xem cá sấu, nhìn rắn, rồi ngồi nhìn sông nước, thuyền bè xuôi ngược, du khách lên xuống, cuối cùng anh đi ra phía sau quán, nơi có mấy

chiếc ghe có bàn thờ thiên đấng mũi đang đậu. Riêng chiếc ghe gần quán nhất có vẻ sạch sẽ, phần đầu ghe có hai dây cây trường sinh hoa đỏ, hoa vàng, hoa trắng, lá to, lá nhỏ, lá xanh, lá đỏ, lá nâu, trồng trong những chậu sành vân xanh, và đầu mũi ghe, thay vì bàn thờ thiên như những thuyền chung quanh, là một tượng nữ thần đen gầy, khô kiệt, đau khổ tận cùng, vú vẹo xệ, rắn cuộn trên đầu, thông trên người, cuốn dưới chân cấn, hút da thịt bà, đã thế, bà còn đeo nguyên vòng sọ người quanh cổ, dưới chân còn nhiều sọ người khác, trên tay còn cầm hai tay hai sọ nữa. Thiện ngắm chiếc thuyền lạ một lúc lâu. Chủ ghe là một người đàn bà. Bà đang ngồi trong khoang tối giữa nhìn ra, thấy người đàn ông sang trọng, bà nhìn ông đăm đăm, như thể nhìn mà không biết mình đang nhìn, rồi bà giật mình, vào lòi trong rương ra chiếc khăn rằn Miên đen trùm lên đầu, rồi ngồi thừ suy nghĩ, cuối cùng mới hắng giọng, và lên tiếng:

“Mời anh xuống ghe em chơi một chút cho biết.”

Cùng lúc đó chị chủ quán thăm thọt:

“Ghe nhà bà Ngọc, mẹ con nhỏ chú cho tiền đó!”

Lại tiếng thằng Tư cụt:

“Hồi này tui nói đâu có sai, mà chị lại la tui!”

Còn Thiện, Thiện hơi có vẻ bối rối, lăm lăm:

“Thiệt bực mình! Chuyện không đâu, thích phiêu lưu một chút mà tùm lum chuyện” Và Thiện hơi chột dạ, nhưng cũng đáp liêu: “Vâng, cảm ơn.”

Thiện bước lên tám ván chành vênh bắc từ quán sang ghe. Vẫn chưa thấy người đàn bà ra đón, chỉ thấy đôi mắt sáng từ trong khoang tối, và tiếng bà ta lại vọng ra:

“Mời anh vào đây.”

Lại tiếng cụt:

“Ông Việt kiều dè luôn bà Ngọc tui bây ời!”

Theo huyền thoại, các vương triều cổ Khơ Me bắt đầu từ việc phối ngẫu giữa một vị hoàng tử Ấn vị vua cha bắt đi đầy khỏi kinh đô Đê Ly, với một người đàn bà rắn con gái của Vua Rắn Hồ Mang Khơ Me. Cô nàng lộng lẫy hiện ra trước mặt chàng, uốn éo trên bãi cát nơi chàng đang đóng trại qua đêm. Chàng ta lấy nàng làm vợ, và Mãng Xà Vương đó hút khô nước tạo nên đất đai, và ban cho phò mã từ xứ Ấn vùng đất mới đó, gọi là Cambuda và xây cả thủ đô cho chàng.

Nhưng theo bi ký ở Mỹ Sơn, Việt Nam,

chồng của người đàn bà rắn đó lại là một người Bà la môn tên Kaundinya, dòng dõi Suryavamsa: dòng dõi Mặt Trời. Chàng ta đã ném cái lao thần, và lao đã cắm xuống kinh kỳ ở đó dòng dõi Somavamsa: dòng dõi Mặt Trăng, đang trị vì.

Một huyền thoại khác: Ông hoàng Kambu, dòng dõi Mặt Trời, đã lấy tiên nữ Mera, dòng dõi Mặt Trăng, từ đó có tên Kambuja - con trai của Kambu - trở thành tên nước của người Khơ Me.

Riêng quần thể đền thờ Angkor mà thôi rộng 300 cây số vuông, nhưng toàn vùng văn hóa cổ này rộng tới 5000 csv - trong số đó là 100 csv, từ Biển Hồ cho tới dãy đồi Kuken vốn là một vùng phố xá - làm thành một thành phố rộng nhất trước thời đại kỹ nghệ của nhân loại. Thành phố lớn được thiết lập ở Angkor, không vì mục đích văn hóa, tôn giáo, nhưng vì tiềm năng nông nghiệp, bởi Angkor nằm trên vùng đất trũng lớn với Biển Hồ và dãy đồi Kulen vây quanh, và nó được tưới, tiêu bởi những phụ lưu của sông Xiêm Riệp. Người Khơ Me đã xây dựng một loạt những bể chứa nước, đê điều lớn, hệ thống kinh rạch, và cùng với Biển Hồ, điều hòa, cung cấp nước cho ruộng vườn vào mùa mưa, cũng như mùa khô.

Khu Angkor được xây dựng từ năm 879 - 1191, và vương quốc Khơ Me đã hiện diện ở đó từ 802 -1431. Thời gian các đền thờ được xây cũng là thời gian cực thịnh dưới thời hai vua Suryavarman II và vua Jayavarman VII. Vương quốc trải dài từ Nam Việt Nam tới Vân Nam, Trung Quốc, và từ biên giới phía tây Việt Nam tới vịnh Bengal. Vua Jayavarman VII, có lẽ vì phung phí tài sản quốc gia tới mức khánh kiệt để xây cất đền thờ, đã làm cho dân bất mãn, và cũng vì đó hệ thống dẫn thủy nhập điền không được tu sửa. Có thuyết còn cho rằng vì động đất phá vỡ hệ thống đê điều, và tạo nên lũ lụt tràn ngập khu Angkor, do đó tàn phá môi trường sống và bệnh dịch bộc phát. Ngoài ra, cuối thế kỷ thứ 13 tới đầu thế kỷ thứ 14 dân Khơ Me từ Ấn giáo chuyển sang Phật giáo tiểu thừa; như thế, người cai trị phải tìm ra những biện pháp mới để thống nhất lòng dân và cai trị họ, và dĩ nhiên phải có đổi khác. Trong khi có những thay đổi như thế, các lân bang cũng mạnh lên và họ bắt đầu tấn công Angkor. Cuối cùng năm 1431, vua Thái Ayuttaya bao vây và chiếm được Angkor sau sáu tháng bao vây. Năm 1432 người Khơ Me dời thủ đô về phía nam, nhưng đế quốc Khơ Me không bao giờ có được cái vinh quang thừa trước.

Riêng đền Angkor Wat có hình chữ nhật kích thước 1500m x 1300m, với vòng hào rộng 190m, chiếm tới 200 hecta. Đây là đền lớn nhất trong nhóm đền Angkor và nằm phía Nam của khu đền chính Angkor Thom. Ngoài ra còn có một hệ thống cung cấp nước cho thành phố Ang-

kor phân nhánh ra ngoài thành phố, dài từ 20 tới 25 km. Và mới đây, một nhóm nghiên cứu quốc tế đã chụp không ảnh bằng radar và khám phá thêm được ít nhất phế tích 74 đền thờ và hệ thống kinh rạch được qui hoạch công phu, bị chôn vùi trong khu rừng chung quanh khu Angkor hiện tại; toàn thành phố Angkor xưa chiếm một diện tích tới 1000 csv, rộng cỡ thành phố Los Angeles...

Thiện ngồi trước mũi ghe đọc những thông tin như thế về Angkor, sau khi trò chuyện với Ngọc một lúc lâu đủ mọi thứ chuyện ở Biển Hồ: về những người Việt mà cuộc sống khổ cực, càng ngày càng khổ chẳng những vì cuộc sống lênh đênh vốn khổ mà còn vì cá ít dần, vì chính sách của chính phủ trung ương lẫn địa phương gây thêm khó khăn cho họ. Nhưng có điều lạ, đa số người quay trở về Việt Nam, lại quay trở lại đây. Họ nói người Việt trong nước vốn ác, nay còn ác hơn. Về những người già đang chờ chết trong đói khát, biết chắc mình sẽ không được chôn trên đất liền, mà sẽ bị bỏ bao, cột vào cọc đóng trong bãi được. Về những đứa trẻ vất vớ với bố mẹ trên xuống, đa số không biết chữ, ngoại trừ một số ít gần bến chính, nhiều đứa sống bằng xin tiền du khách. Con Ngân, con chị, hôm nay là người may mắn. Chưa bao giờ có ai cho nhiều như vậy ở bến Cá Sấu.

Con Ngân nghe tin ông Việt kiều xuống ghe nhà mình, nó chèo xuống về ngay, và bây giờ đang loay hoay pha trà, mua bánh đậu xanh, chưng ra đĩa, và khép nép bung lại cho Thiện. Nó vừa thay bộ đồ bộ mới hồng cánh sen, tay đeo cái vòng cẩm thạch không biết thật hay giả, nhưng xanh xanh như một mảnh thiên nhiên bình yên trên cườm tay trắng, lại còn đôi bông hạt ngọc trai (chắc là giả) hiển hậu, và ngồi khép nép trên góc chiếu hoa mới, còn thơm mùi cỏi được nắng. Ngồi một lúc, Ngọc sai Ngân chèo xuống đi mua đồ ăn nấu cho Thiện ăn. Khi Ngân đi rồi, hai người bỗng rơi vào im lặng. Họ nhìn nhau và ngại ngùng. Thiện cố phá vỡ cái bầu khí thân mật chột đến:

"Tôi thấy chị hơi lạ. Người ta ai cũng có bàn thờ thiên, còn chị thờ bà thần nào mà ghê vậy?"

"Đó là thần Từ Mẫu Chànandà: Bà đã chịu những khổ đau rắn độc để cứu con mình, nhưng nào cứu được. Anh thấy đó xương sọ con bà..." - Ngọc rung rung nước mắt - "Bà là người Mẹ Khổ Đau của dân tộc Ấn, nhưng cũng giống bà mẹ khổ đau của bất cứ dân tộc nào: dân Khơ Me, dân Việt mình. Xem ra người mẹ dân Việt mình là đau khổ hơn cả, bao nhiêu loài rắn đã cắn bà." Giọng Ngọc trở nên gay gắt, và đưa tay quyết nước mắt: "Những vua chúa, những lãnh tụ, và cả những người đàn ông..."

"Tôi hiểu. Chị nói hay lắm."

Ngọc lại triển miên:

“Anh bỏ mẹ con tôi đi từ lâu rồi. Hồi con Ngân còn nhỏ. Tôi bị thương nặng. May còn cứu được bào thai và sinh được con Ngân. Đẻ khó, phải giải phẫu.”

“Tội nghiệp! Mà chồng chị là người Miên hay người Việt?”

Ngọc ngập ngừng:

“Người Miên...”

“Ngoài con Ngân ra, anh chị có đứa nào nữa không?”

“Không. Ngân là con duy nhất của tôi.”

“Xin lỗi, cho tôi tò mò một chút. Thế chị ở đâu mà trôi nổi đến đây?”

Ngọc không nhìn vào mặt Thiện mà vừa nhìn mông lung ra sông tối vừa nói:

“Tôi từ ngoài Trung, đi thanh niên xung phong đóng ở Battambang, được mấy năm, tôi gặp và yêu một anh bộ đội. Rồi lỡ có thai với nhau. Sẽ bị kỷ luật, nhưng lúc đó chúng tôi nghĩ tới mình thì ít, nghĩ tới tương lai con thì nhiều, nên liều tìm đường đến Pallin để vượt biên qua Thái, nhưng mìn gài chằng chịt dọc biên giới. Ảnh bị trúng mìn, chết. Còn tôi bị thương nặng. Anh Thạch Sang, lúc ấy là đồn trưởng đồn biên phòng Kampuchia, đã cứu tôi, khó khăn lắm mới đưa tôi về Xiêm Riệp sống với người Miên với anh.”

“Ngoài Trung mà tỉnh nào?”

“Khánh Hòa.”

“Huyện nào, xã nào?”

Ngọc ngập ngừng:

“Quận Khánh... Nam...”

“Thôi quên đi. Tôi hỏi thế bởi vì thấy chị giống một cô bạn học thời thơ ấu của tôi, tên Thảo.”

Cả hai lại im lặng một lúc lâu. Thiện lại lên tiếng:

“Mà tại sao chị sưu tập cây sống đời, lại đủ loại vậy?”

“Anh Thạch Sang chồng tôi hồi đóng quân ở Pallin sưu tầm giống, rồi đưa về đây trồng, chúng vừa đẹp, vừa dễ trồng lại trị bệnh được. Trị bá bệnh.”

“Trị rắn cắn được không?”

“Không, không, không.”

Hai người lại rơi vào yên lặng. Thiện chau mày nhìn xuống sạp thuyền. Ngọc nhìn ra ngoài khung cửa sổ thuyền tròn. Thiện dường như muốn cố gắng xua đi những rối ren trong lòng hai người:

“Tôi thấy ở đây đâu cũng có tượng rắn hổ mang đủ loại, đủ kiểu. Chị biết không khi từ cửa khẩu Mộc Bài vừa bước qua biên giới Căm Bốt, tôi thấy ngay tượng mặt thần rắn hổ mang, và dần dà tôi thấy người Khơ Me sao giống rắn hổ, nhất là mắt, đôi mắt họ hóp hóp hồn tôi ngay? Tôi bị thôi

miên vào thần cổ Cao Miên. Tôi thấy đền đài Angkor là hình tượng của những con rắn hổ mang khổng lồ ngóc đầu, trương vĩ, trương vảy. Trong đôi mắt của những người Miên mà tôi gặp hiện lên những Angkor như thế. Rồi hàng trăm ụ tháp đá mặt người ở đền Bayon, trong khu Angkor Thom, cũng chỉ là những chiếc đầu rắn hổ khổng lồ mang mặt người, dù đó là mặt mang nét mặt Phật Bà Quan Âm pha lẫn với nét mặt vua Jayavarman VII đi nữa. Cái không khí đền đài nặng nề, thâm u của màu mắt rắn, và màu mắt rắn ấy vẫn còn ngự trị quanh Đất Nước này.”

Mặt Ngọc bỗng u ám lại, miệng móm hình tam giác, và hơi thở khô khè như đang lên cơn suyễn nặng.

Thiện hoảng hốt:

“Chị sao vậy?”

Ngọc thì thào:

“Tôi tức ngực quá. Chỉ uống ly nước lạnh và đắp lá sống đời... à không... lá ớt... lên ngực là tôi đỡ ngay... Mà thôi, anh cho tôi ly nước lạnh cũng được rồi tôi nằm nghỉ một xíu là khỏe à.”

Thiện chạy ra ngoài lu múc ly nước mưa đưa cho Ngọc:

“Chị uống rồi nằm nghỉ. Tôi qua quán kiểm ly cà phê.”

Ngọc đưa tay cầm tay Thiện, run rẩy:

“Anh, anh đừng đi, em sợ. Anh ở lại với em.”

Và Ngọc nằm xuống trên chiếc chiếu hoa mới, chỗ Ngân ngồi lúc nãy. Ngọn đèn lay lắt, không đủ để cho Thiện thấy giọt nước mắt đang lăn trên má vừa hồng.

Thiện nán lại, ngồi đằng phía cửa ra vào, xa nơi Ngọc đang nằm, nói là xa, nhưng chẳng xa gì cho lắm trong lòng thuyền chật hẹp. Tiếng muỗi vo ve bây giờ mới nghe, cả tiếng sóng lép chếp mạn ghe, và tiếng ai đó thuyền bên đang khấn vái thầm thì.

Khoảng nửa tiếng sau, nghe con Ngân chèo xuống về. Ngọc ngồi ngay dậy, vuốt tóc lại, và gọi vọng ra:

“Con đó à Ngân?”

“Dạ.”

“Sao lâu vậy?”

“Toàn cá nhỏ xíu không hà. Chờ mãi, mới có cá lớn.” - Ngân nói tiếng Việt hơi khó, và lơ lớ giọng Miên.

Ba người ngồi bên mâm cơm nóng, cơm trắng ngồi trong bóng mờ mờ đèn con, nồi canh cá chua cá bông lau đủ mùi vị canh chua miền Nam. Thiện ăn xì xụp. Con Ngân cũng vậy nhưng vừa ăn vừa ngó chừng. Ngọc ăn cầm chừng, thỉnh thoảng gấp cá, chấm nước mắm bỏ vào chén Thiện. Thiện kể cho hai người nghe cảnh sống của anh bên Na Uy. Những chuyện vui vui như ở đó người ta thêm nắng; nắng vừa lên là người ta

vui, đi đâu cũng thấy những khuôn mặt mỉm cười, du khách mới đến cứ nghĩ là họ cười cảm tình với mình, nhưng không phải vậy, đừng tưởng bở. Chuyện đàn ông phải xách đồ cho đàn bà, đẩy xe đưa con đi chơi, cho dù có vợ bên cạnh, nếu không muốn mang tiếng là bất lịch sự. Chuyện đàn bà để ngực trần phơi nắng trong công viên, bãi tắm. Chuyện người ta câu cá rồi thả xuống lại... Ba người cùng cười.

Ấn xong, Ngọc lại nói thầm với Ngân, bảo Ngân đi đâu đó.

Thiện ngồi uống nước trà, đặt ly xuống, bắn khoăn:

“Sống như thế này, lâu nay hai mẹ con lấy gì mà sống?”

Ngọc thờ hất:

“Cũng phải sống thôi. Hồi trước có bà con giúp đỡ, và em chèo xuồng bán chè bậy bạ, rồi cũng qua được. Giờ thì khó khăn hơn. Em chẳng bán buôn gì được nữa, ngoại trừ những lúc giúp cho cá sấu ăn, hay làm việc vặt cho con nhỏ chủ quán. Giờ Ngân nó lớn, nó ngày cứ chèo xuồng xin tiền du khách. Được cái nó trắng trẻo, nhiều người thương, nên cũng kiếm cháo được. Đi xin cả mấy năm nay, chỉ có hôm nay có anh là người cho nó nhiều nhất. Nó mừng run người anh ạ.”

“Chẳng qua lúc đó tôi hết tiền lẻ, mà thấy con nhỏ tội nghiệp quá, không cho không được... Mà tối rồi, tôi ra bến xem có cái tắc ráng nào không, tôi ra bến đầu kinh kiếm nhà trọ ngủ.”

Ngọc nhích nhích lại phía Thiện, chụp lấy tay Thiện:

“Em có cái này nói với anh. Mà anh đừng giận.”

“Thì cứ nói đi cái đã.”

“Hay là anh cứ ở lại đây với mẹ con em đi.”

“Tôi thì không sao, nhưng còn chị?”

“Kệ người ta, dân giang hồ tứ chiếng mà! Quan tâm gì cho mệt. Minh sao, có trời biết.”

Rồi Ngọc nắm lấy tay Thiện, nắm chặt, và áp vào trán mình:

“Hay là... anh đã thương con em thì thương cho trót: em gả nó cho anh, anh đưa nó qua bến, mẹ con em đội ơn anh mãi kiếp.”

Yên lặng một lúc lâu.

Ngọc lại van vi:

“Đời em thì như vút rồi. Còn đời con em. Anh không lấy, thì nó cũng lấy những đứa không ra gì ở đây, chưa tính là chuyện nó bị hiếp, nó bị hiếp mấy lần, may thoát thân được. Nó cứ ngồi im lặng nhìn anh, anh không thấy sao?”

Thiện nuốt nước bọt:

“Để tôi xem sao đã.”

“Xem gì nữa! Mà anh chưa có vợ, hay có vợ mà ly dị rồi phải không?”

“Chuyện đó không quan trọng. Nhưng con

Ngân còn nhỏ tuổi, chưa được đâu.”

Ngọc cười:

“Vậy là anh ưng nó rồi phải không?”

“.....” Trái khế cổ chao lên chao xuống.

Thiện cười cười:

“Nó còn nhỏ quá mà, không được đâu.”

Ngọc xoa xoa vai Thiện:

“Nó vậy chớ nó mười tám tuổi rồi.”

“Vậy sao! Nhưng nó thế nào chẳng chê tôi già!”

“Anh mà già gì. Mấy thằng con trai ở đây dù mới mười tám đôi mươi mà đen như trâu thui, da dẻ lù xì, xinh lầy bám vào từng lỗ chân lông, tụi nó sao bằng anh được. Anh còn bảnh trai mà.”

Thiện gãi đầu:

“Mà chị nói vậy, chắc gì nó đã ưng tôi.”

“Sao lại không? Con em, em biết. Anh không thấy là nó về thấy anh, nó then then thùng thùng, thay áo mới, tíu tít nấu trà, mua bánh cho anh hay sao? Ở đây con nít lấy ông già hà rầm, hưởng gì anh, anh già tuổi, chớ người anh đâu có già.”

“Ừ, chuyện đâu còn đó. Nhưng đêm nay tôi không thể ngủ lại đây được.”

“Tùy anh. Mai anh qua sớm anh nhé.”

“Ừ, tôi sẽ qua sớm.”

Và Ngọc đưa Thiện ra bến Cá Sấu đón tắc ráng về bến đầu kinh.

Lên tắc ráng, Thiện còn nói vọng xuống:

“Mai mua cho tôi con rắn hổ mang, uống rượu chơi.”

Cái làng nhỏ nơi Thảo và Thiện sống là một làng tương đối yên ổn trong suốt cuộc chiến. Những người di cư vào đó năm đầu, năm sau nhà ai cũng có bò, trong khi dân địa phương chỉ nuôi trâu. Nuôi bò sạch hơn nuôi trâu, mà lại có thể bán được, trong khi thịt trâu chẳng mấy ai ăn. Cây của dân địa phương là cây chia vôi, cây một, vác đi vác về dễ dàng, còn người địa phương lại cây trâu, cây đôi nặng nề, cây xong phải để lại. Gánh chè xôi nước bà Năm Đá làng bên cạnh gánh thẳng vào xóm địa phương, không bao giờ ngừng lại ở xóm di cư làm chi cho mất công. Chuyện gán, bán lúa non ăn hàng là điều quái gở đối với dân xóm di cư. Có lẽ vì thế mà những ngôi nhà gạch quét vôi sạch sẽ, cao ráo thay dần những nhà vách đất, mái tranh ở xóm di cư, trong khi xóm địa phương những mái nhà dân tộc vẫn đời đời như thế với dân tộc. Dân di cư theo “ngụy”, theo “đế quốc” Mỹ, chống cộng, dân địa phương vào rừng, hoặc lén lút tiếp tế cho “tụi phông giải”. (Người di cư gọi mấy ông Việt Cộng nguyên văn như thế.).

Thảo, người con gái dân địa phương đó,

học tới lớp nhất với Thiện. Thăng Đức người địa phương đánh Thiện, chỉ có con Hai Thảo là can được. Đánh nhiều lần và can nhiều lần. Cấp đôi cấp lư Thảo với Thiện là chuyện đương nhiên, mặc cho thăng Đức bô bô: “Cái thằng Thiện đầu to, c. như con trùn đất mà làm được c. gì.” Có bữa học xong, mấy đứa cùng lớp đi hái trái bình bát sau trường, Thiện bị rấn cắn, mấy đứa con trai hốt hoảng, nhưng Thảo bình tĩnh bảo Thiện nằm xuống, và đưa miệng hút ngay vết thương, nhổ ra, rồi bứt mấy lá sống đời nhai, đắp lên cho Thiện. Rồi biểu thăng Đức đưa tay giữ lá sống đời khỏi rơi khỏi vết cắn, nó chạy nhanh về nhà lấy xi ranh có chứa sẵn thuốc chống rấn mà chỉ có lính Mỹ, lính Cộng hòa mới có, chạy nhanh đến trường, đâm nhẹ nhẹ vào cạnh vết cắn, và bơm thuốc không nhanh, không hốt hoảng, nhưng bình tĩnh, từ từ. Vết cắn sau đó chỉ sưng lên chút đỉnh, rồi lành hẳn. Ba Thảo bày cho Thảo đó, Thảo nói như thế, khi mấy bữa sau đi học Thiện hỏi. Mẹ Thiện mừng. Hôm sau anh của Thiện đi lính thám báo trên quận ghé thăm nhà, mẹ Thiện kể cho anh của Thiện nghe. Anh ta đánh mặt lại, không nói gì. Mẹ Thiện bảo: “Mi không được làm chuyện thất đức, đã không báo đáp công ơn cho người ta được thì thôi.” Nhưng ngày sau cảnh sát chim phục kích và bắt được mẹ Thảo đang gánh gạo, đường vào rừng, có cả thuốc tây, và bắt ngay mẹ Thảo. Ba Thảo đang đánh trâu chớ be trong rừng, biết tin chạy vào rừng luôn.

Thế là bắt đầu những ngày khổ sở cho gia đình Thảo, một gia đình tương đối khá giả vì có ruộng nhiều, trâu nhiều. Mẹ Thảo được thả về, nhưng bà không thể thay thế được ba. Ruộng bán dần, trâu cũng vậy. Mà người mua ruộng, mua trâu của gia đình Thảo không ai khác hơn là ba của Thiện. Thảo không còn được đi học. Thiện ra tỉnh học. Thảo ngày ngày gánh đậu hủ đi bán. Gánh qua nhà Thiện, không bao giờ rao. Thiện về nghỉ Tết, nghỉ hè, nằm võng trước hiên đọc sách, Thảo gánh đậu hủ đi qua, Thảo nhìn vào, Thiện không để ý. Thiện đang mê đọc sách, vui với cuộc sống đang có, và với bước đường học vấn thênh thang đang mở ra trước mắt mình. Thiện không còn nhớ gì đến Thảo. Và vô ơn, chóng quên ơn là lẽ thường tình của tuổi trẻ. Nhưng Thảo không có được tuổi trẻ, nó đã lớn từ lâu, từ ngày còn học tiểu học với Thiện, và về sau càng già giận, khi gia đình tan nát vì Thiện, chưa chắc là vì anh của Thiện tố, nhưng không phải là không hợp lý.

Rồi cách mạng thành công. Rồi ba Thảo trở về. Ông làm lớn trong công an huyện. Thảo làm lớn trong xã. Và tội lớn tày trời còn sờ ra đó. Ba Thiện bị đi tù và chết trong tù. Anh của Thiện đi cải tạo mút chỉ. Thiện bị trói dẫn lên trại giam huyện. Hôm đó Thảo ra đứng trông theo, mấy

đứa du kích, mấy đứa công an áo vàng (người địa phương) cười cười, đụ má đụ mẹ cái dân di cư. Thảo cũng mặc áo công an.

Thiện nằm biệt giam, tuyệt đối không ai được nhận thăm nuôi theo chỉ thị của giám thị gian ác, thâm hiểm Quảng, người Thanh Hóa. Nhưng bất ngờ ngày 28 tết, Thiện lại nhận được một gói quà tay công an trẻ coi khu biệt giam lên đưa vào, khi buồng chỉ có Thiện: một một bịch thịt trâu, một gói trà, mấy cái bánh đậu xanh, và cuốn truyện ngắn của Maxim Gorki. Thiện mở ngay cuốn sách, nhưng thấy trang đầu ghi tựa đề cuốn truyện, bị xé đi, và trang vốn liền với trang bị xé, rớt ra. Chắc người gởi, viết gì đó nơi trang đầu nên bị (những) kẻ trung gian xé. Tay công an đưa gói quà mà hăm hăm, như thể phải làm một việc hăn bó buộc phải làm.

Thiện ở tù năm năm mới về. Về, làng đã (bị) vào hợp tác xã trăm phần trăm, tiêu điều và đói hơn xưa, đói nhiều. Cách mạng thành công; vượt biên trường kỳ; từ giả hợp tác, đi. Có người vui lớn, vì người nhà đã đi lọt, có người buồn vì chính mình còn vẫn phải ở lại, phải vào tù. Khổ người trong, khổ cho người ngoài. Dân địa phương vẫn cờ đầu cho những công trình thủy lợi ruồi bu. Dân di cư, bị bắt, bị đánh, bị bắn, vẫn luôn lách như chạch, tiếp tục ba lóc vượt biên.

Thảo sau đó nghe nói đi học trường đảng, rồi đi thanh niên xung phong qua mặt trận Tây Nam (Kampuchia). Đi mãi không về, kể cả sau khi quân cộng sản Việt Nam đã rút hết về nước.

Thiện vượt biên tiếp, và lọt.

Thiện ở lại thuyền của Ngọc – Ngân một tuần rồi trở lại Việt Nam để về Na Uy. Chỉ ba tháng sau đã bảo lãnh được Ngân sang.

Thiện lấy Ngân vì Ngân xinh đẹp, trẻ măng thì cũng đúng, hay vì con nhỏ hiền lành, quê mùa cũng không sai, bởi Thiện quá ngán những người đàn bà trí thức ta đây, lảm chuyện, mà thường là chuyện hờm hĩnh. Nếu nói về hạnh phúc lẫn nỗi khổ của một người đàn ông năm mươi lấy cô gái mười tám xinh đẹp như Ngân, thì phải cần mấy trăm trang nữa mới kể đủ. Nhưng nói chung chung thì như ông bà ta xưa nói vẫn đúng: Chồng già, vợ trẻ là tiên trên đời; tiên cho cả hai chứ không phải chỉ cho mình Thiện, vì Thiện là dân thể thao, cao ráo, lực lưỡng, da chưa nhăn, tóc còn đen, lại ở một đất nước, ở đó người ta quan niệm tuổi năm mươi mới là tuổi đáng sống. Có những lúc cuồng nhiệt chuyện vợ chồng, nhưng cũng có những lúc Ngân nằm co lặng yên, mềm mại, lười lĩnh trong lòng Thiện khi Thiện đọc sách; nàng Triệu Vân mười sáu của Bạch Cư Dị cũng miêu tả tú đến thế là cùng. Nhưng hàng

ngày cô nàng rất ít chuyện trò với chồng mình, có lẽ vì cô nàng biết rất ít tiếng Việt. Tuy nhiên những lúc nói chuyện điện thoại với mẹ, Ngân líu lo tiếng Miên với mẹ. Hai người nói với nhau rất lâu. Ngân đi học tiếng Na Uy, nói lỏm bẻm, rồi nhờ ông Johanson, người láng giềng rất tốt của Nam, giới thiệu Ngân với con, cháu ông, Ngân mới ở một năm mà đã nói tiếng Na Uy khá giỏi. (Ông Johanson, tuy là người Na Uy, nhưng đã tình nguyện tham gia quân đội Mỹ sang tham chiến ở Việt Nam, và sau đó chuyển qua làm cố vấn cho chương trình xây dựng nông thôn. Ông luôn nhớ tới xứ sở ấy của nụ cười. Nay ông đã về hưu, con cái đã lớn và ra riêng cả, kể cả cô gái út xinh đẹp Anna vẫn hay ghé qua nhà Thiện chơi những khi đến thăm cha mẹ cô và rất thích ăn cơm Việt Nam Thiện nấu.) Rồi Ngân đi làm trong siêu thị. Và bắt đầu ăn mặc theo tuổi trẻ. Ngân đã đẹp lại đẹp hơn. Ngân vui với cảnh sống mới trong đất nước mới. Bạn bè mừng cho Thiện và bảo Thiện may mắn lắm, ở Na Uy chỉ có nước lấy mấy bà sồn sồn 50; mà lấy đàn bà Tây 50 thì lấy bà nội Việt Nam còn hơn.

Ngân định cư được ba năm, thì được phép định cư vĩnh viễn. Ngân gọi điện thoại về cho mẹ mình. Ngọc mừng lắm. Mấy hôm sau, Ngọc lại kêu Thiện về thăm lại Angkor, vì người ta mới khai quật được nhiều di tích mới trong rừng quanh khu Angkor hiện tại, không thấy nói năng gì đến Ngân con mình. Lúc ấy cũng vào dịp nghỉ Đông, ông bà Johanson, dự tính qua nước Băng Đảo xem cảnh và nhất là tắm suối nước nóng lộ thiên giữa mùa đông tuyết trắng, và rủ Ngân, Thiện đi. Có gia đình mấy người bạn của ông bà Johanson cùng đi. Ngân rất vui, xin phép Thiện đi Băng Đảo, không có vẻ háo hức gì chuyện về thăm quê, trong khi Thiện lại thích đi Angkor hơn.

Anna biết Thiện đi, nhân tiện cũng sẽ đi với Thiện qua Cầm Bốt, để xem xét tình hình thực tế của một số trẻ em mà chương trình Plan trợ giúp, để trợ giúp các em có hiệu quả hơn. Ngoài ra lần này, sau khi nghe Thiện nói về tình trạng các em bé thất học ở Biển Hồ, cô đã quyết góp được một số tiền từ những người quen biết, để đến đó dựng thêm một ngôi trường nhỏ như gợi ý của Thiện từ lâu.

Anna đến là mê ngay Angkor và Biển Hồ và vui vì có dịp thực hiện được dự định từ thiện ý nghĩa. Anna và Thiện cùng đến thăm Ngọc. Ngọc có vẻ đầy đặn, tươi tốt ra, và Ngọc cũng mới chuyển qua ghe mới mua, lớn, Khang trang hơn, có treo những đèn lồng đỏ, mùng màn đôi trắng tinh, làm người ta có cảm tưởng đang ở trong thuyền hoa của một thưở nào Đường thi. Anna cứ trầm trồ mãi. Anna hay cầm tay Thiện khi đi với Thiện như những ngày anh ở gần nhà với ông bà

Johanson, mà cô đến thăm, hay tiệc tùng. Rồi hai người lại vội trở lại Xiêm Riệp để có đủ thời giờ xem kỹ Angkor theo sơ đồ hướng dẫn trong cuốn *La guide d'Angkor: les monuments du groupe d'Angkor* của Maurice Glaize. “Con Ngân không về cũng phải, anh bận bịu như thế kia!” Ngọc có lúc kéo Thiện ra, háy Anna, và nói riêng như vậy.

Coi xong Angkor, và dựng xong ngôi trường nổi, Anna đi qua Thái chơi. Thiện vẫn ở lại khách sạn ở Xiêm Riệp, thỉnh thoảng đến thăm Ngọc. Ngọc, cơn đau lại tái phát, có vẻ trầm trọng hơn lúc trước: oằn người, rên như rít, sùi bọt mép, tay cào. Thiện muốn đưa đi bệnh viện, nhưng Ngọc không muốn. Thiện đi thăm dần phế tích các ngôi đền nhỏ mới phát hiện, và sung sướng, say mê đọc văn bia bằng chữ sankrit vệ đà hoặc chữ pali, phần thưởng sau những năm chuyên cần học.

Nhưng hôm hăm tám, tháng Chạp, Thiện đến thăm lần nữa, thì Ngọc đã khỏe và chuyện trò bình thường. Thiện bảo là Thiện sau Tết sẽ trở lại Na Uy, và tính chiều ba mươi vào đọc bia ở ngôi đền Wat Phu thờ thần hủy diệt Siva mà người ta hàng năm thọc tiết trâu tế thần, và rảy máu xuống đất để cầu cho trúng mùa, và luôn thể anh đóng trại đêm ở đó đón giao thừa. Ngọc ngỏ ý muốn Thiện ở lại đón giao thừa với Ngọc ở Biển Hồ, hay đi với Thiện cũng được và hướng dẫn Thiện đến đó luôn. Thiện ngần ngại, và khéo léo từ chối: anh thích ở một mình đêm giao thừa một thói quen anh vẫn giữ từ nhiều năm nay.

“Anh có đón một mình đâu, anh đón giao thừa với nữ thần gì đó kia mà! Anh coi bức tượng đá hơn Ngọc sao? Ở lại với Ngọc đi!” - Mắt ngọc long lanh đuốc đèn, và lê lại trước mặt Thiện, Ngọc đưa hai tay nắm tay anh, áp vào má mình, giọng lao xao, lao đao:

“Em là Thảo ngày xưa đây anh. Anh đã nói đúng: Em là Thảo.” Thảo-xưa đưa tiếp tay Thiện đặt trên ngực mình: “Hãy cho em một chút tình yêu. Em đã đau khổ nhiều.”

Thiện vẫn để tay cho Ngọc nắm, Ngọc đặt.

“Anh ơi, giá mà ngày xưa con rắn nào đó đừng cắn anh.”

Thiện lôi tay ra:

“Mọi sự đã muộn màng rồi. Đã có vay có trả, dù có thể bị trả oan. Và giá mà lúc trước Ngọc nhận Ngọc là Thảo xưa, thì chiều hướng biết đâu đã khác. Bây giờ tôi không muốn sa vào sự sắp đặt nào hết của Ngọc.”

“Tôi làm sao sắp đặt được. Số mệnh đã sắp đặt hết.”

“Ví dụ?”

“Chuyện con rắn trong bụi bình bát năm xưa.”

“Tôi không tin vào số mệnh, nhưng tôi sợ sự sắp đặt của con người.”

Ngọc ôm mặt khóc lớn:

“Anh bao giờ cũng vô tình đến độ tàn nhẫn với tôi như vậy. Con tôi chắc cũng sẽ khổ vì anh.”

Thiện chưa kịp phản ứng, Ngọc đã bặm môi, chùi nước mắt, nói, giọng giống như giọng Ngọc ra lệnh cho thằng Đực hôm Thiện bị rấn cắn:

“Anh đi đi, kéo trời tôi.”

Sau Tết có mấy anh sinh viên người Pháp đến đền thấy Thiện chết trần truồng, nằm sấp, mặt gục xuống trong ngôi đền hoang kể trên, mà trên tường có các bức chạm nổi lớn cỡ người thật các nàng apsara vũ về thánh thiện, dĩ hòa, ngây thơ, nam hiểm có đủ.

Người Việt ở bên Cá Sấu bàn tán xôn xao về cái chết của Thiện. Phần nhiều thương cho ông Việt kiêu tốt bụng.

Nhưng có bà già, mắt hấp háy:

“*Tượng thờ dù đồ vẫn thiêng/ Miếu thờ bỏ vắng vẫn nguyên miếu thờ.*” Chỗ tôn nghiêm ai đời lại làm cái chuyện tồi bại như vậy, mà lại với thần, với thánh.”

Hay như chị bán quán:

“Bà Ngọc sau này có tiền Việt kiều, phởn phơ béo tốt, mà mặt đi đâu cũng đăm đăm như sợ ai xin hết của.”

Ông chủ nuôi cá sấu:

“Không phải đâu chị quán à. Chắc chị ta có chuyện buồn. Chiến tranh, đau khổ chất chồng.”

Có ông già có vẻ nhà nho, đang ngồi nhâm nhi nước trà, thở dài: “Can qua, thiên địa còn phải lệch, huống gì phận nữ nhi.”

Nhưng thằng Tư cụt vẫn nổi đình nổi đám nhất:

“Cái lão Việt kiều già dịch: Chơi bà Ngọc, chơi con Ngân, lại còn đưa bà Mỹ về nháng. Chết là đáng đời.”

Một tuần sau, có chàng luật sư trẻ, xuất sắc của hãng bảo hiểm Na Uy mà Thiện mua bảo hiểm, cũng là bồ mới toanh của Ngân, sang Xiêm Riệp điều tra, cho biết rằng ngày hôm phát hiện ra xác Thiện bác sĩ pháp y xác định là Thien Van Nguyen đã bị hai con rắn hổ cắn. Và cảnh sát cũng cho biết là không biết bằng cách nào chúng đã chui vào được lều chuyên đi rừng nhiệt đới của đương sự và cắn đương sự, dù đương sự chắc chắn phải kéo kín màn cửa lều và cửa mùng lại để ngủ, bởi ở đó rấn rít nhiều và muỗi thì như trâu vãi, và đương sự đã cẩn thận xịt thuốc xua rấn rít với nồng độ cao quanh lều. Ngoài ra còn thấy có nhiều dấu chân quanh lều, chứng tỏ đương sự hốt hoảng vùng thoát ra ngoài, rồi chạy vào đền sát lều. Và có điều lạ là đương sự chết gục ở trong

đền trần truồng, nằm sấp, gục mặt trước các apsara, trong tư thế của nghi lễ tạ ơn theo kinh Rìg-Veda - một giáo sư Ấn độ học ở Phnom Penh nói như thế. Trái lại hai con rắn hổ mang ấy, mãi tới khi cảnh sát đến, vẫn còn khoanh tròn trong lều, núc ních, bóng lưỡng.

Người ta còn kiếm thấy được cuốn sổ dày cộm của Thiện ghi các văn bia trong các ngôi đền khác nhau mà anh đã đến xem, và các trang anh dịch những văn bia đó, trong đó có một câu sấm, có ghi rõ là từ tấm bia trong ngôi đền vừa kể được anh dịch thoát bằng câu ca dao như sau, và được gạch đỏ mấy lần làm như đặc ý lắm: *Đàn ông nông nổi giếng khơi/ Đàn bà sâu sắc như coi đưng trâu.*

Oslo, 16 XI 2008

Nguyễn Văn Thà

Chú thích:

*Viết xong truyện, trong đầu người viết vọng lên mấy câu đầu bài Tạ Ôn của Trịnh Công Sơn, như vượt thoát khỏi Angkor Môn:

Dù đến rồi đi tôi cũng xin tạ ơn người, tạ ơn Đời, tạ ơn ai đã đưa em về chốn này, tôi xây mãi cuộc vui.

Dù đến rồi đi tôi cũng xin tạ ơn người, tạ ơn Đời, tạ ơn ai đã cho tôi còn thấy những ngày ngồi mơ ước cùng người.

**Những thông tin về Cam Bốt và quần thể đền Angkor được lấy từ cuốn: La guide d'Angkor: les monuments du groupe d'Angkor (Hướng dẫn thăm Angkor: những công trình thuộc nhóm Angkor) của Maurice Glaize. Những bức hình cũng từ cuốn sách kể trên.



Apsara, chạm nổi

Độc Phạm Tín An Ninh



Truyện của Phạm Tín An Ninh đi thẳng vào lòng người, thực ra không cần mưu đầu hay bạt đuôi. Nếu phải có, thì người viết, ngoài thể giá văn chương, nên là một người phần nào đã trải qua như anh – từng xông pha trận mạc, từng đi tù cộng sản, từng vui tuổi thơ hoa mộng, từng một thời đào hoa bay bướm, rất chiu chất tình bạn, và bây giờ được bình tâm ôn chuyện xưa... Người như thế không hiếm trong số các bạn hữu đông đảo của anh. Nhưng anh Ninh lại thích dành danh dự cho một người hoàn toàn không đạt được một tiêu chuẩn nào trong các tiêu chuẩn trên – một độc giả thâm lặng trong số hàng vạn độc giả của anh.

Độc giả này chỉ có mỗi một ưu thế là cư ngụ chung với tác giả trên một vương quốc nhỏ bé yên bình miền Bắc cực. Và vì là đồng cư của anh, trong thời gian gần đây, hầu như mỗi tuần độc giả này lại nhận được một điện thư hỏi “Bạn ở Na-uy có biết Phạm Tín An Ninh không, sao viết cảm động thế?” Câu trả lời rất đơn giản: Phạm Tín An Ninh là một người sống thiết tha, và viết chân thành. Văn anh trở thành một dòng chảy hồn nhiên bắt nguồn từ đời sống và song song với đời sống. Anh kể về đời tù cải tạo ở Nghĩa Lộ với cùng một giọng đôn hậu như khi kể về tuổi thơ ở Vạn Giã, Nha Trang.

Anh Ninh sống thế nào viết thế nấy. Nhờ đó, mỗi câu chuyện, dù rất lạ lùng, ẩn hiện bóng dáng quen thuộc của chính người đọc. Nhiều hình ảnh đẹp khó tìm thấy trên đời (như quán giáo Nguyễn Văn Thà trong truyện ruột *Ở Cuối Hai Con Đường*), không cần tác giả cam đoan có thật, ta vẫn muốn tin là có thật, để đời đáng sống hơn. Đọc Phạm Tín An Ninh ta có cảm tưởng như những mảnh đời phiêu bạt tha thiết gọi nhau, xum họp trong lòng mình. Chuyện vinh nhục đời lính, chuyện đắng cay tù cải tạo, chuyện HO ở tuổi tri thiên mệnh... từ trên 30 năm nay đã hàng ngàn người kể, đến nỗi sắp thành nhàm chán, bỗng Phạm Tín An Ninh xuất hiện, khai quật những di tích mới.

Làm mới chuyện cũ, biến chuyện cũ thành gần như cổ tích thời đại, là đóng góp đặc sắc nhất của anh trong văn đàn hải ngoại. Khác với cổ tích thần tiên, truyện của anh chứa nhiều nghịch cảnh, đọc dễ chảy nước mắt, nhưng chúng ta có thể yên tâm mà đọc, vì trong mọi nghịch cảnh, kể cả thảm cảnh thù hận và tình yêu tan vỡ, Phạm Tín An Ninh không bao giờ dập tắt ngọn nến cuối cùng – niềm tin. Trên con đường thành công quá bất ngờ, anh thường tâm sự mình không phải là nhà văn. Nhưng anh đã cầm bút như bất cứ nhà văn lớn nhỏ nào – khai thác đời sống. Anh tìm người. Anh sẫm soi tìm người, và anh may mắn hơn Diogenes – không cần thấp đuốc lang thang, anh vẫn *thấy* bóng người ở mọi ngã đường. Dù đôi khi đáng người mờ nhạt sau đáng thú – như nơi nhân vật Hồng Hương trong truyện *Chiếc Nhẫn* – anh vẫn phù chú ‘bắt’ đương sự cời bỏ lột thú. Hoặc giả trong những tình huống hoàn toàn bế tắc – như trong truyện *Ba Dòng Nước Mắt*, một phiên bản mới của *Lưu Bình Dương Lễ* – anh lại khai thông, cho tất cả chảy về hồ thủy chung, cái chung thủy không chỉ cần thiết cho tình vợ chồng. Thủy chung với nhau và thủy chung với căn tính con người hình như là đặc tính của cả văn lẫn người Phạm Tín An Ninh.

Nhờ sống và nhìn đời bằng phong thái ấy mà anh cho chúng ta thấy ở cuối mọi ngã đường luôn hiện ra một điểm hội tụ sáng ngời nhân tính.

Tâm Thanh

Chinh phụ ca

Bên cầu dòng nước trong,
bơ vơ mảnh tơ lòng
...cuốn trôi.

về đâu nơi xa vắng,
run run làn trắng lạnh...

Thuyền ai bên sông đưa,
tình bến nước năm xưa...
đêm đông đan áo cho thừa ước mong.

Người đi ai mong nhớ,
Vàng rơi...thu mệnh mông...!
Xào xạc trắng cơn gió,
...phòng không.

Người về trong men say,
lung linh trắng giải bày,
thuyền ai sang bến cũ,
...đêm nay.

Nguyễn Tiến Thành



ĐÀ LẠT TRỜI MƯA

phạmtínanninh



Tôi đến Đà Lạt đúng vào một ngày mưa. Mưa tầm tã. Ngồi trong nhà Thủy Tạ, nhìn những hạt mưa bay giăng kín rừng thông, phủ mờ khu phố Hòa Bình, và rơi lả tả xuống mặt hồ Xuân Hương, tôi mơ hồ như những giọt nước mắt của người góa phụ đã từng một thời nhan sắc.

Người con gái vừa đến gặp tôi làm cho tôi mỉm cười với sự so sánh lạ lùng này. Bởi cô ta cũng xinh đẹp, và dù có nở nụ cười tỏ ra mừng rỡ khi chào tôi, vẫn không giấu được nét buồn trong đôi mắt. Một nỗi buồn có cái gì xót xa sâu lắng lắm.

Tôi đã đến thành phố này nhiều lần. Lần cuối cùng vào mùa Giáng Sinh năm 1970, khi đơn vị tôi may mắn được lệnh về đây phối hợp hành quân giữ an ninh cho một khóa Võ Bị làm lễ ra trường. Bao nhiêu năm trong rừng núi tây nguyên gió lạnh mưa mùa, rồi xuống bờ biển Phan Thiết với những động cát trơ trọi nóng như lửa đốt, bất ngờ được về Đà Lạt, cho dù chỉ sau một ngày ở thành phố, đơn vị tôi lại được đổ xuống những rừng thông xa tít, nhưng đám lính tráng bọn tôi vẫn có cái cảm giác như được đi nghỉ mát. Người ta nói đúng, Đà Lạt dễ thương như những cô gái với gò má trắng hồng và đôi môi mọng đỏ để ai một lần lên xứ Hoa Đào mà lòng không vẩn vương. Đà Lạt cũng là nơi có nhiều huyền thoại về những mối tình đẹp và buồn của các cô sinh viên với những chàng trai mang alpha đỏ theo nghiệp kiếm cung, mà tôi đã đọc được trong

những bài thơ thật buồn của Lê Khánh từng vang tiếng một thời..

Nhưng đó là Đà Lạt của ngày xưa. Còn hôm nay tôi đến Đà Lạt, với ngồn ngang những nỗi buồn nặng trĩu trong lòng, và Đà Lạt bây giờ chỉ là một thành phố chết.

Tôi ra tù, trong thời gian còn bị quản chế, trong túi không có bất cứ một tờ giấy nào. Ngay tám “Giấy Ra Trại” cũng đã bị công an xã giữ. Nhờ thằng em cùng đơn vị cũ, có lò bánh mì ở Tháp Chàm, gởi tôi theo một chiếc xe bộ đội nhận mồi chờ bánh mì với tiền thù lao khá, tôi mới có mặt ở đây. Anh tài xế sau khi giao mấy thùng bánh mì, còn gởi tôi cho cô “chủ nhiệm” quán Thủy Tạ (bây giờ là của nhà nước), bảo là ông anh họ, để tôi yên lòng không bị hỏi giấy tờ. Quán vắng tanh. Tôi chọn cái bàn nhỏ xa phía trước và gọi hai tách trà nóng. Tôi cũng chỉ đủ tiền để trà hai tách trà này.

- Anh chờ em có lâu không?

Tôi giật mình khi nghe cô gái hỏi.

- Không sao, tôi chờ cũng đã khá lâu, nhưng được gặp chị hôm nay là tôi mừng lắm rồi.

Điều mà ai cũng ái ngại khi phải mang tin buồn đến cho một người. Đặc biệt người đó lại là một cô con gái đẹp, như cô gái đang ngồi trước mặt tôi đây. Tôi dè dặt:

- Chắc chị đã biết, như trong lá thư tôi gởi. Tôi là bạn tù của Thống, và hôm nay muốn gặp chị là để nhắn lại những điều Thống đã nhờ tôi.

- Em biết là anh Thống đã chết từ năm 1978,

nhưng mãi đến năm ngoái, em mới được phường đưa “Giấy Báo Tin”. Em không biết làm sao báo cho mẹ anh ấy biết. Bà ở bên Mỹ nhưng em không liên lạc được.

Tôi bất ngờ, nhưng chợt thấy một chút yên lòng khi nghĩ là cô sẽ không còn đột ngột nhận một tin buồn từ chính miệng của tôi.

- Chị đã biết tin buồn về Thống. Như vậy cũng là may, chứ không phải người tù nào chết mà người nhà cũng được báo tin. Hôm nay, dù hoàn cảnh khó khăn, tôi cũng phải tìm gặp chị để nói lại cùng chị những lời trần trối cuối cùng, và trao cho chị những kỷ vật mà anh Thống nhờ tôi trao lại chị.

- Cả tuần nay lòng em rất bồn chồn, mong sớm được gặp anh. Vì em không biết anh Thống chết ở đâu và mồ mả ra sao. Nhiều lần nằm mơ, em thấy anh Thống, nhưng chưa bao giờ nghe anh ấy bảo là anh đã chết.

Tôi lấy trong túi ra để trên bàn một sợi dây đeo một tấm ảnh nhỏ được lồng vào trong cái khung có hình trái tim đeo bằng gỗ mun - loại gỗ quý mà chúng tôi thường tìm được ở khu rừng Việt Bắc, một chiếc vòng nhỏ làm bằng nhôm xinh xắn, có khắc đậm sáu chữ Lê Minh Thống & Hà Nhất Anh, và trịnh trọng đứng lên đưa cho cô.

Nhất Anh chính là cô gái, và Minh Thống là tên một người bạn tù của tôi. Anh đã chết sau gần hai năm bị chuyển ra ngoài bắc.

Tôi gặp Thống ở trại Lào Cai, khi hai thằng vừa trong nam mới chuyển ra. Sau hơn một năm cả hai cùng chuyển về trại Hang Dơi thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn và may mắn được “biên chế” về cùng một tổ. Thống tốt nghiệp từ trường Võ Bị Đà Lạt, được chuyển sang không quân, lái phản lực. Trong thời gian học trường Võ Bị, Thống quen Nhất Anh, khi ấy đang là sinh viên của trường Chính trị Kinh Doanh. Thống chỉ còn bà mẹ già và cô em gái ở Sài Gòn. Cuộc tình của cô sinh viên Đà Lạt và chàng cựu sinh viên sĩ quan alpha đỏ kéo dài khá lâu. Hai người đã làm lễ hỏi. Nếu Thống không sang Mỹ học phi hành và nếu không có ngày 30 tháng tư, thì hai người đã làm đám cưới.

Những ngày cuối cùng khi Sài Gòn hấp hối, Thống được bạn bè thu xếp hai chỗ trên trực thăng để bay ra hạm đội Mỹ, nhưng Thống lại dành cho mẹ và cô em gái. Gởi mẹ và em cho thằng bạn thân, Thống nói dối với mẹ là anh sẽ đi sau.

Thống liều lĩnh tìm mọi cách chạy về Đà Lạt. Chưa kịp đón Nhất Anh, thì Sài Gòn mất. Thống nằm ở nhà Nhất Anh một tuần rồi ra trình diện “ủy ban quân quản”, nhưng người ta chỉ cấp giấy chứng nhận và ghi là phải về Sài Gòn trình diện chính quyền địa phương ngay. Trờ lại Sài Gòn,

nhà bị tịch thu, Thống phải ở ké nhà một người bà con trước khi vào trại cải tạo.

Mấy năm trong tù, Thống có liên lạc được với Nhất Anh. Nhưng vài tháng mới nhận được một lá thư ngắn, chỉ hỏi thăm vài câu và khuyên “học tập tốt để sớm được khoan hồng về với nhân dân”. Bao nhiêu nhưng nhớ yêu thương đều phải dấu kín ở trong lòng. Trong tờ khai lý lịch, Thống ghi Hà Nhất Anh là vợ, cũng là người thân duy nhất, và địa chỉ của Nhất Anh cũng là nơi anh xin cư trú sau này.

Thống to con đẹp trai, nhưng dường như tình yêu dễ làm cho Thống yếu lòng. Có những ngày đi chặt nứa trong rừng, Thống chỉ ngồi khóc và thì thầm gọi tên người yêu. Nhiều lần không mang về đủ nứa, bị phạt cắt bớt một nửa phần ăn vốn đã ít ỏi, nhưng vẫn không ngăn được nước mắt của Thống. Dường như khi lòng đang thương nhớ ai, thì cái đầu không còn điều khiển đôi tay được nữa. Nhiều hôm tôi phải vận động anh em nhường bớt một chút phần ăn cho Thống, và chia nhau đi lấy thêm nứa cho Thống có đủ chỉ tiêu để không bị phạt.

Thống còn trẻ, nhưng cũng như hầu hết sĩ quan xuất thân từ Đà Lạt, dù ở binh chủng nào cũng kiêu hùng và thẳng tiến rất nhanh. Thống nhỏ hơn tôi sáu tuổi, nên xem tôi như người anh. Có điều gì vui buồn, Thống tìm tôi chia sẻ. Tôi luôn an ủi và khuyến khích để anh có thêm nghị lực. Thống có gì khó khăn tôi sẵn sàng hết lòng giúp Thống.

Sau này, đội tù của tôi được phân công đi lấy gỗ về xây dựng hội trường. Họ bắt chúng tôi phải tìm những cây gỗ lớn và thẳng. Có những thân cây lớn đến hai vòng tay ôm không hết. Trời mùa đông với những cơn mưa phùn không dứt, nên những con đường mòn trơn như mỡ, chúng tôi chia từng nhóm hai mươi người vừa kéo vừa bẩy cho từng thân cây lăn theo những con đường mòn ấy từ trên núi cao lao xuống suối để cho nó trôi về bên hông trại.

Ăn uống quá thiếu thốn, đám tù chúng tôi triền miên trong cơn đói. Sức ngày càng yếu mà phải lao động quá nặng nhọc, nên chỉ sau một tuần lấy cây, người nào cũng mệt lả. Một hôm đang lấy sức bứt một thân cây xuống bờ suối, Thống mệt quá nên lao đảo rồi ngã sấp trên thân cây, đúng lúc cây này lăn xuống suối, bật luôn theo Thống. Chúng tôi chỉ còn nghe tiếng hét của Thống trước khi anh bị văng xuống lòng suối nằm sâu dưới vực.

Trời nhá nhem tối, cả hơn bốn mươi thằng tù chia nhau trôi xuống suối đi tìm Thống. Gần nửa giờ sau chính tổ của tôi tìm được Thống. Anh nằm bất động bên bờ suối. Rất may là ở một nơi không có đá. Thống thoi thóp thở, nhưng không còn cử động được.

Chúng tôi nhanh chóng kết một cái bè gỗ, rồi theo dòng suối, cùng nhau đẩy anh về trại. Sau hơn một tiếng đồng hồ trong trạm xá, Thống tỉnh lại, mở hé mắt nhìn mọi người. Khi nhận ra tôi, Thống thì thào:

- Nếu sau này anh còn sống mà về được, nhớ tìm giùm Hà Nhất Anh và nói là em xin lỗi nàng. Mong nàng hãy sớm lấy chồng và quên em đi.

Tôi nắm chặt đôi vai lạnh lẽo của Thống:

- Thống yên chí, tôi sẽ làm bất cứ điều gì mà Thống dặn dò.

Thống cố gắng mở lớn mắt nhìn tôi như cầu khẩn:

- Nhờ anh giữ lại cái vòng nhôm trong balô và tấm ảnh em đang mang trong cổ này, trao lại cho Nhất Anh. Nhớ nói giùm là em xin lỗi cô ta.. xin lỗi cô ta.

Ngày hôm sau, một buổi chiều mưa buồn âm ỉm, dưới sự kiểm soát của hai vệ binh, tôi cùng ba người bạn tù đẩy xác Thống trên một chiếc xe "cải tiến" ra chôn dưới triền núi, bên một hốc đá. Chúng tôi đào huyệt đúng vào lúc cơn mưa trút xuống. Huyệt đào tới đâu thì nước ngập theo tới đấy. Tôi năn nỉ xin hai vệ binh cho chúng tôi tìm một nơi khác cao hơn, và chờ cơn mưa tạnh bớt, nhưng không được đồng ý, mà còn bị quát tháo, bảo phải "chôn khẩn trương lên mà về ngay".

Tôi phải ngồi đè trên xác Thống, lênh bênh trên nước, để cho ba người bạn tù kia lấp đất.

Chuyện xảy ra đã hơn sáu năm rồi. Thời gian có biết bao sự đổi thay. Tôi cũng đã nghe và chứng kiến không ít những điều phản trắc. Không biết bây giờ Nhất Anh đã có chồng chưa và trong cảnh đời kéo theo bao cay đắng, liệu trong lòng cô có còn lưu luyến chút tình xưa.

Dẫn đo giấy lát rồi tôi cũng quyết định phải nói hết những gì tôi biết và nhất là những điều mà Thống, trước khi trút hơi thở cuối cùng, đã nhờ tôi nếu còn có dịp trở về, hãy nói lại cùng nàng.

Nghe tôi kể xong mọi điều, Nhất Anh vẫn ngồi yên bất động. Im lặng một lúc tôi nghe tiếng nàng khóc. Hai tay nắm chặt các kỷ vật mà tôi vừa trao lại cho nàng. Ngoài trời những cơn mưa càng vùn vủ. Tiếng mưa như thấu hiểu được nỗi niềm, từng đợt trút xuống mái nhà Thủy Tạ làm át đi tiếng sụt sùi, để cho nàng khóc. Tôi cũng đã không cầm được nước mắt.

- Em cảm ơn anh, và xin lỗi .. em đã không nén được xúc động.

Tôi cũng kịp lấy lại bình tĩnh và tìm lời an ủi nàng:

- Dù sao mọi việc cũng đã qua rồi. Sau cái ngày nước mắt nhà tan, biết có bao cảnh chia lìa tang tóc. Thôi thì tôi cầu mong Nhất Anh sớm nguôi được nỗi buồn này và có thêm nhiều nghị lực để mà bước tới, như lời trời trăn của Thống.

Nhất Anh còn trẻ mà, còn cả một con đường thật dài trước mặt. Còn tôi, trong hoàn cảnh này, cũng chẳng biết rồi đời sẽ ra sao. Thôi đành phó cho trời đất đầy đọa.

Nhất Anh vẫn ngồi bất động, không nói lời nào. Nhìn đồng hồ treo trên vách, nhớ tới lời hẹn của anh tài xế, tôi khẽ gọi nàng:

- Chị Nhất Anh ! Chỉ còn 15 phút nữa là anh tài xế sẽ quay lại đón tôi. Sau này nếu chị có cần gì ở tôi, cứ liên lạc với tôi nghe!

Tôi nói cốt chỉ để an ủi thôi. Chứ tôi thì còn khả năng gì mà giúp nàng. Hơn nữa thời buổi nhiễu nhương này, dễ gì mà liên lạc được với nhau.

Nhất Anh lấy tay lau nước mắt, ngược lên nhìn tôi, ngân ngừ vài giây rồi lên tiếng:

- Nhờ anh vẽ lại và hướng dẫn cho em nơi chôn cất anh Thống. Sau này biết đâu có dịp may, em sẽ tìm ra thăm anh ấy.

Tôi đứng lên đến quầy trả tiền hai tách trà, và xin một tờ giấy trắng. Tôi ngồi vẽ khá tỷ mỉ và hướng dẫn cho Nhất Anh con đường đến trại tù, và mộ của Thống nằm bên hốc đá trên triền núi, phía sau trại tù chừng một cây số. Cũng may là có cái hốc đá lớn duy nhất, để có thể định hướng được ngôi mộ nằm ở nơi nào giữa vùng rừng núi bao la.

Nhất Anh đứng dậy mặc lại áo mưa, xúc động nói lời chia tay, rồi đạp xe đi. Tôi nhìn theo bóng dáng nhỏ nhắn của nàng lao đảo xiêu vẹo dưới cơn mưa tầm tã mà ngậm ngùi lo âu cho số phận của nàng. Tôi nghĩ có lẽ không bao giờ tôi còn có dịp gặp lại Nhất Anh.

Mùa hè năm rồi, vợ chồng tôi sang Cali thăm mấy cô con gái, nhân tiện chúng tôi đến thăm gia đình ông anh họ ở thành phố biên San Diego. Giáng Sinh năm 1970, nhân cuộc hành quân bất ngờ ở Đà Lạt, tôi có ghé thăm anh chị. Khi ấy anh làm ở trung tâm điện lực Đa Nhim và vợ anh là giáo sư dạy trường Bùi thị Xuân Đà Lạt. Anh chị rời Việt Nam từ những ngày Sài Gòn hấp hối, nên cũng đã hơn ba mươi năm rồi bây giờ anh em mới gặp lại nhau. Anh lớn hơn tôi gần mười tuổi, vừa bà con lại vừa là học trò cùng của ba tôi lúc anh còn học ở trường Pháp Việt, nên anh chị rất quý chúng tôi, nhất quyết bắt vợ chồng tôi phải ở lại nhà anh chị một tuần để cùng đi chơi với anh chị. Sau một ngày đi khắp nơi ở San Diego, chúng tôi đi một vòng sang khu nghỉ mát Cancun bên Mexico. Đến ngày thứ bảy cuối tuần anh chị rủ chúng tôi đi tham dự buổi họp mặt của Hội Đồng Hương Đà Lạt, tổ chức tại Anaheim, gần khu Little Saigon, nhân tiện sau đó anh chị đưa tôi về lại nhà cô con gái ở Fullerton, cũng rất gần nơi ấy. Gia đình anh được giấy mời với bốn chỗ ngồi. Vợ chồng đưa con trai lớn không đi, nhường chỗ

cho chúng tôi. Bảo là chú thím ở tận bắc Âu, lâu lắm mới có dịp gặp nhiều đồng hương.

Không ngờ đã rời khỏi quê hương khá lâu, nhưng những người Đà Lạt còn giữ cái tình đồng hương đậm đà như thế. Hội trường không còn một chỗ ngồi. Nghe bà chị nói là họ đã đến từ khắp nơi trên nước Mỹ và Canada, một số từ Úc và Âu châu. Chưa tới giờ khai mạc, mọi người ngồi nói chuyện líu lo với những tiếng cười nghe như dư âm của một thời trai trẻ. Những cô gái với đồng phục áo dài trắng trong ban tổ chức đang chuẩn bị cho bài quốc ca, vẫn còn dáng dấp của Đà Lạt ngày xưa: môi đỏ má trắng hồng.

Chúng tôi ngồi ở dãy bàn đầu dành cho quan khách, cùng với gia đình của hai vị cựu giáo sư Bùi Thị Xuân khác. Trên sân khấu, một cái phong lớn là hình ảnh của khu chợ Hòa Bình và một mảng của hồ Xuân Hương trong sương mù. Tôi thăm phục người họa sĩ Đà Lạt nào đã vẽ bức tranh thật sống động. Tôi có cảm giác như mình đang ở một nơi nào đó trên thành phố thơ mộng một thời này. Ai đó đã nói đúng “người Việt nào ra đi cũng mang theo quê hương”.

Khi nghe cô MC giới thiệu thành phần ban tổ chức cuộc họp mặt hôm nay, tôi hơi ngạc nhiên khi thấy toàn là phái nữ. Tôi chợt nhớ tới một bài viết nào đó mà tôi đã đọc được: Người Việt đến Mỹ, nữ giới thành công hơn là nam giới, và số lượng phụ nữ tham gia vào những hoạt động chính trị, cộng đồng ngày một nhiều hơn. Tôi nghĩ tới Dương Nguyệt Ánh, Lê Duy Loan, những người phụ nữ đã mang đến cho người Việt bao điều hãnh diện. Nhưng đến khi chị trưởng ban tổ chức có đôi lời cùng đồng hương, tôi mới hiểu thêm: Buổi họp mặt này là do các cựu nữ sinh trường Bùi Thị Xuân đảm trách.

Đang vui tôi bỗng ngậm ngùi khi một chị trong Ban Tổ Chức lên trình bày về hoàn cảnh thương tâm của nhà thơ Lệ Khánh. Bây giờ tôi mới biết Lệ Khánh là con gái của phó trưởng ty cảnh sát Đà Lạt và có cuộc hôn nhân thật buồn với một nhà thơ quân đội, lại là sĩ quan cấp tá trong ngành Tâm Lý Chiến. Bao nhiêu điều ấy đã đưa nhà thơ nổi danh một thời của xứ sương mù vào bước đường cùng, phải đi bán hàng rong, bán từng trái cà trái ớt trong cơn bệnh hoạn, và đứa con trai duy nhất phải đi ở mướn cho người ta. Ban tổ chức kêu gọi tình thương của những cựu Bùi Thị Xuân, của những người Đà Lạt cũ. Tôi thăm cảm ơn tấm lòng của những người Đà Lạt và nghĩ đây là một việc rất nên làm.

Đến phần văn nghệ, cô MC giới thiệu “nhạc phẩm *Ai Lên Xứ Hoa Đào* với một giọng hát truyền cảm của một Bùi Thị Xuân ngày trước, đã từng làm điệu đứng bao trái tim học sinh, sinh viên Đà Lạt”.

Lời giới thiệu đó không có một chút cường điệu nào. Giọng hát cất lên cao vút làm cả hội trường im lặng trong khi lòng tôi lắng xuống thần thờ. Không phải vì giọng hát truyền cảm, mà vì người hát ấy chính là Hà Nhất Anh, người con gái có một mối tình buồn với người bạn tù của tôi ngày trước. Gần hai mươi năm rồi, khuôn mặt có đôi chút đổi thay, nhưng tôi vẫn nhận ra. Cũng với nhan sắc ấy, nhưng với nụ cười rạng rỡ, không còn nét buồn nào đọng trên đôi mắt.

Thấy tôi nhìn đắm đắm lên sân khấu, bà chị đập vai tôi:

- Bộ có quen hay sao mà nhìn dữ vậy? Hay lại là một người xưa?

Tôi quay lại, đứng vào lúc bài hát vừa chấm dứt. Chờ cho những tràng pháo tay, cùng những tiếng la hét lắng xuống, tôi ôm vai bà chị:

- Đúng là có quen, nhưng không phải người xưa của em, mà là hôn thê của một thằng bạn tù của em, đã chết ngoài Bắc! Chính em là người đã trao lại cho cô ấy những kỷ vật của anh ta, khi em vừa mới ra tù.

- Cô ấy là học trò cũ của chị, để chị gọi cô ấy lại nghe.

Tôi chưa kịp trả lời, thì bà chị đã vẫy tay gọi một cô trong ban tiếp tân nhờ đi mời “ca sĩ Hà Anh”.

Cô đến nhoèn miệng cười, cúi đầu chào anh chị tôi và các thầy cô giáo cùng bàn, rồi khựng lại khi nhìn vợ chồng tôi, gật đầu nhưng không nói lời nào. Thấy tôi ngồi gần bà chị, nên cô nhìn bà chị như muốn hỏi chúng tôi là ai. Bà chị cười chỉ vào tôi:

- Đã gặp nhau rồi mà không còn nhận ra sao?

Cô nhìn tôi, rồi lắc đầu:

- Xin lỗi, em không nhớ ra.

Tôi có một chút khó chịu trong lòng. Hóa ra người đàn bà cũng dễ quên, ngay cả những kỷ niệm đáng ra phải nhớ trong đời. Giữ lịch sự, tôi nhìn cô:

- Có phải chị là hôn thê của anh Lê Minh Thống? Tôi là người đã trao cho chị những kỷ vật của anh ấy ở nhà Thủy Tạ, khi tôi vừa mới ra tù. Chị không còn nhớ?

Cô ta khựng lại giây lát, nhưng rồi lắc đầu:

- Xin lỗi, em không nhớ. Có lẽ anh nhầm em với ... ai đó!

Cô chào tất cả mọi người rồi vội vã quay về phía sau sân khấu.

Tôi nhìn sang ông anh bà chị nói cho đỡ ngượng:

Chắc bây giờ chị ta đang hạnh phúc, nên không muốn nhắc lại chuyện tình xưa.

Trên sân khấu chương trình văn nghệ nối tiếp bằng một hài kịch. Thiên hạ cười ầm ĩ, trong lúc lòng tôi đứng đững với một chút bẽ bàng.

Buổi họp mặt chấm dứt, tôi theo ông anh bà

chị bước ra khỏi hội trường. Trong lòng không còn cái háo hức của lúc mới bước vào đây. Trống rỗng và một chút bực dọc.

Tôi đang đứng chờ ông anh bà chị đi lấy xe, thì một bàn tay đập trên vai tôi. Quay lại, tôi ngạc nhiên khi nhận ra Hà Nhất Anh. Cô đưa cho tôi mảnh giấy, rồi bảo nhỏ, trước khi chạy nhanh về phía hội trường:

- Em xin lỗi, nhưng Anh nhớ phải đến nghe!

Tôi mở vội tấm giấy ra đọc. Chỉ có số điện thoại và địa chỉ, cùng với một dòng ngắn ngủi: "Suốt ngày mai, chủ nhật, em sẽ chờ anh ở nhà."

Tôi cảm giác có điều gì lạ lắm. Và dường như cô ta muốn giấu mọi người. Nghĩ như vậy nên tôi không nói lại với ông anh bà chị và ngay cả vợ tôi. Ông anh bà chị đưa vợ chồng tôi về Fullerton, rồi hẹn quay lại sáng thứ bảy tới đưa chúng tôi đi thăm mấy người đồng hương và cũng là học trò cũ của cha tôi ngày trước.

Tôi nhờ cô con gái lớn gọi phôn, hẹn đến gặp vào lúc hai giờ chiều chủ nhật. Cô con gái chờ vợ chồng tôi tới trước cổng nhà, sau khi xem đúng địa chỉ, bấm chuông, rồi lái xe đi, bảo khi nào cần gọi cellphone, sẽ quay lại đón.

Một ngôi nhà nhỏ, khá xinh, có trồng nhiều loại hoa Đà Lạt, nằm trong khu Fountain Valley yên tĩnh. Người ra mở cổng là một người đàn ông trẻ, khá bảnh trai với hàng ria mép. Anh gật đầu chào, nở nụ cười rất tươi bắt tay chúng tôi, giới thiệu tên, nói năng lễ phép bất thỉệp:

- Cảm ơn anh chị đến thăm. Bà xã em mừng lắm, đợi mong từ sáng tới giờ.

Tôi bước vào sân nhà, với một ý nghĩ vừa thoáng trong đầu: Được một người chồng như thế, hèn gì cô ta chóng quên mối tình xưa.

Nhất Anh mang nước ra mời chúng tôi, vui vẻ, thân tình, khác hẳn với Nhất Anh trong hội trường ngày hôm qua. Tôi im lặng, bởi không biết phải nói điều gì, ngồi chờ cô ta lên tiếng trước. Một lúc im lặng, tôi bất ngờ nhìn thấy cô ta khóc. Anh chồng đưa giấy cho cô lau nước mắt.

- Mong anh chị tha lỗi cho em. Ngày hôm qua khi gặp anh, nghe anh nhắc tới anh Thống em xúc động lắm, lại biết chính anh là người đã mang về những kỷ vật của anh Thống nữa. Nhưng hôm qua đông người quá, em không tiện nói.

Tôi đỡ lời:

- Tôi hiểu. Làm sao mà chị có thể quên được mối tình đầu, vừa đẹp lại vừa buồn, nhất là anh Thống đã ở lại và bị chết oan ức cũng vì quá yêu chị. Phải không?

Rồi quay sang anh chồng, tôi lên giọng như một nhà tâm lý học:

- Ai lại chẳng có mối tình đầu. Và người chồng nào lại không tôn trọng cái kỷ niệm đẹp đó của vợ mình, phải không anh?

Anh ta không trả lời, chỉ cúi xuống với một chút bối rối.

- Xin lỗi anh. Em không phải là chị Nhất Anh, và cũng không phải là người yêu của anh Thống!

Tôi bất ngờ, vừa ngượng ngùng vừa hụt hẫng khi nghe câu nói của người con gái, mà tôi đã chắc nịch là Hà Nhất Anh. Bây giờ người bối rối lại chính là tôi.

Cô gái hạ giọng:

- Em là em kế của chị ấy và cũng là đứa em duy nhất. Ba má em chỉ sinh có hai đứa con gái. Chị em giống nhau lắm, nên có nhiều người cũng lầm.

Tôi nhìn cô ngờ vực:

- Tôi nhớ ngày hôm qua khi MC giới thiệu chị lên hát, cũng với tên là Hà Anh mà? Tôi nghĩ Hà Nhất Anh, nhưng khi qua Mỹ người ta thường bỏ đi chữ lót.

Đúng ra tên em là Hà Nhị Anh, nhưng bây giờ trong giấy tờ, em mang tên chị em: Hà Nhất Anh, mà Nhất Anh hay Nhị Anh gì sang đây, như anh nói, cũng đều gọi Hà Anh như nhau mà anh.

Đến lúc này thì tôi không còn hiểu gì nữa. Cô ta đứng lên nhoen miệng cười và mời vợ chồng tôi theo cô lên tầng trên, cô bảo:

- Anh chị cứ theo em lên trên này thì hiểu nhiều hơn.

Ba tấm ảnh để trên bàn thờ nhỏ. Tôi nhận ra Thống và Nhất Anh, mặc dù lúc chụp những tấm ảnh này hai người còn rất trẻ. Còn tấm ảnh thứ ba, một người con gái khác, tôi không nhận ra ai. Tôi chưa kịp hỏi thì cô gái lại sụt sùi:

Chị Nhất Anh đã chết khá lâu rồi anh ạ. Vào một ngày mùa đông mưa tầm tã, chị ấy đạp xe đi đâu không biết, cả nhà chờ cơm tới tối vẫn chưa thấy về. Từ trước chị không bao giờ đi đâu một mình vào buổi tối. Cả nhà em và mấy người bạn hàng xóm chia nhau đi tìm. Em đạp xe đi khắp nơi. Trời mưa lớn quá nên em lạnh cóng. Đường xá vắng tanh không một bóng người. Cuối cùng thì chính em tìm ra chị ấy. Chị nằm bất động bên bờ hồ Xuân Hương, không xa nhà Thủy Tạ bao xa.

Tôi giật mình hoảng hốt:

- Ở gần nhà Thủy Tạ, bên bờ hồ Xuân Hương? Rồi có tìm được chiếc xe đạp và cái gì nữa không?

- Chiếc xe đạp rớt xuống hồ, ngày hôm sau người ta mới tìm thấy.

- Và chị đã chết? Tôi hỏi

- Không, khi ấy thì chị còn sống, nhưng bất tỉnh và mình mẩy thì lạnh cóng. Vào bệnh viện, nửa giờ sau chị tỉnh lại, nhưng rất yếu chưa nói được. Khi thay áo cho chị, em thấy trong túi áo có một sợi dây đeo cổ có tấm ảnh của chị và một

chiếc vòng nhôm có khắc tên chị và tên anh Thống.

- Không có tờ bản đồ vẽ trại tù và nơi mộ anh Thống ?

- Có chứ ! Chính nhờ tấm bản đồ đó mà vợ chồng em, cách nay ba năm về Việt Nam, ra tận nơi tìm được, rồi thuê người lấy hài cốt của anh Thống mang về chôn trên Đà Lạt . Cám ơn anh đã vẽ cái bản đồ khá chi tiết và chính xác.

- Còn chị Hà Nhất Anh?

- Hai tuần sau, chị khá hơn nhiều, nói năng tỉnh táo, bệnh viện cho xuất viện bảo về nhà điều trị, bồi dưỡng là chị sẽ khỏe thôi. Nhưng không ngờ về nhà mấy hôm thì lên cơn sốt nặng rồi hôn mê trở lại. Đưa vào bệnh viện thì chị mất. Người ta bảo là chị bị sung phổi cấp tính. Mà thời ấy có thuốc men gì đâu mà chữa. Trong mấy ngày tỉnh táo, chị thường nhắc tới anh Thống, năn nỉ ba má em tìm mọi cách đem anh Thống về Đà Lạt, và báo cho mẹ anh ấy biết. Lúc trước bà thương quý chị lắm, nên chị cũng rất thương và lo lắng cho bà, khi em gái anh Thống vừa quá trẻ lại vừa yếu đuối. Không ngờ đó lại là những lời trăng trối của chị.

Tôi trầm nghĩ, chính vì đi gặp tôi hôm ấy mà Nhất Anh chết. Chắc cô đã xúc động nhiều lắm. Lòng tôi chùng xuống. Tôi có cái cảm giác đau đớn như vừa có những nhát chém vô hình nào đó trong lòng mình. Tôi lấy lại bình tĩnh:

- Như vậy là bây giờ mộ của Thống nằm trên Đà Lạt.

- Dạ. Anh nằm bên cạnh chị Nhất Anh. Vợ chồng em mua lại mảnh đất tư gần khu rừng Ái Ân. Từ đó anh Thống có thể nhìn thấy Trường Võ Bị của anh lúc xưa và đỉnh núi Lâm Viên mà anh đã từng chinh phục.

- Đồi thông hai mộ. Tự dưng tôi buột miệng.

Đến lúc này tôi mới thấy cô nhoẻn miệng cười:

- Sau ngày 30 tháng 4/75, ở Đà Lạt có khá nhiều “đồi thông hai mộ”. Có dịp anh chị về Đà Lạt, ghé lại Rừng Ái Ân hỏi thăm, là người ta biết hai ngôi mộ của anh chị Thống-Anh.

- Thế rồi, cô có liên lạc được mẹ và em gái của anh Thống?

Cô không trả lời, mà lại mời vợ chồng tôi bước sang phòng bên cạnh. Căn phòng rộng, thoáng mát, có cửa kính lớn nhìn ra công viên phía trước. Một bà cụ tóc bạc trắng, nhưng da dẻ hồng hào, đôi mắt sáng, ngồi trên chiếc xe lăn. Khi tôi cúi đầu chào bà, cô gái giới thiệu:

- Anh này là bạn tù của anh Thống ở ngoài Bắc.

Rồi quay sang tôi:

- Chắc anh ngạc nhiên lắm, đây chính là mẹ của anh Thống.

Bà cụ ôm lấy tôi, nước mắt trào ra trên đôi gò

má. Bà hỏi tôi về Thống trong những ngày ở tù và vì sao mà Thống chết. Nhưng tôi chỉ kể vài kỷ niệm về Thống trong những lúc vui vẻ, và không dám nói cho bà nghe về cái chết thảm thương của Thống. Tôi nói dối là Thống chết vì bệnh kiết lỵ nặng mà nhà tù không có thuốc. Tôi tưởng nói dối như vậy cho cụ yên lòng, không ngờ cụ đã khóc ngất lên. Tôi chỉ còn biết ôm vai bà cụ mà im lặng.

Một lúc sau, bà cụ mới tỉnh táo và kể lại tai nạn xe hơi đã làm chết cô con gái, em Thống và làm tê liệt đôi chân của bà. Nhìn sang cô gái, bà cụ thở thê:

Cũng nhờ vợ chồng cháu nó đây mà bác còn sống đến bây giờ.

Nhị Anh nắm tay bà cụ:

- Má coi vợ chồng em không khác gì con ruột của má. Em sang đây sau khi em gái anh Thống chết. Tấm ảnh trên bàn thờ lúc này là của cô ấy. Cô nhỏ hơn em tới sáu tuổi. Lúc ấy má đang làm chủ mấy sạp may, đã lo lắng tiền bạc cho em sang đây và cho em tiếp tục học xong đại học nữa. Ngôi nhà này là của má cho vợ chồng em đó chứ.

Vợ chồng tôi chào bà cụ, chúc bà sức khỏe và hứa bất cứ lúc nào có dịp sang Cali, sẽ ghé lại thăm bà.

Khi bắt tay từ biệt vợ chồng Hà Nhị Anh, chợt nhớ tới một điều, nên tôi hỏi cô:

- Khi này tôi có nghe chị nói là bây giờ tên tuổi của chị trong giấy tờ lại là tên tuổi chị Nhất Anh. Sao vậy?

Cô gái vẫn còn nắm chặt bàn tay tôi, kéo tôi ra xa, nhìn quanh rồi hạ giọng:

- Chính nhờ cái giấy của trại tù báo tin anh Thống chết, trong đó có ghi tên chị Nhất Anh là vợ, nên em đã thay chị ấy mà sang đây theo diện dành cho vợ tù nhân cải tạo bị chết trong tù. Em thấy xấu hổ lắm khi phải làm điều gian dối ấy, tội lớn lắm đối với luật pháp Hoa Kỳ, nhưng đó lại là ước mong của mẹ anh Thống, và của cả chị Nhất Anh trước khi chết nữa. Em săn sóc cho má bao nhiêu năm nay, nên má thương em như con gái má. Biết đâu đây là sự sắp xếp nhiệm màu từ chị Nhất Anh – anh Thống? Hơn nữa nhìn em cũng giống chị em lắm, và tên em với tên chị ấy cũng như nhau mà. Nhưng anh nhớ phải tuyệt đối giữ hộ cho em điều bí mật này nghe.

Vâng! Chính vì tôi đã giữ cho cô cái điều bí mật đó, nên hai cái tên Hà Nhất Anh, Hà Nhị Anh mà các bạn vừa đọc được trong truyện, đều không phải là tên thật của hai chị em nàng.

phạmtínanninh

Đàn chim non

Nhạc & lời : Trần Thụy Minh

$\text{♩} = 98$ *Vui tươi*

Chúng em đàn chim non riu rít. Bay khắp trời vui chơi thỏa

Chiu chít chiu chít!

thích. Đùa cùng gió với mây. Cười cùng lá cỏ cây.

Chiu chít chiu chít! với mây cỏ cây

Hòa theo nhịp sống mê say... Chúng em đàn chim non riu

nhịp sống mê say...

riu. Bay khắp trời vui chơi thỏa thích.

Chiu chít chiu chít! Chiu chít chiu chít!

Theo tiếng đàn tình tang. Reo hát hò ngân vang. Lòng hân hoan mở hội mừng

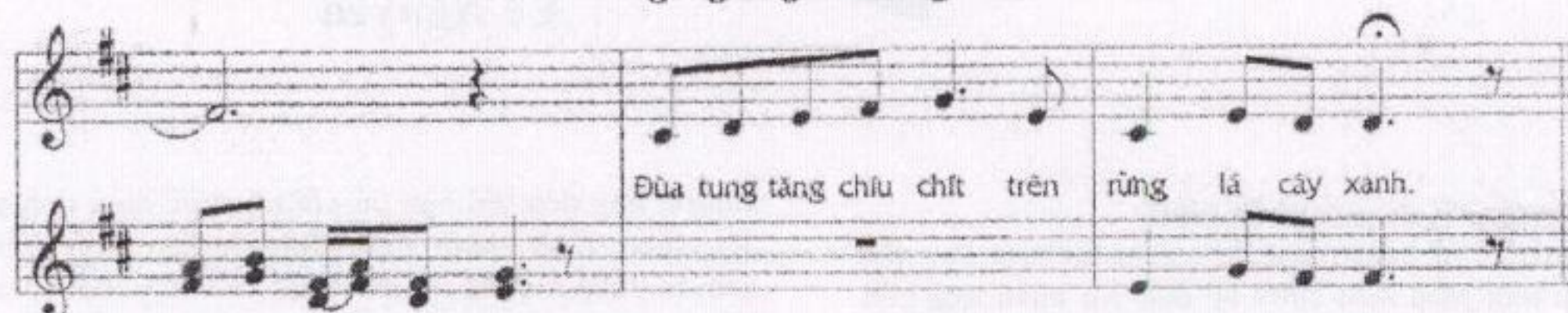
tình tang. ngân vang.

đón xuân sang. Đàn chim non

đón xuân sang. luôn bay tung bay.



ngà nghiêng cánh đồng xanh.

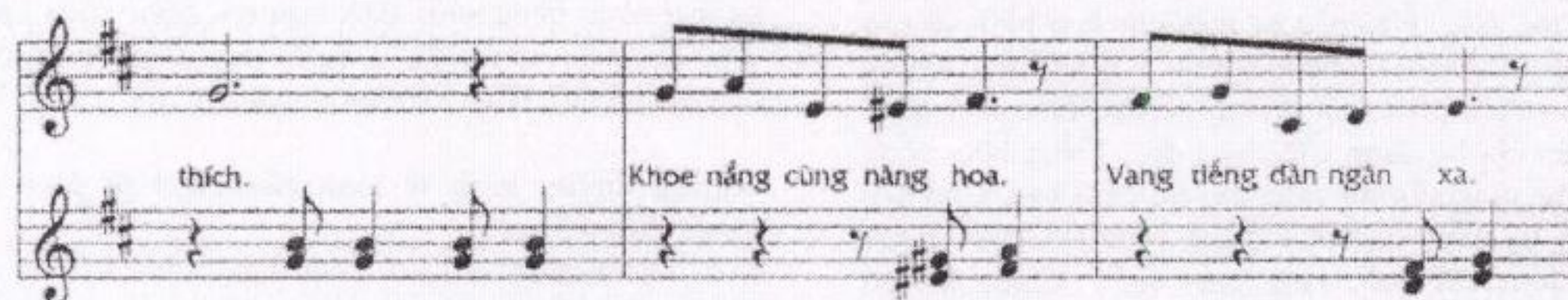


sông núi biển vòng quanh.

rừng lá cây xanh.



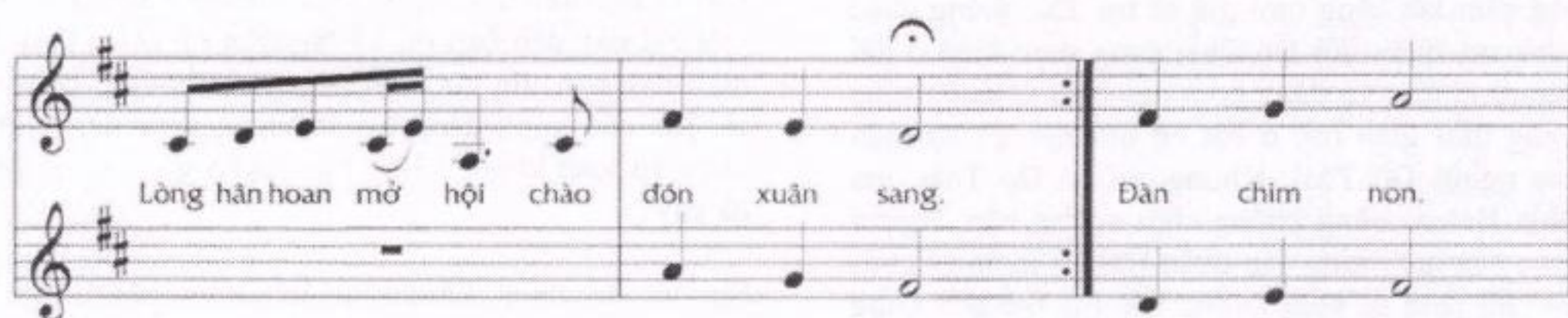
Chiu chít chiu chít!



Chiu chít chiu chít!

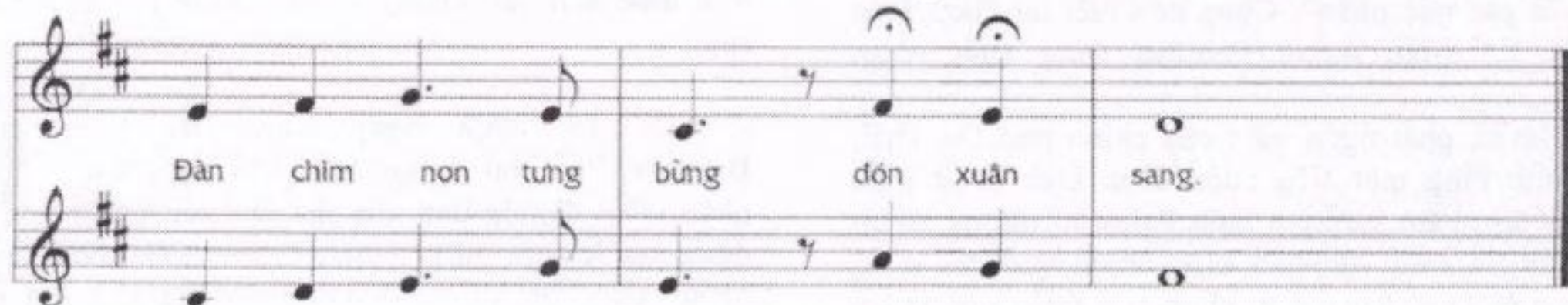
nắng hoa.

ngân xa.



đón xuân sang.

Đàn chim non.



Đàn chim non tung bừng đón xuân sang.

Bergen, Na Uy 06.02.2008

Lá Thư Na-uy



Lê Nguyên

Chiến tranh, tội ác của nhân loại!

Bạn mến! Vòng tuần hoàn thời gian lại một lần nữa báo hiệu một năm mới 2009 lại đến với nhân loại trên toàn cầu. Trong lúc dư âm thanh bình của mùa Giáng sinh dường như chưa tắt trong lòng mọi người và những tờ lịch cuối cùng của tháng 12 chưa bóc hết, thì đột nhiên ngày 27.12.08, quân đội Israel đã mở một cuộc chiến đầu thương trên dải Gaza nhắm vào lực lượng Hồi Giáo Hamas, hàng trăm ngàn hỏa tiễn dội xuống trên lãnh thổ Palestine, gây thương tích và thiệt mạng cho hàng trăm ngàn người dân lãnh Palestin vô tội. Cùng với 15 nước thành viên Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô đau buồn kêu gọi thế giới “Hãy cầu nguyện cho hoà bình và cho tình hình bất ổn tại Trung Đông. Lời kêu gọi ngưng chiến từ nhiều phía vẫn không có dấu hiệu khả quan khi lá thư Na-uy đang còn dang dở. Tiếng bom cộng với tiếng súng vẫn nổ vang rền tại dải Gaza. Cho đến hôm nay thì cuộc chiến khốc liệt giữa Do Thái và lực lượng Hamas đã bước sang ngày thứ 7. Chiến đấu cơ của Do Thái tiếp tục oanh kích những cứ điểm của Hamas. Những người Hồi Giáo Palestin ủng hộ Hamas lên tiếng cam kết bằng mọi giá sẽ trả đũa những cuộc oanh kích mà quân đội Do Thái đang thực hiện ở dải Gaza, kể cả những vụ đánh bom quyết tử sẽ được thực hiện trong thời gian tới, ở bất cứ nơi nào có sự hiện diện của người Do Thái. Không chỉ có Do Thái, mà ngay phía Hamas cũng không chịu ngưng bắn. Người phát ngôn của lực lượng dân quân Hamas là ông Fawzi Barhum cho rằng đề nghị ngưng bắn mà thế giới đang nói đến đồng nghĩa với việc “xem kẻ phạm tội ngang hàng với các nạn nhân”. Cũng nên biết tại Gaza hiện có đến 1.5 triệu người Palestin đang sinh sống.

Andy David, phát ngôn viên của chính phủ Do Thái, biện minh rằng mục tiêu cuộc oanh kích được thực hiện không nhằm vào dân lãnh Palestin, nhưng nhằm chặn đứng những vụ pháo kích nhắm vào các cộng đồng người Do Thái mà tổ chức Hồi Giáo quá khích Hamas liên tục thực hiện trong thời gian qua. Đối ngược lại đại diện của người Palestin ở Liên Hiệp Quốc là ông Riyad Mansour nói rằng cộng đồng quốc tế và ngay cả Hội Đồng Bảo An phải có thái độ cứng rắn hơn nữa đối với chính phủ Do Thái, buộc Do Thái phải tôn trọng những điều khoản được ghi trong bản nghị quyết mới thông qua hôm 29.12.08. Trong lúc

bản tin này đến với bạn thì những cuộc biểu tình phản đối chiến tranh nhắm vào chính phủ Do Thái liên tục diễn ra khắp nơi, và tin mới nhất cho thấy một số nước Trung Đông đang mở cuộc vận động ngoại giao, kêu gọi Ai Cập mở cửa biên giới với Gaza để đón nhận những người tỵ nạn Palestin. Quân đội Israel hôm 03.01 đầu năm nay đã chính thức tiến hành cuộc đổ bộ vào lãnh thổ Palestine với mục tiêu tận diệt hạ tầng cấu trúc của phiên quân Hamas trước sự bất bình của thế giới.

Mùa Giáng sinh đón mừng năm mới an bình đâu không thấy mà chỉ thấy nhân loại, con người tìm cách sát hại nhau bằng súng đạn, hận thù triền miên không dứt. Thế mới thấy rằng “Chiến tranh thực sự là tội ác của nhân loại”. Thật đau buồn quá bạn nhỉ?

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 từ hiệu ứng virus Subprimes ?

Tóm lược những sự kiện quan trọng xảy ra trong năm 2008 mà không nhắc đến biến động của cơn khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang lan rộng bắt nguồn từ Hoa Kỳ, là một thiếu sót lớn phải không bạn?. Trong lúc viết bài này đến bạn thì Lê Nguyên tui nhận thấy mấy tuần nay con tim cứ nơm nớp phập phồng, hồng biết cái job của mình đang cày lâu nay, sang năm mới có được an toàn không? Hay phải cuốn gói về vườn nuôi gà đây?

Sự việc suy thoái, khủng hoảng kinh tế bắt đầu từ Hoa Kỳ và lan ra toàn cầu đã xảy ra như thế nào, xin được tóm lược đến bạn những yếu tố chính bắt nguồn như sau:

- Ngày 15/9/2008 Ngân hàng Đầu tư **Lehman Brothers** lớn thứ tư tại Mỹ, 158 tuổi, cùng 25.000 nhân viên, đã nộp đơn xin phá sản với món nợ về bất động sản lên tới 60 tỷ USD. Lehman Brothers là nạn nhân của cuộc khủng hoảng tín dụng nhà đất trầm trọng nhất ở Mỹ. Qua vụ Lehman Brothers phá sản là nguyên nhân thực sự khởi đầu làm chao đảo thị trường tài chính ở Wall Street và từ đó lan ra phạm vi toàn cầu.

- Tiếp theo ngày 26.9.2008, ngân hàng **Washington Mutual** Mỹ bị cơ quan chức năng thu hồi do không còn khả năng thanh khoản. Công ty WaMu có lịch sử trên 119 năm, tài sản lên tới 307 tỷ USD và có 2.300 chi nhánh tại 15 tiểu bang, trước khi bị các nhà chức trách thu hồi, WaMu là ngân hàng cho vay lớn thứ hai ở Mỹ, sau Wachovia và cũng là ngân hàng tiết kiệm lớn nhất nước Mỹ dưới sự giám sát của OTS.

- Ngày 31.07.2008, **Indymac Bancorp**, Ngân hàng cho vay thế chấp lớn nhất tại Mỹ, tuyên bố phá sản ngày 31.7.2008, với tổng giá trị tài sản 33 tỷ USD. IndyMac đã không thể trụ vững sau khi khách hàng ồ ạt rút tới hơn 1,3 tỷ USD tiền mặt. Bộ Tài chính Mỹ ra lệnh trưng thu ngân hàng này do không đáp ứng đủ điều kiện tiếp tục hoạt động. Cần nói rõ hơn, theo các nhà phân tích kinh tế cho thấy đã có sự tác động xấu trực tiếp từ sự phá sản hàng loạt của các ngân hàng đầu tư lớn tại Mỹ trước mấy năm trở lại đây như sau:

- Ngày 17.10.2005, công ty Môi giới tài chính **Refco Inc** nộp đơn xin phá sản với tổng giá trị tài sản 33 tỷ USD. Refco bị phá sản do Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành Phillip Bennett phạm tội lừa đảo và che giấu các khoản nợ xấu trị giá 430 triệu USD

- Ngày 28.01.2002 công ty viễn thông **Global Crossing** nộp đơn xin phá sản với tổng giá trị tài sản 30 tỷ USD, với tổng số nợ lên tới 12,3 tỷ USD. Nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ là Khoản lỗ lớn nhất ước tính hàng tỷ USD mà Global Crossing phải gánh chịu xuất phát từ kế hoạch đầu tư tiền vào xây dựng mạng cáp quang nối 200 thành phố lớn tại 27 nước trên toàn thế giới.

- Ngày 22.07.2002 tổng công ty viễn thông **WorldCom** nộp đơn xin phá sản. Đây là vụ phá sản lớn thứ hai trong lịch sử nước Mỹ. Trước khi phá sản, tổng tài sản của WorldCom là 104 tỷ USD, nhưng đang gánh chịu khoản nợ khổng lồ 30 tỷ USD. Khoảng 17.000 nhân viên bị sa thải sau vụ phá sản này. Nhiều quan chức của WorldCom bị buộc tội gian lận tài chính. Riêng Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành Bernard Ebbers lĩnh án tù 25 năm. Tuy nhiên, năm 2004, Worldcom được hồi sinh dưới tên Tập đoàn viễn thông MCI.

- Tổng công ty bảo hiểm **Conseco** nộp đơn xin phá sản ngày 17/12/2002, với tổng giá trị tài sản 61 tỷ USD và khoản nợ lên tới 6,5 tỷ USD. Năm 2003, Conseco hồi sinh.

- Tổng công ty điện lực **Pacific Gas & Electric** nộp đơn xin phá sản ngày 6.4.2001, với tổng tài sản 36 tỷ USD. Pacific Gas & Electric chịu khoản nợ lên tới 9 tỷ USD. Sau khi hồi sinh vào năm 2004.

- Ngày 2.12.2001, công ty Năng lượng **Enron** nộp đơn phá sản, với tổng giá trị tài sản 66 tỷ USD, và khoản nợ lên tới 31,8 tỷ USD do bê bối về tài chính. Chủ tịch Enron là Kenneth Lay và Giám đốc điều hành Jeffrey Skilling bị kết tội lừa đảo vì cố tình giấu nhem nợ nần của công ty. Tuy nhiên, bản án của Kenneth Lay không thể thực hiện được do ông này qua đời vì bệnh tim.

- Ngày 9/9/1988, công ty **Financial Corp. of America** nộp đơn xin phá sản, với tổng giá trị tài sản 34 tỷ USD. Sự phá sản của Financial Corp. bắt nguồn từ

cuộc khủng hoảng về tín dụng vào cuối thập kỷ 80.

- Ngày 4.12.1987, Công ty Dầu khí **Texaco Inc** nộp đơn xin phá sản, với tổng giá trị tài sản 35 tỷ USD do thất bại trong một vụ kiện với Công ty Dầu khí Pennzoil. Theo phán quyết của tòa, Texaco phải bồi thường cho Pennzoil 10,5 tỷ USD. Gần một năm sau, Texaco hồi sinh và năm 2001, hiện nay sát nhập vào Tập đoàn Chevron.

Cuộc khủng hoảng tín dụng địa ốc trầm trọng kéo dài nhiều năm cho đến nay. Theo IMF (Det internasjonale pengfondet) công bố, số tổn thất trực tiếp (về nhà cửa) của các vụ Subprime (tín dụng địa ốc có thể chấp với lãi suất) là 425 tỷ USD, tổn thất gián tiếp (đánh giá lại tài sản của các ngân hàng) là 980 tỷ USD, tổng cộng là 1.405 tỷ USD, tức là chỉ bằng khoảng 1/20 tổng sản lượng quốc gia Hoa Kỳ và châu Âu gộp lại (tính thêm châu Âu vì một phần không nhỏ những tổn thất này đã được “xuất khẩu” sang châu Âu).

Thế thì bạn và tôi lại tự hỏi tại sao mà sự thiệt hại tương đối nhỏ lẻ ra chi tác hại trong phạm vi những ngân hàng tại Mỹ chuyên về địa ốc thôi chứ sao lại có thể lan rộng sang toàn bộ thế giới tài chính, làm biến mất hàng chục nghìn tỷ đô-la, và hiện đang đe dọa nền kinh tế toàn cầu hiện nay?

Nguyên do cũng dễ hiểu bạn à! Cuộc khủng hoảng xảy ra khi một số lớn những con nợ/người vay tiền ngân hàng để mua nhà trả góp vỡ nợ đồng loạt, nhưng không phải chỉ có vậy. Điều đáng nói là ở Mỹ, cũng như một số các nước châu Âu như bạn biết, hệ thống gắn liền giá trị bất động sản với khả năng vay nợ, tức là mỗi gia đình có quyền vay thêm nếu giá trị ngôi nhà mà họ đem thế chấp tăng lên. Nói cách khác, ngân hàng luôn quảng cáo khuyến khích, những người muốn mua nhà cho dù khách hàng ít có cơ hội hay khả năng chi trả, nhiều khách hàng vay tiền không chỉ để mua nhà, mà còn để chi tiêu vào những việc mua sắm buông thả khá.

Tất cả hệ thống vay tiền đó cần một tiền đề là giá nhà đất chỉ có thể tiếp tục tăng mãi. Và cứ như thế, từ năm 2000-2006, món nợ bất động sản của các gia đình Mỹ đã lên tới 1.300 tỷ USD; năm 2007, con số này tăng lên 11.000 tỷ USD, trong đó 1.500 tỷ được cho vay thêm trên những thế chấp đã có. Tóm lại căn bệnh dịch “virus Subprimes” đã được tạo ra bằng một chính sách tín dụng mượn tiền thả phanh, gắn liền tiêu dùng với đầu cơ địa ốc. Và tất nhiên, thị trường bất động sản chẳng thể nào tăng mãi được...

Bạn biết không chỉ trong năm 2007, có đến 1,5 triệu nhà cửa đã bị niêm phong ở Mỹ, năm 2008 con số ấy tăng vọt lên thấy chóng mặt. Ở Anh, cũng nguyên nhân đó đã gây ra hậu quả y hệt: 2 triệu gia đình đang bị lâm vào hoàn cảnh khó khăn tương tự như Subprimes (tín dụng địa ốc có thể chấp với lãi suất /tiền lời thay đổi), và năm nay, khoảng 45.000 ngôi nhà sẽ bị tịch biên.

Riêng tại Na-uy, hệ thống các ngân hàng cho vay nợ

bất động sản cũng theo hình thức tương tự như bên Mỹ và các nước tại châu Âu, nhưng có điều hơi khác là quy luật cho vay mượn tại vương quốc này tương đối khá khắt khe so với thủ tục cho vay, để bảo đảm cho các ngân hàng tại đây đủ "siết cổ" khu nhà đất của bạn trong trường hợp bạn và tôi không trả "bill" đúng thời gian như đã quy định. Tin từ Ngân hàng quốc gia Na-uy cho hay, để đối phó với tình trạng khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang gây ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước, chính phủ Na-uy hôm 13.10.2008 đã cho biết sẽ hỗ trợ 350 tỷ kroner cho các ngân hàng để họ có thể tiếp tục cho con nợ vay bảo đảm với một thời hạn chi trả lâu dài.

Bạn thấy đấy, nạn kinh tế suy trầm tại Mỹ không chỉ đánh gục các dịch vụ về địa ốc, ngân hàng mà các tin tức nóng hổi trong thời gian gần đây còn cho thấy, tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush và toàn dân đang lo ngại cho nền kỹ nghệ xe hơi tại Mỹ có nguy cơ dẫn đến phá sản, khi 3 công ty xe hơi GM, Ford và Chrysler đang kêu gọi sự cứu nguy từ chính phủ. Tổng Thống đương nhiệm Bush và các vị dân cử Thượng và Hạ Viện Liên Bang mới đây đã đồng ý cho hai công ty GM và Chrysler vay số tiền 17 tỷ 400 triệu đô-la với điều kiện đòi hỏi cả 3 công ty GM, Ford và Chrysler cần đưa ra những kế hoạch cụ thể hơn nữa về mức lương và quyền lợi công nhân đang hưởng, vì hiện nay, lương của 1 công nhân kỹ nghệ xe hơi Mỹ cao hơn lương công nhân làm việc cho các nhà máy sản xuất xe hơi Nhật cũng ngay trên đất Mỹ, vì muốn giá sản phẩm bớt đi thì đương nhiên mức lương trả cho công nhân phải giảm xuống.



Xếp lớn của 3 công ty xe hơi GM, Ford và Chrysler

Ngoài ra chính phủ Hoa Kỳ buộc các công ty xe hơi phải chấn chỉnh hoạt động, tức phải lấy lại thị phần đã mất bằng cách tung ra thị trường những sản phẩm thu hút được người tiêu thụ, ít uống xăng để cạnh tranh trực tiếp với các công ty xe hơi ngoại quốc như xe của Nhật Bản, xe của Hàn Quốc. Nhưng đây chỉ là giải pháp được quốc hội Mỹ đưa ra để trấn an tập đoàn xe hơi và dân chúng mà thôi, vì tất cả phải chờ xem kết quả vào đầu năm 2009 khi tân Tổng thống tân cử, Barack Obama lên kế nhiệm ông Bush vào ngày 20.01.2009 để trở thành vị tổng thống người da màu đầu tiên thứ 44 của hiệp chúng quốc Hoa Kỳ.

Thái Hà, vụ án đòi hỏi công lý !

Cũng nên nhắc bạn, có nhiều sự kiện đáng chú ý tại Việt Nam trong năm qua, nhưng có lẽ nổi bật nhất là căng thẳng đất đai giữa chính quyền Hà Nội với Tòa

Khâm Sứ và Giáo xứ Thái Hà, dẫn đến các cuộc cầu nguyện tập thể lớn chưa từng thấy của giáo dân, và kết thúc bằng các cuộc đàn áp vũ lực của chính quyền, cũng như những bản án dành cho 8 giáo dân Thái Hà đã gây bức xúc dư luận. Xin được tóm lược các điểm mấu chốt bạn như sau:

Từ năm 1996, Giáo Xứ Thái Hà đã đệ đơn khiếu nại đất lên các cấp chính quyền Hà nội khi phát hiện ra khu đất của nhà dòng bị Xí Nghiệp Dệt Thảm Đồng Đa bán cho công ty Cổ Phần May Chiến Thắng trên 12 năm qua, nhưng hồ sơ không được giải quyết. Đến cuối năm 2007, nhà dòng phát hiện khu đất lại bị chuyển nhượng tiếp cho một công ty khác, nhà thờ đã tiếp tục khiếu nại và cũng không được chính quyền giải quyết. Hàng loạt các cuộc cầu nguyện hiệp thông diễn ra từ Bắc chí Nam thể hiện tinh thần đoàn kết chặt chẽ của giáo dân khắp cả nước để đòi hỏi công lý.



Khu đất của Giáo xứ Thái Hà bị chính quyền Hà nội tịch thu

"Tức nước vỡ bờ" đã xảy ra bạn ơi! Rạng sáng ngày 15.08.08 một số đông giáo dân Giáo xứ Thái Hà đã dùng búa và xà beng phá vỡ bức tường gạch dài 10m do công ty May Chiến Thắng chiếm đóng, sau đó các giáo dân đã đặt bức tượng Đức mẹ sầu bi trong khu đất của mình bao lâu nay bị chiếm đóng. Linh mục Vũ Khởi Phụng, cha sở Giáo xứ Thái Hà đã thẳng thắn cho hay: "Mảnh đất của Giáo xứ Thái Hà là mảnh đất của tôn giáo và nó không nằm ở trong diện những mảnh đất bị nhà nước trưng dụng, mảnh đất này ngày xưa đã được các giáo dân góp tiền góp sức để mua, dự định xây dựng một ngôi nhà thờ, nhưng vì chiến tranh chưa thực hiện được".

Để đối phó với hàng ngàn giáo dân tập trung cầu nguyện trên khu đất đang còn trong vòng tranh chấp, ngày 22.09 chính quyền Hà Nội đã ra tay đàn áp giáo dân và dùng vũ lực tịch thu khu đất 178 Nguyễn Lương Bằng có diện tích 60.000 mét vuông, trong đó có khu nhà, đất do Công ty cổ phần may Chiến Thắng đang sử dụng để xây dựng công viên "Vườn Hoa 1-6".

Báo chí trong nước đưa tin sai sự thật!

Ngày 08.12, tám giáo dân Thái Hà gồm; Bà Ngô Thị Dung, Bà Nguyễn Thị Nhi, ông Thái Thanh Hải, ông Nguyễn Đắc Hùng, Bà Lê Thị Hợi, Ông Lê Quang Kiện, Ông Giuse Phạm Trí Năng, Bà Nguyễn Thị Việt đã bị công an phường Ô Chợ Dừa, số 55 phố Hoàng Cầu đưa ra tòa xét xử về các tội danh bị gán; "gây rối trật tự công cộng" và "hủy hoại tài sản nhân dân". Luật sư Lê Trần Luật, người bào chữa cho các bị can đã khẳng khái tuyên bố với giới báo chí trong và ngoài

nước rằng: “Theo quan điểm của tôi thì tất cả những giáo dân trong trạng thái cầu nguyện là một trạng thái thể hiện cái ước muốn, mong muốn bề trên ban ân phước hoặc là cầu nguyện cho một cái gì đó. Cầu nguyện trong tâm lòng họ im lặng thì không thể khởi tố họ vào tội gọi là gây rối trật tự công cộng như là Tòa Án Nhân dân thành phố Hà Nội truy tố họ.”

Kết quả các giáo dân này bị tòa án Hà Nội cho lãnh án từ cảnh cáo tới tù treo. Chưa hết đâu bạn nhé, công lý vẫn là công lý, ngày 17.12 tất cả tám nạn nhân đã đồng loạt kháng cáo lên Tòa Phúc thẩm Tòa án thành phố Hà Nội vì xét thấy hành vi của họ không vi phạm pháp luật và mức án như vậy là không công bằng.



8 giáo dân tại phiên tòa

Một điều khá buồn cười về hệ thống thông tin “dây chuyền” sai lạc sự thật của hầu hết các cơ quan truyền thông của báo chí trong nước sau vụ án 8 giáo dân Thái Hà này. Nguyên do như vậy: Sau khi phiên tòa kết thúc, các báo chí nội địa trên mạng tại các địa chỉ sau đây: www.hanoimoi.com.vn, www.tuoitre.com.vn, www.thuvienphapluat.com, www.tin247.com, www.trithuc.info, www.tintuc.timnhanh.com, đã nhanh chóng đưa tin sai lạc sự thật như sau: “**Những kẻ gây rối tại 178 Nguyễn Lương Bằng đã ăn năn cúi đầu nhận tội để được nhà nước khoan hồng**”. Trong đó có trích đoạn “Chúng tôi nhận thức được những hành vi đã làm là sai trái, vi phạm pháp luật. Chúng tôi rất hối hận và mong muốn những giáo dân khác đừng mắc sai lầm như chúng tôi...”. Đó là thái độ ăn năn của Lê Thị Hợ và Phạm Chí Năng, 2 bị can đang bị tạm giam về các hành vi hủy hoại tài sản và gây rối TTCC tại khu đất của Công ty CPMay Chiến Thắng, 178 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội”. (trích từ www.thuvienphapluat.com).

Trong khi đó thực tế trái ngược với những gì báo chí trong nước đã đưa tin, 8 Giáo Dân Thái Hà đã gửi văn thư yêu cầu đài truyền hình VTV1 và báo Hà Nội Mới đính chính nguồn tin sai sự thật mà họ đã loan tải về phiên tòa ngày 8 tháng 12 về việc hai cơ quan này đưa tin sai sự thật. Họ luôn khẳng định rằng việc làm của họ không hề sai trái, nhưng báo đài tại Việt Nam đã nói rằng những giáo dân này đã cúi đầu nhận tội để được nhà nước khoan hồng. Ông Nguyễn Đắc Hùng 1 trong 8 bị cáo kể lại:

“Tất cả chúng tôi đi ra tòa hôm đó ai cũng hiên ngang hết, không ai phải cúi đầu. Chúng tôi đi trong tư thế

ngẩng cao đầu chứ không như truyền hình báo chí thì họ vẫn đưa tin là mình cúi đầu nhận tội và xin hưởng sự khoan hồng của nhà nước thì cái đó hoàn toàn bịa đặt.. Chúng tôi có 1 cái đơn khởi kiện đài truyền hình và báo chí trong nước...”. Ông Phạm chí Năng cũng nói: “Cái này là đài của Việt Nam, người ta thông tin một chiều, tôi sẽ gửi đơn để khiếu nại về chuyện đó. Thật là nực cười, cả thế giới chưa từng có một phiên tòa như vậy, Hàng ngàn cảnh sát cơ động, hàng mấy trăm cảnh sát chìm, cảnh sát mặt, ép vào một phiên tòa gọi là công khai. Tôi rất mong những người cầm bút viết lên đây là lương tâm của mình, đây là sự thật, đây là chân lý. Tôi xin đài Á Châu Tự Do nói lên sự thật. nói lên sự công bằng...”



Việt Nam hiện có hơn 700 tờ báo chịu sự quản lý của Đảng và Nhà nước.

Bạn thấy hông, Lê Nguyên tui dám chắc hông có báo chí truyền thông nào ở xã hội tự do lại dám liều mình đưa bản tin sai lạc khi chưa kiểm chứng đâu... Nếu làm vậy thì chỉ có nước ông chủ nhiệm này phải vác tráp ra hầu tòa. Mà chưa hết đâu, dư luận còn công kích cho đến khi phải quỳ mọp xin lỗi thì mới thôi. Ở xã hội VN thì bạn biết đấy hiện nay có trên 700 tờ báo đều do nhà nước độc quyền quản lý, nhà nước đưa tin sai thì nhà nước tự im luôn cho khỏe. Vậy thì lấy đâu luật pháp để xử lý cho công minh đây. Thật hết ý kiến bạn nhỉ?

Na-uy ra luật phạt khách làng chơi

Năm mới 2009 có nhiều luật mới bạn ơi! Ty cảnh sát Oslo vừa cho ban hành luật chống tình trạng gái mại dâm đang hoành hành trên địa bàn thành phố. Dự luật này có hiệu lực kể từ đầu năm 2009, trong đó quy định rõ: “Đương sự nào bị bắt “tại trận” đang mua dâm thì sẽ bị phạt 9000 kroner, nếu bị bắt nhiều lần thì số tiền phạt sẽ nâng cấp số nhân... Riêng gái mại dâm được quyền tự do hành nghề thoải mái mà không phải lo sợ gì, vì luật này chỉ nhắm đến khách làng chơi mà thôi. Trước và sau khi được ban hành dân cư trên mạng ở các diễn đàn đua nhau tranh luận dữ dội quanh bộ luật lạ đời này. Người thì nói; cảnh sát nên trần đẹp, đuổi hoặc tống khứ mấy tiểu thư này về nước cho xong còn hơn là dùng biện pháp phạt tiền khách ham của lạ”. Viện dẫn rằng không có “gái” thì làm sao mua được!. Kẻ khác thì lại tiên đoán rằng làm như vậy thì thị trường tìm gái mại dâm sẽ rút quân vào trong bóng tối hết, dẫn đến tình trạng kiểm soát càng khó khăn hơn cho cảnh sát.

Oyvind Nordgaren đội trưởng cảnh sát phòng chống tội phạm cho nhật báo Aftenposten hay: "Đồng thời, chúng tôi đưa ra 2 phương án để hỗ trợ. Thứ nhất gia tăng số quân cảnh sát lưu động túc trực trên các địa bàn "nóng bỏng" làm giảm tệ nạn mua dâm. Thứ hai chúng tôi sẽ bố trí cảnh sát chìm tại một số nơi để thòp cổ những khách làng chơi ngoan cố". Về phía chính quyền thì lại lập luận rằng nếu không có người mua thì người bán làm sao sống nổi, từ đó thị trường mua dâm sẽ dần dần giảm thiểu. Đây chỉ là phương án thử nghiệm năm đầu tiên của cơ quan cảnh sát, hãy đợi xem kết quả trong thời gian tới ra sao bạn nhé!

Nữ hoàng "Blogger" nhật ký cá nhân

Blogger, hay nói một cách khác "nhật ký cá nhân trên mạng" một từ ngữ khá quen thuộc đối với dân cư trên net. Trong lúc tại Việt Nam trong tháng 12, 2008 nhà nước VN đã ra thông tư quyết quản lý "blog" nhật ký điện tử trên internet, nhằm ngăn cấm phổ biến quan điểm chính trị, tôn giáo, hay xã hội trên các trang blog. Thì trên tại Châu âu, nhiều bạn trẻ đã trở nên nổi tiếng làm giàu qua cách thông tin này.



Nữ hoàng blogger, Ida Wulff 18 tuổi

Điển hình tại Na-uy, cô gái tóc vàng Ida Wulff mới 18 tuổi, được giới báo chí mệnh danh là bloggdrønning (nữ hoàng nhật ký) hot nhất trên mạng hiện nay. Trang nhật ký của cô bé này (caffelatte.blogg.no) có lượng truy nhập từ 14000 đến 20000 ngàn lượt vào xem mỗi ngày, đang cạnh tranh với đối thủ là cô Isabella Löwengrip 17 tuổi người Thụy Điển (blondinbella.se) có số truy nhập lên đến 270 ngàn lượt mỗi ngày!.

Vậy bạn sẽ tự hỏi, quái lạ viết nhật ký thì làm gì mà giàu được cơ chứ?. Không, xin thưa với bạn rằng, trên thế giới có đến hàng trăm triệu trang blog, mỗi blogger này nội dung rất là đa dạng, đủ thể loại. Từ các vấn đề nóng bỏng về chính trị, xã hội, văn hóa đến một áo quần, thổ lộ tâm tình v.v.. tất cả được tác giả trao gởi đến người xem dưới dạng thông tin đa chiều. Các blogger hot và được giới trẻ ưa chuộng hiện nay thường là các tay viết về đời tư, kinh nghiệm về thời trang, tạo một mối hay tham gia một công tác gì đó ngoài xã hội. Cô bé Ida Wulff thổ lộ tháng đầu tiên khi cô viết blogg, cô đã thu được 10 000 kroner nhờ quảng cáo hàng tiêu dùng trên trang nhật ký của mình. Ngoài ra mỗi ngày cô nhận được nhiều sự ướm hỏi từ các doanh nghiệp, họ tặng hàng hóa, sản phẩm và nhờ cô

quảng cáo thị trường cho họ với số thù lao hậu hĩnh, nhưng Ida Wulff cho biết cô rất thận trọng và trong thời gian tới cô có ý hướng hợp tác với chàng Mørch Husby để mở một trang đặc san thời trang trên mạng.

Buồn hết chỗ nói

Năm nay dân nghiện ca nhạc tại Oslo ở Na-uy buồn như "mặt nước hồ Thu" vậy! Số là vậy, hằng năm cứ vào khoảng tháng 12 dịp nghỉ Giáng sinh là thời điểm các ông bầu sô mời các ca sĩ Việt nam thượng thặng sang lưu diễn tại Na-uy để mua vui cho các fans trong cộng đồng. Năm nay đặc biệt ngoài việc mời một số các nghệ sĩ hải ngoại, Bầu sô còn tăng cường thêm ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng từ trong nước ra. Đàm Vĩnh Hưng là một trong những tên tuổi ca nhạc "hot" nhất hiện nay trong nước với chất giọng trữ tình khàn khàn đặc biệt đã khiến cho bao con tim thổn thức với nhạc bản "Em ơi suốt đêm thao thức vì em, tình mình còn đẹp lúc ta sum vầy..". Gánh bầu sô năm nay tưởng đâu mọi chuyện tốt đẹp vì tổ chức ngay mùa Giáng sinh thanh bình... Nào ngờ đâu, khi mới được nửa chương trình ca nhạc thì có sự cố xảy đến bạn ơi?. Một thanh niên Việt nam 38 tuổi bị 3 người đồng bọn đâm nhiều nhát dao, máu chảy lai láng thấy mà ghê quá. Lúc này thì bà con Việt Nam ta hỗn loạn, tiếng la hét cộng với tiếng xe cấp cứu thì còn gì hứng thú coi ca nhạc tiếp nữa. Vậy là chương trình chấm dứt luôn sau vụ thanh toán nhau đẫm máu này. Tiền vé cũng không được trả lại vì đâu phải lỗi kỹ thuật âm thanh hay lỗi của ông Bầu mà hồi tiền vé lại cho bạn cơ chứ! Chỉ tội cho các ca sĩ mới đến Na-uy lần đầu tiên đã bị chào đón như vậy... Mấy năm trước một chương trình do Nguyễn Ngọc Ngạn làm MC nghe đâu cũng xảy ra vụ ẩu đả, nhưng không trầm trọng như năm nay. Các nhật báo Na-uy ngay hôm sau đã chạy tít lớn cho tin "giật gân" này khiến cho người xem đã buồn vì mất tiền mua vé mà còn buồn chuyện người, chuyện đời nữa...

Sự kiện hầu bạn thì còn nhiều mà sức của Lê Nguyên tui thì có hạn. Nhìn ngoài trời đã quá nửa đêm, hàn thử biểu mới đó đã tụt xuống đến con số 14 độ âm, cái lạnh kinh hồn bên ngoài cộng thêm sự tĩnh lặng của màn đêm làm cho Lê Nguyên thấy chút cô đơn lạnh lẽo quá thôi đành kiêu bạn nơi đây để lên tìm hơi ấm của cái mền 37 độ quen thuộc vậy. Trước khi tạm biệt, không quên gởi đến bạn cùng gia đình lời chúc mừng năm mới Kỷ Sửu 2009 an vui và hạnh phúc nhé!

Lê Nguyên

(Tài liệu tham khảo: dagbladet.no, vg.no, rfa.org, vietcatholic.net, bbc.com, cnn.com, báo diễn đàn kinh tế)





Thư cho nhau

- Ban Thực Hiện Viết & Đọc chân thành cảm tạ bạn đọc đã ủng hộ Viết & Đọc trong năm qua, đặc biệt các vị: Vũ Đức Thịnh 200 Kr, Hoàng Thị Thu Hồng 100 Kr, Nguyễn Thanh Hiếu 200 Kr, Trương Minh Đức 400 Kr và Trần Văn Nho 100 Kr.
- Viết & Đọc vui mừng chào đón sự góp mặt lần đầu tiên của Bác Học và Lê Phương Châu. Hy vọng cuộc giao duyên sẽ thâm thiết, bền lâu.
- Và sau hết, Viết & Đọc kính chúc toàn thể quý thân hữu góp mặt trong Đặc San 2009 và bạn đọc khắp nơi một năm mới an khang thịnh vượng.

CÂU ĐỐI TẾT

CHUỘT ĐI – TRÂU TỚI

CHUỘT tạm rút, hang sâu còn dưới đất, chui bồ, rúc cọt, coi chừng lũ CHUỘT rất khôn!
TRÂU đang về, ách nặng vẫn trên vai, xỏ mũi, quất roi, yên phận kiếp TRÂU là khổ



phạm tín an ninh

ở cuối hai con đường

tập truyện ngắn

ở cuối hai con đường ở cuối hai con đường ở cuối hai
con đường ở cuối hai con đường ở cuối hai con đường ở
cuối hai con đường ở cuối hai con đường ở cuối hai con
đường ở cuối hai con đường ở cuối hai con đường ở cuối
hai con đường ở cuối hai con đường ở cuối hai con
đường ở cuối hai con đường ở cuối hai con đường ở cuối
hai con đường ở cuối hai con đường ở cuối hai con
đường ở cuối hai con đường ở cuối hai con đường ở cuối

tác giả xuất bản

**Tác phẩm đầu tay của Phạm Tín An Ninh
Xuất bản và phát hành 2008
Được độc giả đón nhận nồng nhiệt
tại buổi ra mắt tại Hoa Kỳ và Úc châu như
một hiện tượng văn học Việt Nam hải ngoại năm 2008
Muốn mua sách, xin liên lạc với tác giả
phamtinanninh@yahoo.no**